

PHAN-KẾ-BÌNH

NAM HÀI DỊ NHÂN

LIỆT TRUYỀN

(In lần thứ năm)

LÈ-VĂN-PHÚC, hiệu chính
sửa và thêm nhiều bài

Onvrage inscrit au programme du Baccalauréat
Sách có dự vào chương trình học thi Tú-tài



HANOI
IMPRIMERIE TONKINOISE
LÈ-VĂN-PHÚC
50-52, Rue du Chêvre
1930

PHAN-KÊ-BÍNH

NAM HÀI DỊ NHÂN

LIỆT TRUYỆN

(In lần thứ năm)

LÊ-VĂN-PHÚC, hiệu chính

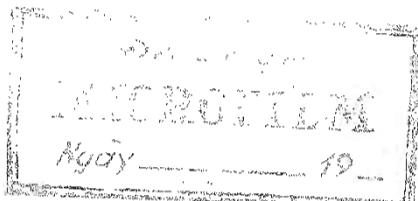
sửa và thêm nhiều bài

Ouvrage inscrit au programme du Baccalauréat
Sách có dự vào chương trình học thi Tú-tài



47012

HANOI
IMPRIMERIE TONKINOISE
LÊ-VĂN-PHÚC
80-82, Rue du Chanvre
1930



Txa

Hào-kết anh-tài là khí tinh-anh của một nước; cho nên nước nào cũng có, mà thời nào cũng có. Nhơn thi gác dựng nên thời thế, là điểm cho non-sông; nhở thi lập nên công-nghiệp, để danh tiếng vè sau; cũng là lâm-guong cho người đời cả.

Nước Nám ta từ xưa đến nay, trải hơn 4.000 năm, chẳng thiếu gì người tài đức, người danh-tiếng; nhưng bởi vì sự tích xe-xôi mà không rõ, hoặc vì sử sách biên sót mà không tường. Có còn người nào ghi vào sử, hoặc chép vào kí-tái của các từ giæc, thi còn có thể lưu-truyền lại được.

Nhưng lại ngặt vì sách thi ít, cho nên lưu-truyền ra không được rộng. Người ta nói truyền-cô-lịch chẳng qua chỉ mới vài người được trong sách, rồi thi truyền khẩu che-nhau, lõm bùm người nhớ khéo này, kè nhớ khéo kia, mới người truyền đi lại-sát-một-lì, té ra nhầm-tần-sai cả sự-thực của người xưa. Vì chẳng minh là người nước Nám, mà sự tích các bậc danh già trong nước Nám nǎnh không biết, chung-hữu ra kiến-thức của mình làm làm đì?

Vi vậy chúng tôi lập cựu-trong-chinh-sik và các tạp-ký tìm những truyền-các người có danh-vọng, có sự-tích lạ-lùng, chia sang-nao-tung-mục, cứ theo thể-thức trước-sau mà đặt, gọi là «Nám-hà» di-nhân-liệt-truyền», trước là để lưu-cát sự-tích của người trước, sau là để các vân-nhân tài-tử xem cho biết anh-tài nước-naminh, thi chẳng những là giúp được khi vui-cười, mà cũng có thể tư-tin-ti-khon được cho người ta nữa.

Còn-như những sự-quái-tý, là lời-tục truyền, để lại, thi chung-lời cũng-theo mà chép vào đây, hoặc có, hoặc không, tùy người xem nén lấy nghĩa lý mà đoán, chờ cũng không-dám chắc là có những việc-úy-cá.

Ngày 27 tháng sáu năm Nhâm-thi, niên-hiệu Duy-tân thứ sáu (le 9 April 1912).

PHAN-KẾ-BÌNH cầm-tua
LÊ-VĂN-PHÚC hiệu-chính.

LỜI NGƯỜI HIỆU CHÍNH

Sách này có dự vào chương-trình học thi tú-tài, lần này là lần in thứ tư, có hiệu chính lại, và có kẽ cứu chép thêm vào để ghi cho đủ các bậc anh-hùng hào-kiệt nước Nam ta, như là sự tích Đức Gia-long cùng các bậc danh-thần, danh-tướng.

Xem sách này có thể biết được đại-lược lịch-sử nước nhà, chẳng khác gì đối với các bậc cõi-nhau từ bốn nghìn năm về trước, mà ngầm làm gương chung về sau; không những là giúp về việc văn-dề thi-cử, mà về phần tri-dục, đức-dục cũng có tư-ích được ít nhiều.

Nay kính dâng,

Kim-giang LÊ VĂN PHÚC hiệu chép

Décembre 1916.

N. B. — Những bài mới thêm có đề dấu (*)

NAM HÀI DI NHÂN LIỆT TRUYỀN

CHƯƠNG THỨ I

Các bậc đại anh-kiệt

1.— Trung-vương

Xưa về thời nội-thuộc nhà Đòng-Hán, ở huyện Mê-linh, đất Phong-châu (tức huyện An-lãng, tỉnh Phúc-yên bây giờ), có quan Lạc-tướng họ Hùng sinh được hai người con gái, chị tên là Trắc, em tên là Nhị; hai chị em vốn có tiếng anh-hùng.

Chị lấy chồng tên là Thi-Sách, về dòng dõi vua Hùng-vương, làm quan châu ở bộ Chu-diên (bây giờ là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên).

Quan lão-thú bấy giờ tên là Tô-Định, tính tham tàn hay hại người, thấy Thi-Sách lấy được bà ấy, sợ về sau có mưu phản gì chăng, mới kéo binh vây thành Chu-diên, giết mất Thi-Sách.

Bà ấy tức giận lắm, cùng với em là Nhị chiêu binh lập mã, để đánh báo thù cho chồng. Các hào-kiệt trong nước ai cũng có bụng oán Tô-Định, tranh nhau kéo đến theo bà ấy; không bao lâu được hơn 10 vạn quân, bà ấy mới đem quân đến đánh Tô-Định. Tô-Định chống giữ không nổi, phải chạy ra bờ Nam-hải rồi lẩn về Tàu. Bà ấy thừa thế đánh tràn, hạ được 56 thành ở xứ Lĩnh-nam (thuộc hạt Quảng-Đông, Quảng-Tây, nước Tàu); mới đổi là họ Trung, tự lập lên làm vua, gọi là Trung-vương, bấy giờ là năm Canh-tí niên-hiệu Kiến-võ thứ 16 đời vua Quang-vũ nhà Hán, (sáu Thiên-chúa 40 năm).

Bà Trung-vương làm vua được 3 năm, vua Quang-vũ sai quan Phục-ba tướng-quân là Mã-Viện đem binh sang đánh. Bà Trung-vương đem quân trống nhau với quân Tàu ở hồ Lãng-bạc (tức hồ Tây, Hà-nội). Mã-viện tài kiêm văn võ, mà lại khéo dùng binh, đánh nhau mấy trận thì quân của bà Trung-vương cùng thua cả, mới lui về giữ Cẩm-khê (bây giờ thuộc phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn-tây). Bà ấy nghĩ mình là quân ô-hợp, không

thề đương được với quân Mă-viên, mà hàng thì bà ấy cũng không chịu hàng. Sau mới rút quân về đến xã Hát-môn, huyện Phúc-lộc (tức là huyện Phúc-thọ, thuộc Sơn-tây), thì bà ấy bức chí nhảy xuống sông Hát-giang tự tận.

Em là Trưng-Nhi thấy chị đã liều mình xuống sông, cũng liều mình xuống theo chị nốt.

Than ôi ! Một đời nữ anh-hùng nước Nam, tuy vì tài liều yếu đào thơ, không làm được công nghiệp oanh-oanh liệt-liệt, nhưng biết giận kẻ tàn ác, khởi binh đánh đuổi đi, cũng lừng lẫy được một thời mà lưu danh thiên cổ, gầy dựng nền độc-lập cho đời sau ; khá khen thay ! khá khen thay !

Từ lúc hai bà ấy xuống sông, rồi hóa ra hai người bằng đá, nỗi lệnh đèn trên mặt nước trôi đi. Các làng quanh sông thấy vậy, tranh nhau ra khấn để vớt về thờ, nhưng chỉ có làng Đồng-nhân ở huyện Thanh-trì (bây giờ thuộc về tỉnh Hà-đông), vớt được, mới lập đền thờ ở bãi làng ấy. Dân xã Hát-môn thấy sự thiêng làm vậy, cũng lập đền thờ vọng ở bên sông.

Đến đời vua Anh-tôn nhà Lý, chỗ bãi Đồng-nhân lở gần đến miếu thờ. Vua sai làng Hưng-viên bên trong dê, ra đền rước tượng hai bà ấy vào, rồi vua ban tiền bạc cho dân lập miếu mà thờ, phong sắc là «*Trinh-linh chi phu nhân*». Đến ấy bây giờ vẫn còn, tục gọi là đền Hai-bà.

Đến đời nhà Trần, lại phong thêm tám chữ : «*Uy liệt chế thắng thuận trinh bảo thuận*». Đến bây giờ vẫn còn anh linh lâng.

2. — Bố-cái đại-vương

Về thời nội-thuộc nhà Đường ở quận Đường-lâm, (bây giờ là làng Cam-lâm thuộc huyện Phúc-thọ, Sơn-tây), có ông Phùng-Hưng, nguyên đời đời được lập phong làm Tù-trưởng châu ấy (tức là quan-lang).

Nhà ông Phùng-Hưng giàu có quyền hành nhất vùng ấy, lại có sức khỏe lạ thường, có thể đấm chết hổ, đầy ngã trâu. Em tên là Phùng-Hải, cũng có sức khỏe đội nồi nghìn cân, đi hơn 10 dặm. Các người rợ đâu đâu cũng phục nhà ông ấy.

Trong năm Trinh-nguyên nhà Đường (791), nước Nam có đám loạn-quân khởi biến. Hai anh em ông Phùng-Hưng nhận dịp ấy, mới đem quân đi dẹp loạn các nơi lân-ấp, đi đến đâu dẹp tan đến đấy.

Ông ấy đặc chí rồi, đổi tên gọi là Cự-Lão, tự xưng là Đô-quân. Em thì đổi tên là Cự-Lực, tự xưng là Đô-bảo. Nhận dùng mèo của bộ-tướng tên là Đỗ-anh-Luân, đem quân tràn ra các châu quận, người theo về càng ngày càng nhiều, có ý muốn đến phá phủ Đô-hộ.

Quan Đô-hộ bấy giờ là Cao-chinh-Bình, đem quân đi đánh bị thua, rồi lo lắng thành bệnh mà chết. Ông Phùng-i-lưng mới chiếm giữ phủ-thành, tự coi việc Đô-hộ, được 7 năm thì mất.

Chúng muốn lập em là Hải lên nối ngôi, nhưng trong bọn bầy-tôi có người đầu-niục tên là Bồ-phá-Lặc, có sức khỏe đạp đồ núi, nhắc nỗi vạc, người ấy nhất định không nghe, mới lập con ông Hưng tên là An lên nối nghiệp, mà đem quân ra cự nhau với Phùng-Hải. Hải chịu thua, Bồ-phá-Lặc bắt đầy ra ở đồng Chu-nhan.

An được lập rồi, tên vua cha gọi là Bố-cái đại-vương (tục bấy giờ gọi cha là Bố, gọi mẹ là Cái). Được hai năm, vua Đức-tôn nhà Đường sai Triệu-Xương sang làm Đô-hộ Triệu-Xương sai sứ đến dụ hàng, An chịu hàng, cơ nghiệp họ Phùng mới đồ.

Khi trước ông Phùng-Hưng mới mất, thường có hiền linh ở trong dân thôn, hiện hình ra nghìn xe, muôn ngựa, bay ở trên các mái nhà, cũng là trên ngọn cây cồ-thụ, trông tựa hồ đám mây ngũ-sắc. Lại có tiếng đàn sáo bát âm ở trên không, và tiếng quát tháo. Lại thấp thoáng trông thấy cả cờ, tàn, vồng, lọng. Phàm trong làng có việc gì mừng hay sợ, tất báo mộng trước cho các người hào-trưởng. Dân gian thấy lầm sự hiền linh, mới lập miếu ở mé tây phủ Đô-hộ để thờ. Dân có việc cầu đảo, thường ứng nghiệm lầm.

Đến thời Ngô-chủ Quyền, có giặc Bắc sang xâm. Ngô-chủ năm mơ thấy một ông cụ đầu bạc phơ phơ, áo mũ tề chỉnh, tự xưng là Phùng-Hưng và nói rằng: "Tôi xin lĩnh một muôn thần-bin, phục săn ở chỗ hiểm-yếu, ông nên tiến binh mà đánh giặc đi, đã có tôi giúp, không cần phải lo". Đến lúc Ngô-chủ đánh nhau với Hoằng-Tháo ở sông Bạch-dắng, quả nhiên nghe trên không có tiếng xe ngựa ầm ầm. Ngô-chủ phá được quân Nam-Hán giờ về, sai sửa sang đình miếu cho hoa mỹ rồi dùng lễ thái-lao đến tạ ơn.

Từ bấy giờ triều nào cũng có phong tặng, phong làm « Phu-hữu chương-tín sùng-nghĩa đại-vương ».

3. — Đinh Tiên-hoàng

Tiên-hoàng họ Đinh tên là Hoàn, người ở đồng Hoa-lư, phủ Đại-hoàng (bây giờ là phủ An-khánh, tỉnh Ninh-bình), nguyên là con quan nha-tướng của Dương-dinh-Nghệ tên là Đinh-công-Trú.

Tục truyền ở đồng Hoa-lư xưa có con rái-cá cực to, yợ ông Công-trú một hôm tắm ở dưới suối, bị con rái-cá hiếp, về mồi có mang. Khi con rái-cá bị người ta bắt được ăn thịt, quẳng xương ra đường cái, thì bà ấy nhặt về mà gác lên gác bếp.

Về sau, ông Công-Trú mất rồi, bà ấy mới sinh ra Đinh Tiên-hoàng, Tiên-hoàng nhón lên, thông minh nhanh nhẹ, mà tài nghẽ lội nước. Nhà nghèo, phải nương nhờ ở với chú. Bấy giờ có một thầy địa-ly Tàu sang nước ta xem đất, đi từ Hưng, Tuyên theo long-mạch đến mãi phủ Đại-hoàng, trông xuống dòng sông thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đồ là ở đáy tất có huyệt để vương. Mới gọi trẻ thuê tiền cho thử lặn xuống chỗ ấy xem làm sao. Tiên-hoàng vốn tài lặn, mới nhận nhời lặn xuống thì sờ thấy có con ngựa băng đá đứng ở dưới đáy sông, mới lèn bờ bảo với người khách, người khách đưa cho nắm cỏ, bảo thử xuống dù vào mồm ngựa xem ra làm sao, ngài cầm nắm cỏ xuống dù thì con ngựa há miệng ra đớp ngay.

Ngài lại lên nói truyện với người khách, người khách lấy tiền thưởng cho ngài rồi đi. Ngài vốn thông minh, biết ngay chỗ ấy hẳn là đại-huyệt, về nói truyện với mẹ. Xem mả cha ở đâu, để đem táng vào huyệt ấy. Bà mẹ trổ lên gác bếp, rồi lấy nắm xương đưa cho ngài, ngài đem ra, lại lặn xuống chỗ vực sâu ấy, cũng lấy cỏ bọc nắm xương dù vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đớp mà nuốt đi.

Từ đấy ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, bầu ngài lên làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí-giới, đi đánh nhau với trẻ làng khác. Đi đến đâu, các trẻ phải sợ hãi kinh phục. Một bữa, hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng, nhân có con bò của chú cho đi chăn, mồ ngay ra làm cỗ để khao các chúng. Chú ở nhà nghe tin, vác gậy ra đồng xem làm sao, thì thấy chúng đã ăn tiệc xong rồi. Chú tức giận lắm, vác gậy đuổi đánh, ngài sợ hãi, chạy đã bí đường, phải nhảy choàng xuống sông, bỗng dung có con rồng vàng ở dưới sông hiện ra đội ngài lên, người chú thấy vậy kinh hoảng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

Từ bấy giờ danh tiếng ngài hùng lẫy, các hào-kết trong nước
đề lòng trông mong về ngài. Nhân bấy giờ về cuối đời Nam-Tấn, nước Nam có 12 ông Sứ-quân nổi lên, mỗi người chiếm
giữ một phương, như là :

- 1° — Ngô-xương-Xi giữ ở Bình-kiều.
- 2° — Kiều-công-Hãn giữ ở Phong-châu, (nay là Bạch-hạc, Vĩnh-yên), tự xưng là Tam-chế.
- 3° — Nguyễn-Khoan giữ phủ Tam-dái, (nay là phủ Vĩnh-tường, Vĩnh-yên) tự xưng là Thái-bình-công.
- 4° — Ngô-nhật-Khánh giữ châu Đường-làm (nay là làng Cam-lâm, huyện Phú-thọ, Sơn-tây) tự xưng là Anh-hiền-công.
- 5° — Đỗ-cảnh-Thạc giữ ở Tương-giang (lúc là Đỗ-động-Giang nay thuộc Thanh-oai, Hà-dông).
- 6° — Lý-Khuê giữ ở Siêu-loại (Thuận-thành, Bắc-ninh).
- 7° — Nguyễn-thủ-Tiệp giữ ở Tiên-du, (thuộc Bắc-ninh) tự xưng là Nguyễn-linh-công.
- 8° — Lã-Đường giữ ở Tế-giang, (nay là Văn-giang, Bắc-ninh) tự xưng là Tá-công.
- 9° — Nguyễn-Siêu giữ Tây-phù-Liệt (thuộc Thanh-trì, Hà-dông) tự xưng là Nguyễn-thạch-công.
- 10° — Kiều-Thuận giữ ở Hồi-hồ (nay là huyện Cẩm-khê, Phú-thọ) tự xưng là Kiều-linh-công.
- 11° — Phạm-bạch-Hồ giữ Đằng-châu (nay là Khoái châu, Hưng-yên), tự xưng là Phạm-phòng-át.
- 12° — Trần-Lâm giữ ở cửa Bố-chinh, (nay là Kỳ-bố thuộc phủ Kiến-xương), tự xưng là Trần-minh-công.

Tiên-hoàng nhân dịp ấy, theo về nương nhờ với Trần-minh-công. Trần-minh-công thấy ngài là dòng dõi tướng võ, và có tài cán, mới dùng cho cai quản binh lính. Không bao lâu, Trần-minh-công mất, ngài thay lĩnh hết cả quân quyền, tự xưng là Đinh Bột-linh, dần dần đem quân đi dẹp các nơi, thì đi đến đâu dẹp tan đến đấy, tự xưng là Vạn-thắng-vương. Rồi lại nhất thống được hết mọi nơi, mới lên ngôi Thiên-tử đóng đô ở Hoa-lư, sửa sang thành quách, cung điện, đặt quốc-hiệu là Đại-cồ-việt.

Khi trước thảy địa-lý Tàu về lại giở sang, toan mang mả tôle tang vào thủy-mã huyệt, sang đến nơi thì đã thấy ngài nổi lên hùng-dũng, biết là ngài được đất ấy rồi. Người khách không sao được, muốn lập mưu để phản lại, mới vào hầu mà nói rằng:

— Ngài được ngôi đại địa ấy, cũng bởi lúc phúc nhà ngài mà
giời cho đấy ; nhưng có ngựa phải có kiểng thì mới tung hoành
ra bốn bể, vậy ngài nên để thêm thanh kiểng lên cõi ngựa thì
mới hay.

Tiên-hoàng tưởng nó nói thật, mới lấy thanh gươm gác lên
trên cõi ngựa, không ngò kiểng có sát khí, (1) có kiểng thì tuy
làm được lùng lẫy, nhưng không được lâu dài. Vì thế ngài ở
ngôi được 11 năm thì bị Đô-Thích giết mất, mà đến đời con là
Vệ-vương, thì cơ nghiệp lại về tay triều khác.

4. — Lý Thái-tồ

Thái-tồ họ Lý tên là Công-Uẩn, người làng Cồ-pháp, tỉnh
Bắc-ninh.

Tục truyền đời ông thân-sinh ra ngài, nhà nghèo khó, đi làm
ruộng thuê ở chùa Tiêu-sơn, huyện An-Phong, phải lòng một
người tiểu-nữ có mang, (2) nhà sư thấy thế đuổi di chở khác.
Hai vợ chồng mang nhau đi, đến chở rừng Báng, mệt mèi ngồi
nghỉ mát. Chồng khát nước, xuống chở giếng giữa rừng uống
nước, chẳng may sảy chân xuống giếng chết đuối. Vợ ngồi chờ
lâu không thấy, đến giếng xem thì đất đã dùn lấp giếng rồi,
ngồi khóc lóc một hồi, rồi vào ngủ nhờ trong chùa Ưng-tâm ở
gần đấy.

Ông sư chùa Ưng-tâm, đêm hôm trước năm mè thấy ông
Long-thần báo mộng rằng : « Ngày mai dọn chùa cho sạch, có
Hoàng-dế đến. » Nhà sư tỉnh dậy, sai tiểu quét dọn sạch sẽ,
chực đợi từ sáng đến chiều, chỉ thấy một người liền-bà có mang
xin vào ngủ nhờ.

Nhà sư lấy làm lạ hỏi rằng :

— Chồng con quê quán ở đâu ?

Người liền-bà kê tên họ nhà chồng, và nói lại truyện sa
xuống giếng. Nhà sư cho ở nhờ ngoài cửa tam quan. Được vài

(1) Có bản cho người khách xui đeo thanh kiểng vào tai ngựa, rồi nước ở chõi ấy
soáy mạnh lắm, lâu ngày thành kiểng cưa đứt cõi ngựa, cho nên mới hại.

(2)Ở sứ nói là bà mẹ ngài năm mươi thay giao cảm với thao nái Tiêu-sơn, có mang
sinh ra ngài. Ông sư chùa Cồ-pháp tên là Lý-khánh-Văn nuôi ngài làm con nuôi, cho
nên theo về họ Lý.

tháng, có một đêm, thơm nức cả chùa, nhà-sư thức dậy trông ra tam-quan, thì thấy sáng rực lên. Nhà-sư sai bà hộ-chùa ra thăm, thì người liền-bà ấy đã sinh ra một đứa con trai. Bà hộ-chùa bế đứa bé vào chùa cho nhà-sư xem thì thấy hai bàn tay có bốn chữ son : « Sơn-hà xã-tắc 山 河 社 稷 ». Xem rồi, bỗng nhiên giời nổi cơn mưa to gió nhỡn. Đến lúc bà hộ-chùa trở ra, thì người liền bà đã chết rồi, nhà-sư sai đem chôn ở dang sau vườn.

Từ đấy, nhà-sư nuôi người con trai, lên sáu tuổi đã có khí phách thông minh. Một hôm nhà-sư sai mang oán lên chùa dâng cúng, thì chú nhỏ đã khoét lấy ruột oán ăn trước. Đến đêm, ông Long-thần báo mộng cho nhà-sư. Sáng mai, nhà-sư gọi mắng chú nhỏ ấy. Chú nhỏ hỏi :

— Ai nói với ông như thế ?

Nhà-sư kêu sự ông Long-thần báo mộng, chú kia tức lầm, lên chùa đánh vào cổ ông Long-thần ba cẳng tay, rồi viết vào sau lưng bốn chữ rằng : « Lưu tam thiền lý ». Đến đêm ông Long-thần lại báo mộng cho ông sư rằng : « Hoàng-dế đã đuổi tôi rồi, thì ông nghỉ lại để tôi đi ». Nhà-sư thức dậy sớm, vội vàng lên chùa xoát xem, thì thấy sau lưng ông Long-thần có mấy chữ ấy, mới bắt tiều lấy nước vào rửa, thì rửa làm sao cũng không sạch. Nhà-sư bảo chú nhỏ ấy rửa, thì chỉ nhão ít nước bọt chùi đi sạch ngay.

Khi 8, 9 tuổi, nhà-sư cho chú nhỏ ấy theo học ông sư ở chùa Tiêu-son tên là Vạn-Hạnh. Một khi học không thuộc, phải ông thầy trói lại nằm dưới đất một đêm, mới ngâm một câu thơ rằng :

*Canh khuya không dám giang chân ruồi,
Vì ngại non sông, xã tắc xiêu.*

Vạn-Hạnh thấy có khẩu-khi thiền-tử, tự bấy giờ có lòng kính trọng lầm.

Ngài nhởn lên, khảng khái có chí khí to, nhân có công, làm quan thời vua Thiếu-dế nhà Lê. Khi vua Thiếu-dế bị giết, thì ngài nằm ôm lấy thây vua mà khóc. Vua Ngoa-triều khen là trung, nhắc lên làm Tú-tương quân-chẽ chỉ-huy-sứ, thống lĩnh hết quân túc-vệ.

Bấy giờ ở làng Cồ-pháp có cây gạo cồ thụ, bị sét đánh trước
lần da ngoài, trong thân cây có mấy câu sấm rằng:

Thụ cồn liêu liêu,	樹 根 杏 杏
Mộc biểu thanh thanh.	木 表 青 青
Hòa dao mộc lạc,	禾 刀 木 落
Thập bát tử thành	十 八 子 成
vân vân.....	云 云.....
.....

Vạn-Hạnh xem câu sấm ấy, biết là diềm nhà Lê đỗ mà nhà
Lý sắp lên, bảo riêng với ngài rằng:

— Xem câu sấm ấy, thì chắc nhà Lý lên làm vua. Thiên-
hạ tuy cũng nhiều họ Lý, nhưng xem ra thì không ai bằng ngài
có bụng nhân từ khoan thư, và lại lòng dân tin mến nhiều, thì
phi ngài không ai làm nổi.

Ngài thấy nói làm vậy, sợ nói lộ truyện ra ngoài, phải giấu
Vạn Hạnh ở chùa Tiêu-sơn. Đến khi vua Nguoi-triều mất vua
kế tự còn nhỏ, ngài cầm quân túc-vệ trong chốn cung cấm. Có
quan chi-hậu là Đào cam-Mộc mưu với các quan triều, lập ngài
lên làm thiên-tử.

Ngài đã lên tri vị, thấy chỗ kinh-dô Hoa-lư hép hòi lắm,
mới thiên lên đóng đô ở Đại-la-thanh, nhân có diềm rồng vàng
hiện ra, mới đổi tên gọi là thành Thăng-long (tức thành Hà-nội
bây giờ).

Ngài ở ngôi được 18 năm thì mất.

Xét ngôi huyệt chỗ giếng trong rừng Bàng ấy, những gò ở
chung quanh, trông hình như cái hoa sen nở rà tám cánh, cho
nên nhà Lý truyền ngôi được tám đời, bảy giờ thuộc về làng
Đinh-bảng huyện Đông-ngàn.

Vì ngài sinh ra ở chùa Ứng-tâm, cho nên chùa ấy bảy giờ
thành tên gọi là chùa Dặn.

5. — Lê Thái-tồ (1)

Thái-tồ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam-sơn, xứ Thanh-
hóa, có chí khí to từ thuở nhỏ.

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng
Như-áng, một bùa đi qua Lam-sơn, thấy có đàn quạ xúm xít

bay liêng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng : « Chỗ này là chỗ đất hay dây ! » Mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào-trưởng ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

Cuối đời nhà Trần, Hồ-qui-Lý cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Trương-Phụ, Mộc-Thạnh sang đánh, bắt được cả hai bồ con Hồ-qui-Lý đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lầm sự tàn ác : Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng ; nào là bắt dân mò hạt trân-châu. Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa-rùa chín đuôi, vượn bạch, trăn to. Lại lầm chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ái, bởi thế trộm giặc chồ nào cũng nồi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lầm.

Thái-tô trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

Người nhà Minh vốn biết ngài là hào-kiệt nước Nam, muốn dụ ngài ra làm quan, ngài không thèm ra, nói rằng :

— Đại truong-phu nên giúp lúc nạn to, lập nên công nhơn, chứ lại thèm làm dầy-lớ ngườ ta à !

Đến năm Mậu-tuất (1418), ngài nhân được thanh thắn-kiếm, và được bọn Nguyễn-Trãi, Trần-Hãn đến giúp nhận mới mỏ quân khỏi nghĩa chiêu dụ hào-kiệt. Đánh nhau với quân nhà Minh, lầm trận giàn truân, mà chí ngài vẫn không núng.

Một khi, ngài thua trận ở Côi-huyện, quân sĩ tan chạy mất cả, chỉ còn độc một mình lüm đường chạy trốn. Tướng nhà Minh đem quân đuổi theo, ngài túng thế không biết làm thế nào, xảy gặp một ông lão nhà quê đang tát ruộng cấy mạ, ngài nhảy ngay xuống ruộng cầm mạ cấy đỡ cho ông ấy. Một lát quân Minh đuổi đến nơi, thấy người làm ruộng, hỏi thăm rằng :

— Có thấy ai chạy qua đây không ?

Ông lão làm ruộng đã biết ý, chắc ngài là vua Lê, mới trổ tay về mé trước mặt nói rằng :

— Tôi vừa thấy một người chiến-tướng, hót-hơ hót-hải chạy về mé trước kia kia !

Quân nhà Minh tưởng thực, kéo cả đi về mé trước ngài nhân thể được thoát.

Lại một bùa quân Minh đuổi kịp quá, phải nấp mình vào trong bụi rậm. Quân Minh có con chó săn cực khôn, lồng lây cắn vào trong bụi. Quân Minh cầm giáo xả vào, bỗng thấy một con cáo chạy ra, quân mới bỏ đám ấy mà đi, nhân thể lại được thoát.

Lại một buổi đánh nhau với Tham-tướng Minh-là Phùng-Quí, thua trận chạy về đến núi Linh-son, quân hết lương ăn, phải nhịn đói mất hơn hai ngày, chỉ đào củ chuối và cải rau ăn trùm bùa.

Tuy vậy, càng thua lại càng phẫn chán, chờ không lòng, và lại được các tướng giúp đỡ, như bọn Lê-Sát, Đinh-Lê, Nguyễn-Xí, Lê-Triệu, ai nấy cùng giặc một lòng, cho nên dần dần lại chuyên thua thành được. Về sau, đánh được Trần-Trí, đuổi được Phượng-Chinh, chém được Liêu-Thắng ở núi Mã-an bắt sống được bọn Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc, trong mươi năm giờ quét sạch bờ cõi, bấy giờ ngài mới lên ngôi Hoàng-đế.

Khi ngài thành công rồi, một bùa ngự thuyền rồng chơi trong hồ Tả-vọng, bỗng thấy một con rùa to bơi trên mặt nước, ngài cầm thanh thần-kiếm chỉ xuống, không ngờ bị con rùa ấy dòp lấy rồi lặn mất, bởi thế đổi tên hồ ấy là hồ Hoàn-kiếm, nghĩa là giả gươm của giời.

Ngài đem lại nước Nam, làm nên công nghiệp hiển hách, truyền đời ngót 400 năm giờ, thực là một vị đại-anh-hùng đệ nhất nước Nam.

* 6. — Bắc-bình vương

Bắc-bình vương tên là Nguyễn-văn-Huệ, người làng Tây-son tỉnh Qui-nhân, em vua Tây-son là Nguyễn-văn-Nhạc.

Bắc-bình vương tiếng tö như chuông mặt sáng như điện, súc khỏe tuyệt trần, mỗi khi làm trận, chỉ hai tay cầm hai dùi đồng, phi ngựa xông vào giữa trận, hàng mấy nghìn người cũng không địch nổi. Lại có trí mưu quyền biến, mèo mực như thần.

Khi trước giúp anh khởi loạn ở trong Qui-nhân, về sau giết từ Thuận-hoa giở ra, tự xưng là Bắc-bình vương.

Trong năm Bính-ngo thời Cảnh-hưng (1786), đem quân ra Bắc-hà, mưu trừ họ Trịnh để giúp nhà Lê. Giết được Trịnh-Khai, lập vua Chiêu-thống nhà Lê, rồi đem binh về đóng ở Phú-xuân, mà sai bộ-tướng và Võ-văn-Nhâm đóng quán ở Nghệ-an, để rình tin tức ngoài Bắc-hà.

Năm sau, nhân có Nguyễn-hữu-Chỉnh muốn giúp vua Chiêu-thống để cự nhau với mình, mới sai Văn-Nhâm đem quân ra đánh Bùn-Chỉnh, đuổi mãi đến núi Tam-tùng bắt được, giải thây giết chết. Kìi lưu Ngô-văn-Sở cùng Ngô-Nhâm ở lại trấn thủ Tliêng-long, lập Sùng-nhượng công Duy-Cần giám-quốc.

Vua Chiêu-thống chạy sang Tàu cầu cứu. Vua Càn-long nhà Thanh sai Tông-dốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ-Nghị đem quân lưỡng Quảng cùng Vân, Quí hơn 20 vạn chia làm hai đường kéo sang.

Ngô-văn-Sở đem quân lui vào đóng ở Tam-diệp, Biện-sơn, đưa tin vào cáo cấp.

Bắc-bình vương được tin cả giận nói rằng : « Những quân Ngô-cầu này sao dám đóng dỗ làm vậy ! » Bèn hạ lệnh khởi binh, các tướng-sĩ đều xin trước chính vị hiệu, để hệ nhân-tâm, rồi sẽ đem quân ra. Ngày hôm 25 tháng 11 năm Mậu-thân (1788), Bắc-bình vương lên ngôi Hoàng-đế, kỷ-nguyên là Quang-trung. Rồi khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ đem ra Bắc-hà, ngày 20 tháng chạp, kéo đến núi Tam-diệp, khao-thưởng quân-sĩ, truyền cho ba quân tạm làm lễ tết nguyên-dán, hẹn đến mồng 7 tháng giêng, ra thu phục được thành Thăng-long rồi sẽ mở tiệc khai-hạ. Tức thì chia quân các đạo kéo ra. Mồng ba tháng riêng năm Kỷ-dậu (1788) kéo quân đến vây đồn Hà-hồi, (bây giờ thuộc phủ Thường-tín, Hà-dông), truyền loa gọi dạ ầm ầm, đến hàng và vạn người ; quân Tàu trong đồn sợ run cầm cập, bỏ tan mà chạy, bắt được giết sạch, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt mà về báo Thăng-long được nữa.

Vua Quang-trung thừa thắng đánh tràn đến đồn Ngọc-hồi, Văn-diễn, Yên-Qüyet, giết được tướng Tàu là Đề-dốc Hứa-thế-Hanh, Tông - binh Trương-triều-Long, Thượng-duy-Thăng, Tri-phủ Điền-châu Sầm-nghi-Đống. Tôn-sĩ-Nghị đóng quân ở bến sông Nhị, nghe tin báo vội vàng lèn ngựa qua phù-kiều chạy sang bắc, quân sĩ tranh cầu đồ xô nhau mà chạy, cầu đồ, chết hàng mấy vạn người, nước sông Nhị đến nỗi không chảy đi được ; hôm ấy là mồng 5 tháng riêng, vua Quang-trung mặc áo chiến bào xông pha trong trận, thắng vào thành Thăng-long, mà áo chiến bắt hơi thuốc súng sám đen cả lại. Vua Quang-trung lại sai quân đuổi theo quân Tàu lên đến cửa Nam quan tỉnh Lạng-sơn, nói phao lên rằng : sắp kéo tràn qua cửa quan đuổi giết, để theo tìm vua Chiêu-thống. Người Tàu cả sọ, già, trẻ, nhón, bé, cõng nhau mà chạy, từ cửa Nam-quan giở về bắc, và trăm dặm, vắng ngắt, không còn có hơi khói lửa người ở.

Vua Quang-trung đánh được trận ấy, sai người nhặt thây quân Tàu chất lại thành đống, rồi đắp đất lên, tục truyền là gò đống Đa ở huyện Vĩnh-thuận (bây giờ là huyện Hoàn-long, Hà-dông).

Khi Tôn-sĩ-Nghị bỏ chạy, vua Quang-trung bắt được những tờ sắc dụ của vua Tàu, biết rằng ý Tàu chỉ giả dạng đồ lợi, chứ chẳng có ý gì phù Lê. Nhận khi ấy Tàu đã sai Phúc-khang-An ra thay Sĩ-Nghị làm Lưỡng Quảng Tông-đốc, chuyên ý giảng-hòa. Vua Quang-trung mới sai sứ sang giảng hòa, và cấp lương ăn cho những quân Tàu bắt được hơn 800 người mà đưa sang giả Tàu.

Vua Tàu dù phải thân sang chầu. Năm Canh-tuất, vua Quang-trung đổi tên là Nguyễn-quang-Bình, sai cháu là Phạm-công-Trị trạng mạo giống mình, đổi tên sang thay mình để triều cống; ngoại thức cống-phẩm lại đưa sang cống hai cặp voi đực, quân Tàu phải đưa đón di dọc đường rất là khổ sở. Khi đến nơi hành-tại trên sông Nhiệt-hà, vào chầu vua Tàu. Vua Tàu tưởng là thực vua Quang-trung, thưởng cho rất hậu, ngự bút lại để bốn chữ đại-tự và tho, câu đối ban cho. Khi vào bệ-kiến từ về, lại ban cho áo mũ đồ đặc, băng các vị thần-vương, và vời đến gần sập-ngự, vỗ vai phủ dụ ôn tồn, lại họa ngự-cảnh ban cho.

Vua Quang-trung từ đấy lập Ngè-an làm Trung-đô, đổi Thăng-long làm Bắc-thành, dựng sở định, điện; định chia làm ba hạng, điện chia làm ba đẳng. Lại lập ra *tín bài*, để bốn chữ: « *Thiên hạ đại tín* 天下大信 » bắt dân-đinh nộp thuế phải để rõ tên họ, niêm canh, quản chỉ, cặp chỉ làm tin, nếu người nào không có thẻ thì là lậu-định, bắt phải sung dịch, mà lý-trưởng phải phạt. Lại-dịch nhân thế xét bắt quấy dân, có kẻ phải chui vào hang để trốn rất là khổ sở.

Vua Quang-trung lại muốn thửa cơ, lấy lại đất Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-năm của nước Nam khi xưa, đã mộ binh đóng tàu chiến, sắp sửa làm biếu sai sứ sang Tàu cầu hôn, để dò ý vua Tàu, mượn chuyện để khởi binh, chẳng may phải bệnh mất, việc ấy lại phải dời đi. Vua Quang-trung lên ngôi được 3 năm, thọ 40 tuổi.

* 7. — Đức Gia-long

Bản-riều Thế-tồ Cao hoàng-dế

Đức Gia-long là con gai thứ ba đức Hưng-tồ, là cháu đức Duệ-tôn. Khi đức Hưng-tồ băng, thì ngài mới lên 4 tuổi. Khi nhón lên, ngài thiên-tư thông tuệ khác thường, đức Duệ-tôn lấy làm khí-trọng lắm.

Khi ấy đức Duệ-tôn nỗi giữ nghiệp chúa ở Thuận-hóa. Nhưng có kẻ quyền-thần là Trương-phúc-Loan chuyên quyền; mà

trong Qui-nhân thì anh em Tây-sơn là Nhạc, Huệ nồi lên ; ngoài Bắc-hà thì Trịnh chúa sai Hoàng-ngũ-Phúc vào xâm lấn ; Thuận-hoa thất thủ, ngài theo đức Duệ-tôn chạy vào Quảng-nam, rồi lại vượt bắc vào Gia-dịnh. Đức Duệ-tôn cho ngài làm Chưởng-sứ, coi một đạo quân Tả-dực. Ngài liệu tính việc quân không sai một ly nào, các hàng chư tướng đều giocard lòng theo ngài.

Một hôm, ngài hộ giá đức Duệ-tôn đương đi nửa đường, chợt nghe có quân giặc đuổi theo. Đức Duệ-tôn thấy nguy cấp lắm, mới nhường con ngựa cho ngài cưỡi, giục ngài đi lên trước ; ngài hất đắc dĩ phải nhận ngựa cưỡi đi lên. Đi một lát, lại dừng ngựa đợi. Khi đức Duệ-tôn theo lên kịp thấy ngài vẫn đứng đợi ở ven đường. Đức Duệ-tôn nói rằng : « Cháu ta có bụng tốt như vậy, giờ thực chứng giám cho ».

Năm Bình-thân, ngài đến Tam-phụ (tục gọi Ba-dống, thuộc Định-tường), chiêu mộ quân Đồng-sơn (là bọn Đỗ-thanh-Nhân, tự xưng là Đồng-sơn tướng-quân). Sức có quân Tây-sơn vào cướp Sài-gòn, đức Duệ-tôn phải chạy đến Đăng-giang, ngài đem quân Đồng-sơn đến Ứng-viện, rước đức Duệ-tôn chạy đến Cần-thơ ; rồi lại chạy đến Long-xuyên, thì đức Duệ-tôn bị nạn. Dương đêm, ngài muộn vượt thuyền ra bắc để tránh giặc, khi thuyền quay mũi ra thì có con cá sấu ba lần đến ngăn trở thuyền ngài lại, không đi được. Sáng hôm sau, cho thám xém, mới biết đêm qua có thuyền giặc đón eo ở mé trước. Ngài phải chạy ra cù-lao Thủ-châu.

Sau ngài lại đảo về cù nghĩa-binh ở Long-xuyên, đánh phá quân Tây-sơn ở doanh Long-hồ (bây giờ là Vĩnh-long), thu phục được thành Sài-gòn lần thứ nhất.

Năm Mậu-tuất (niên-hiệu Lê Cảnh-hưng thứ 39, lịch tây 1777), chư tướng tôn ngài lên làm Đại nguyên-soái, nhiếp quốc-chinh, khi ấy ngài mới 17 tuổi. Đến năm Canh-tí (1779), tháng giêng, ngài lên ngôi vua ở Sài-gòn.

Năm Nhâm-dần, quân Tây-sơn kéo vào cửa bắc Cần-thơ, ngài sai Chưởng-cơ Tống-phúc-Thiêm điều bát quân thủy ra cự-chiến. Quân Tây-sơn thừa thế sấn vào hăng lầm. Cai cơ Mạn-Hòe (Manuel, người Pháp) cưỡi tàu xông vào cự địch, quân giặc ném thuốc súng xuống đốt tàu, Mạn-Hòe tử tiết. Ngài thân đốc binh thuyền ra ứng tiếp, mình mặc nhung-y, đầu đội nón chiến, tay cầm súng đứng trên mũi thuyền, bắn sang thuyền giặc. Ngài bắn súng cực giỏi, không phát nào sai, (tay súng ấy sau phong là : Võ-công lương-khí) hô chư quân vừa đánh vừa lui, rồi ngài ngự đến Tam-phụ, thành Sài-gòn lại mất về Tây-sơn.

Sau ngài ngự thuyền rà cù-lao Phú-quốc. Tháng tám năm ấy, Chu-văn-Tiếp cử binh kéo cờ hiệu bốn chữ : « *Lương-sơn-tá-quốc* » lại về thu phục được thành Sài-gòn lần thứ hai. Ngài ngự giá tự Phú-quốc trở về, sai sứ sang Xiêm la thông hiểu.

Năm Quý-mão, Tây-sơn Nguyễn văn-Huệ đem quân vào đánh phá cửa Cần-thơ, ngài phải ngự đến Tam-phụ, bày tôi theo hần ngài chỉ còn có Nguyễn-kim-Phẩm và năm sáu người mà thôi, ngài đi đến sông Lật-giang, quân giặc đuổi theo kíp lăm, mà nước sông chảy xiết quá, không có đò sang, ngài vốn tài lội, bèn bơi vượt sang được bờ bên kia sông. Khi chạy đến Đăng-giang, khúc sông ấy nhiều cá sấu lăm, không thể bơi sang được, may có con trâu nằm ở bờ sông, ngài mới cưỡi trâu sang sông, đến giữa dòng nước chiều dâng lên to, chìm cả trâu, may có con cá sấu đưa giặt vào bờ, ngài ngự đến Mỹ-tho, rồi rước cả quốc-mẫu và cung-quyến ra chúa ở cù-lao Phú-quốc. Quân Tây-sơn chọt kéo đến, ngài phải chạy ra cù-lao Côn-lôn (Poulo-condor).

Nguyễn-văn-Huệ đem quân thủy bộ ra vòng vây Côn-lôn, thế rất nguy cấp, bỗng đâu giờ nỗi cơn mưa bão, mây kéo mù mịt, thuyền ghe giáp nhau mà cũng không trông rõ mặt người, sóng bể àm àm, thuyền giặc chìm đắm không biết bao nhiêu mà kể. Ngài ngự một chiếc thuyền vượt ra ngoài trùng-vi, bat phong đến cù-lao Côn-lôn. Ít bữa lại về Phú-quốc, lương thực hết cả, quân lính đến nỗi phải đào rễ cỏ, củ-mai mà ăn. Lúc bấy giờ có một nàng lái buôn là thị Uyên người Hà-tiên chở một thuyền gạo lại hiến.

Khi ấy ngài nghe Ông Bá-da-Lộc (Evêque d'Adran) ở Chân-bôn, bèn sai người mời đến bàn tịnh, rồi giao ông hoàng-tử Cảnh mời lên bốn tuồi cho Bá-da-Lộc đưa sang Pháp-quốc để cầu viện.

Hoàng-tử Cảnh di rồi, ngài đem ra 20 lạng vàng, chia đôi đưa cho bà Nguyễn-phi (Tổng-thị sinh ra ông hoàng-tử Cảnh) một nửa mà bảo rằng : « Con ta đã đi rồi, ta cũng phải ra đi, Phi phụng dưỡng quốc-mẫu ở đây, chưa biết sau này ngày nào lại gặp được nhau mà ở tại chỗ nào, thì cứ lấy vàng này làm tin. »

Nói rồi, ngài ngự thuyền vào cửa bể Ma-li, để dò thám quân giặc ; chọt gấp hơn hai mươi chiếc thuyền giặc đến vây ; thuyền ngài vội vàng giương buồm cứ trông theo phuông đông mà chạy, phiêu lưu ngoài bể bảy ngày đêm, trong thuyền hết cả nước uống, quân sĩ đều khát. Ngài mới mặt khẩn rằng : « Nếu ta có phản làm vua, thì giặt thuyền vào bờ, để cứu lấy mạng người

trong một thuyền này. Nhược bằng không thì đánh chìm đắm ở giữa bể này, cũng cam tâm vậy ! »

Vụt chốc, gió lặng, sóng yên, trông thấy trên mặt nước, hắc, bạch chảy rẽ đôi dòng, một bên nước trong leo léo, trong thuyền một người ném thử thấy ngọt, hô lên rằng : « Nước ngọt.....! » Rồi tranh nhau múc uống, khỏi cả phiền khát, vừa múc được bốn năm chín, thì nước bể lại thấy mặn như trước.

Khi giặc lui đi rồi, ngài lại ngự thuyền về Phú-quốc. Quốc-mẫu thấy ngài về cả mǎng. Ngài mới kể lại tình trạng lúc bấy giờ giữa bể, để Quốc-mẫu nghe. Quốc-mẫu than rằng : « Con ta bên giời, góc bể, lịch duyệt gian nan. Nhưng xem như trận gió Côn-lôn, nước ngọt giữa bể, thì ý giờ khá biết, chờ thấy gian hiềm mà ngã lòng. » Ngài bái tạ xin vâng lời dạy.

Lúc ngài đi bể, chỉ dùng muối, ót, gừng tỏi, hổ tiêu, hồi-hương, quế-chi, ô-mai, bảy tám vị ấy đều tán nhỏ trộn lẫn với nhau để làm thức ngự-thiện. Ngài thường ban cho các tùng-thần, và bảo rằng : « Đi chốn sơn, hải lam chướng, nên ăn những thức này, và tỏ ý rằng ta cùng với các ngươi cũng cam khổ vậy. »

Năm Giáp thìn, ngài sang Xiêm-la cầu viện. Vua Xiêm cho hai tướng đem 20.000 thủy binh, 300 chiến thuyền sáng giúp. Nhưng bị Nguyễn-văn-Huệ phục binh đánh tan cả. Ngài lại ngự sang thành Vọng-cács (Bangkok, kinh-đô Xiêm).

Khi ấy ngài có giúp Xiêm đánh tan quân Diển-diện. Vua Xiêm cảm tạ lại muỗn giúp binh. Nhưng ngài biết rằng dấu Xiêm giúp cũng vô ích. Mà Nguyễn-văn-Thành cũng tâu rằng : « Ta nên dưỡng sức đợi thời, có thể tự làm lấy được, không nên dẫn quân rợ vào chốn trọng địa nước mình, » Ngài lấy làm phải.

Bấy giờ nghe tin anh em Tây-sơn khích bác nhau, ngài mời quyết kế kéo quân về, nghĩa-binh các đạo đều đến họp tập, thanh thế lừng lẫy. Tháng tám năm Mậu-thân, lại thu phục được thành Sài-gòn lần thứ ba, Tháng sáu năm Kỷ-dậu, Bá-da-Lộc đưa ông Hoàng-tử Cảnh-tư Tây về, và đưa hai tướng là Nguyễn-văn-Chấn (Vannier), Nguyễn-văn-Thắng (J-B. Chaignau (1) sang giúp.

Năm Canh-thân, ngài thống suất thủy, bộ chư quân ra cứu viện thành Bình-dịnh, Thị-nại dùng chước hỏa công đánh phá thủy đồn.

Năm Tân-dậu, ngài kéo quân ra thu phục được Phú xuân. Từ đấy đánh tràn đi, diệt Tây-sơn, định Bắc-hà, nhất thống cả Nam, Bắc.

(1) Theo sách Quang-trữ Nam, tên là Dauplanz.

Năm Nhâm-tuất, (năm thứ 7 vua Gia-khánh nhà Thanh lịch tây 1802) kỷ nguyên *Gia-long*, đưa thư sang Tàu định quốc hiệu là Nam-việt, nghĩa là ngài mở rộng được cõi Nam-kỳ, mà có cả toàn việt. Nhưng vua Gia-khánh lại đổi lại để chữ Việt trên chữ Nam, cho là triều Nguyễn ta trước chiếm có đất Việt-thường, nay có cả cõi An-nam. Ngài đưa thư sang chiết biên mãi rồi mới đặt quốc hiệu là *Việt-nam*.

Ngài mở mang cõi nước Nam ta thêm rộng ra được 6 tỉnh Nam-kỳ, buồi đầu rất là gian lao, nào là đặt quân Điện-tuấn ; mở đất dồn điền ; phân hoạch địa giới Gia-dịnh Định-tường ; đào thống ngòi lạch Hà-tiên, Châu-dốc. Lại còn đặt ra tòa đế-chinh ở Bắc-thành, định ra đê-thúc ; soạn ra bộ nhất thống địa-dư ; định ra điều lệ hương đảng ; định phép tuyển-duyệt ; nghiêm cấm đồ bắc ; định luật lệ 398 điều. Đó là qui-mô khai-quốc, kề lược qua như vậy. Lại còn công việc ngài giao thiệp với nước Xiêm-la ; thông hiểu với nước Đại-pháp ; xử chí nước Chân-lạp, Vạn-tượng, đều qui phục cả.

Công đức ngài kiêm cả trung-hưng, sáng nghiệp triều Nguyễn ta, trong 22 năm mới thu phục được cựu-kinh, lên ngôi được 18 năm, thọ 58 tuổi, miếu hiệu là Thế-tồ Cao hoàng-đế, ngài thực là một vị vua khai sáng anh-hùng.

CHƯƠNG THỨ II

Các bậc danh thần

8.—Lý-thường-Kiệt

Thường-Kiệt tự là Hi-liệt, người làng Thái-hòa huyện Tho-xuong, (tức là thành phố Hà-nội bây giờ), có tài kiêm cả văn võ. Khởi thân làm Thái-giam. Đến đời vua Nhâm-tôn nhà Lý, lập lên đến chức Thái-Úy. Trong năm Thái-ninh, nước Chiêm-thành đến quấy nhiễu xứ Nghệ-an, vua sai Thường-Kiệt cầm quân đi đánh, Thường-Kiệt đánh đuổi về mãi nước Chiêm, lấy được châu Bố-chinh, châu Địa-ly và châu Ma-linh, mới sai về địa-dò ba châu ấy, đổi châu Địa-ly làm phủ Tân-bình, châu Ma-linh

Lâm-châu Minh-linh, (tức là tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ) chiêu mộ dân nghèo cho sang ở đấy khai khẩn.

Đến năm Thái-ninh thứ tư, vua Thần-tôn nhà Tống sai Thầm-Khởi, Lưu-Lộng ra coi Quí-châu, có ý muốn đổi nom nước Nam. Vua Nhân-tôn sai Thường-Kiệt đem quân đi cự quân Tống, Thường-Kiệt đánh tràn sang nước Tàu, hạ được châu Khâm, châu Liêm, và vây hãm châu Ung, giết hại quân nhà Tống hơn 10 vạn người.

Năm sau, vua Tống sai Quách-Quì làm Chiêu-thảo sứ, đem 9 tướng chia đường đi sang hội với nước Chiêm-thành, nước Chân-lạp, để quấy nhiễu nước Nam. Vua lại sai Thường-Kiệt đi đánh, đánh trận nào được trận ấy, quân nhà Tống chết hơn nghìn người, phải bỏ mà về.

Khi ấy, Lý-Giác khởi loạn ở xứ nghệ. Giác có yêu-thuật, làm cho cỏ cây biến thành binh mã, quan quân đánh mãi không phá được. Thường-Kiệt bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, tình nguyện xin đi đánh, thì mới dẹp tan được đám ấy.

Nhân có những công to ấy, được tiến tước phong làm đại-vương. Về sau mất được phong làm thượng-dâng phúc-thần.

9*.—Tô-hiến-Thành

Tô-hiến-Thành là bậc trung thần đời vua Anh-tôn nhà Lý, tài kiêm văn, võ, có công đánh phá Ai-lao cùng rợ Ngưu-hỗng (bây giờ thuộc Hưng-hóa An châu). Lai nã bắt được đảng giặc Thân-lị, làm đến chức Thái-úy.

Khi ấy có quân Chiêm-thành thườn ; vượt bể vào cướp bóc nhân-dân ở miền ven bờ. Hiến-Thành phụng mạnh đi đánh, kéo quân vào đến nước Chiêm (bây giờ là Bình định, Phú-an), đưa thư thiết trách chúa Chiêm, không giữ lễ phiên-thần chi ều cống, lại bày tỏ điều lợi hại để chiêu dụ, chúa Chiêm sợ, phải sai sứ đem trân-tráu phẩm-vật, vào cống hiến xin giảng hòa. Hiến-Thành mới phụng mệnh đem quân về.

Bấy giờ Thái-tử Long-Xưởng bị tội tư thông với cung phi, phải chuất phế làm thứ-dân. Vua Anh-tôn mới họp các tể-thần lại dụ rằng : « Ngôi thái-tử là cõi rẽ trong nước, nay Long Xưởng đã làm điều bất-dạo, trăm muốn lập Long-Cán để i.đi đại-thống, nhưng e tuổi còn thơ ấu, sợ rằng không kham nổi chang ? » Vừa khi ấy quan nội nhau ấm Long-Cán mới lên ba tuổi ra chơi, trông thấy khăn ngự của vua đội, nhất định đòi cho được, vua

chứa kíp cho, thì lại càng khóc hét mãi lên. Vua phải hạ khán xuống đưa cho, thì Long-Cán cả cười. Vua Anh-tôn lấy làm lạ, mới quyết định lập Long-Cán làm thái-tử. Bèn cho Tô-hiến-Thành làm Thái-phó, già phong vương tước, để phù lập Long-Cán nối ngôi.

Khi Anh-tôn mất, Thái-hậu muốn lập Thái-tử cũ là Long-Xưởng sai đem vàng hối-lộ cho vợ Hiến-Thành là Lã-thị phu-nhân. Hiến-Thành nói rằng : « Ta là đại-thần, nhận tờ di-chiếu giúp ngôi ấu-chúa ; nếu lại tham lấy của hối-lộ, bỏ vua này, lập vua khác, thì còn mặt mũi nào trông thấy dũng tiên-dế ở dưới suối vàng nữa ».

Thái-hậu lai vời Hiến-Thành đến khuyên dỗ trăm đường, Hiến-Thành nhất định không nghe, nói rằng : « Làm điều bất nghĩa mà được phú, qui, người trung-thần, nghĩa-sĩ không thèm làm. Phương chi lời dũng tiên-dế dặn lại hãy còn vắng vắng ở bên tai, tôi đều lại dám cải lời ; Thái-hậu lại chẳng nghe truyện Y-Doãn, Hoắc-Quang (1) đời trước à ! » Thái-hậu khuyên dỗ mãi cũng không chuyền.

Khi Cao-tôn lên nối ngôi, Thái-hậu lại họp cả quần-thần lại để mưu phế, lập ; các quần-thần đều tàu rằng : « Quan Thái-phé đã tuân tờ di-chiếu, lập ngôi ấu-chúa, chúng tôi không dám trái lời ». Bởi vì khi ấy Hiến-Thành quản cầm binh, phụ quốc-chinh, hiệu lệnh nghiêm mật, thường phạt công bình, trong nước đều qui phục cả, cho nên không ai dám có mưu gì khác nữa.

Khi Hiến-Thành phải bệnh gần mất, có quan Tham-tri chính-sự là Vũ-lán-Đường thường ngày đêm xuống hầu hạ thuốc thang luôn ; còn quan Gián-nghị đại-phu là Trần-trung-Tá vì bận việc ít khi đến. Một hôm Thái-hậu ra thăm, hỏi Hiến-Thành về sau ai có thể thay ông được ? Hiến-Thành thưa rằng : « Có người Trung-Tá ». Thái-hậu ngạc nhiên nói rằng : « Tân-Đường hầu thuốc thang luôn ở đây, sao ông không cử đến. » Hiến-Thành đáp rằng : « Ngài cốt hỏi người thay tôi để giúp nước, thì tôi cử Trung-Tá. Nếu ngài hỏi người hầu hạ, thì tôi mới cử Vũ-lán-Đường. » Thái-hậu khen là trung-trực.

Hiến-Thành là bậc cố-mệnh nguyên-thần, hết lòng trung thành giúp ngôi ấu-chúa, thời bấy giờ lấy làm ý-trọng ; lại khéo xử lúc biến cố, chẳng chút chuyền di, người đời sau thường ví Tô-hiến-Thành cũng như ông Gia-Cát Vũ-hầu giúp vua hậu-chủ nhà Hán.

(1) Y-Doãn giúp vua Thái-giáp nhà Thương ; Hoắc Quang giúp vua Chiêu-dế nhà Hán đều là ấu chúa cả.

10. — Hưng-đạo đại-vương (1)

Vương họ Trần tên là Quốc-Tuấn, quê ở làng Túc-mặc, tỉnh Nam-dịnh, con ông An-sinh vương Liễu, (anh ruột vua Trần Thái-tôn).

Khi trước An-sinh vương phu nhân, năm mơ thấy một ông thần tinh vàng tướng ngọc, tự xưng là Thanh-tiên đồng-tử phụng mệnh Ngọc hoàng xuống xin đầu-thai, nhân thế có mang. Đến lúc sinh ra vương, có hào-quang sáng rực cả nhà và có mùi hương thơm ngào ngạt.

Vương, khôi-ngô kì-vĩ, thông minh sớm lăm, lên 5, 6 tuổi, đã biết làm thơ ngũ-ngôn, và hay bày chơi đồ bát-trận. Khi gần nhau, học rộng các sách, thông hết lục-thao, tam lược có tài kiêm cả văn võ.

Trong năm Nguyên-phong thứ bảy thời vua Thái-tôn (1257). Có giặc Mông-cổ lấn vào phận Hưng-hóa, vua sai vương cầm quân lên giữ mặt thượng-du.

Đến thời vua Nhận-tôn, Mông-cổ lại sai Thoát-Hoan đem bọn Toa-Đô, Ô-mã-Nhi chia đường sang đánh nước Nam, vương phụng mệnh thống lĩnh các quân của vương, hầu, hội cả ở trại Vạn-kiếp, để chống nhau với quân Mông-cổ. Bấy giờ thanh thế Mông-cổ đang mạnh, vương phải rước xa giá Hoàng-đế lánh vào Thành-hóa. Hoàng-đế thấy sự-thế nguy cấp, muốn hàng, vương không nghe, tâu rằng :

-- Nếu bệ-hạ muôn hàng, xin trước hết chặt đầu thần đi dã, rồi sẽ hàng cũng chưa muộn. Đầu thần còn thì xã-tắc cũng còn, xin bệ-hạ chờ lo.

Vua thấy nói cứng cỏi làm vậy, trong bụng cũng yên. Đến tháng tư, phá được quân Mông-cổ ở cửa sông Hàm-tử. Tháng năm, lại đánh vỡ quân Mông-cổ và chém được đại-tướng là Toa-Đô ở đất Tây-kết, Thoát-Hoan phải rút quân về Tàu.

Năm Trùng-hưng thứ ba, Thoát-Hoan lại đem bọn Ô-mã-Nhi, A-bát-Xich sang quấy thứ nữa. Vương sai Trần-khánh-Dư phục quân chặn đường, đốt phá được hết thuyền lương của giặc ở cửa hẻ Lục-hải, (thuộc về huyện Hoành-bồ, tỉnh Quảng-yên). Thoát-Hoan cạn lương, muốn rút quân về, vương phục sẵn quân ở sông Bạch-dắng, đóng cột chống ngầm dưới nước, chờ lúc thủy-chiều lên ra khơi chiến, dù cho giặc đuổi đến chõ mai

(1) *Truyện Hưng-đạo vương* * tiêu thuyết có kè rõ các trận đánh quân Tàu.

phục, thì nước vừa xuống, thuyền giặc vương mắng cột chống chìm đắm mất nhiều, mới thả quân mai phục ra đánh, bắt sống được Ô-mã Nhi, và bắn chết được Trương-Ngọc, còn A-bát-Xích, Thoát-Hoan trốn được về Tàu.

Tự bấy giờ quân Mông-cồ sợ uy-danh của ngài, không dám gọi tên, chỉ gọi là Hưng-đạo-vương, và không dám sang quấy nhiễu nữa.

Khi Thoát-Hoan sang xâm thứ sau, có một tên ti-tướng là Nguyễn bá-Linh, (tức là Phạm-Nhan) có yêu thuật, biến hiện trăm chiêu, vương phải lập trận cùu-cung mới phá được. Khi bắt được Bá-Linh rồi, chém thế nào nó cũng không chết, vương lại dùng đến thần kiếm chém nó mới chịu.

Vương ba thứ phụng mệnh chống nhau với quân Mông-cồ, trải lăm phen gian truân, mà vẫn vững một niềm không nung, cho nên về sau phá được quân giặc, lập nên công to, để cho nước Nam lại vững như cái âu vàng.

Ngài nhân có công ấy, được tiến phong làm Thái-sư thương-phụ Hưng-đạo đại-vương. Vua tôn kính coi như đạo cha, lập ra miếu sinh-tử ở Vạn-kiếp và khắc văn bia để tỏ công đức của ngài.

Ngài thường soạn ra một quyển sách gọi là « *Binh-pháp-yếu-lược* », để ban cho các tướng, lại lập ra trận đồ cùu cung bát quái, thần diệu vô cùng.

Khi ngài già, về tri-sĩ ở trại Vạn-kiếp, hưởng thọ ngoài 70 tuổi mới mất, trên từ vua cho chí các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng thương tiếc.

Bây giờ mỗi năm về hôm 20 tháng tám là ngày húy nhật ngài, thiện-nam tín-nữ đến lễ bái đền Vạn-kiếp thành ra một ngày hội to.

11.— Nguyễn-Trãi

Nguyễn-Trãi hiệu là Úc-trai tiên-sinh, cha ông ấy là Tự-khanh công, nguyên người ở huyện Phượng-uhồn. Ông cụ ấy hay địa-lý, mới đem tiên-phần sang táng ở làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc, rồi làm nhà và nhập tịch làng ấy.

Đời con là Nguyễn-Trãi, đỗ tri-sĩ về thời nhà Hồ, làm đến Ngự-sử-dài chánh chưởng. Đến lúc nhà Hồ mất, ông ấy về ẩn ở núi Cô-sơn, có bụng muốn ra dẹp loạn cứu đời.

Bấy giờ có người ở làng Hoắc-sa tỉnh Sơn-tây tên là Trần-nghuyên-Hãn, đi bán đầu kiếm ăn. Một bùa giờ tối, đi qua làng Chèm, mới vào đèn Chèm năm ngủ. Nửa đêm nghe có tiếng ông thần làng khác vào rủ ông Chèm lên chầu giờ, Ông Chèm nói có quắc-công ngủ tro không đi được. Đến gà gáy ông thần kia giờ về. Ông Chèm hỏi trên giờ có việc gì, thì ông kia nói rằng :

— Thượng-đế thấy nước Nam chưa có chúa, có cho ông Lê-Lợi (tức là Lê Thái-tồ) làm chúa, mà ông Nguyễn-Trãi thì làm bày-tôi.

Trần-nghuyên-Hãn nghe rõ câu ấy, chịu khó hỏi dò tìm đến nhà ông Nguyễn-Trãi, kể lại truyện ấy. Nguyễn-Trãi không tin, lại về đèn Chèm cầu mộng, thì thấy thần báo mộng rằng :

— Việc thiên-dinh bí mật lắm, không dám nói lộ ra ngoài. Có chị Tiên-Dong biết tường việc ấy, và lại là liền bà, thì giờ không trách đến, ông nên đem vàng đến đèn ấy mà hỏi.

Ông Nguyễn-Trãi nghe nhời ấy, đến cầu mộng đèn bà Tiên-Dong, thì mơ thấy bà ấy gọi bảo rằng :

— Nguyễn-Trãi! Lê-Lợi làm vua, mà anh thì làm bày-tôi, anh chưa biết truyện ấy à?

Ông ấy hỏi cặn kẽ lại thì mới biết ông Lê-Lợi là người làng Lam-sơn tỉnh Thanh-hóa. Mới cùng với Trần-nghuyên-Hãn vào Lam-sơn, hỏi thăm đến nhà ông Lê-Lợi. Bấy giờ Thái-tồ còn hàn vi, khi hai ông kia đến, thì ngài đang mặc cái áo cánh cộc, vai vác bùa, tay đắt bò ở ngoài đồng về. Hai ông xin vào hầu, Thái-tồ mời nghỉ lại trong nhà. Xảy gặp hôm ấy nhà có giỗ, hai ông kia xuống bếp thổi nấu, trông trộm lên nhà trên, thì thấy ngài cầm giao thái thịt, đang vừa thái vừa ăn.

Hai ông kia bàn riêng với nhau rằng :

— Bà Tiên-Dong nói lừa chúng ta đây, có lẽ đâu khi tượng thiêng-tử mà lại thế kia bao giờ?

Liền cáo từ ra về, lại đến cầu mộng đèn bà Tiên-Dong, thì thấy bảo mộng rằng :

— Lê-Lợi làm vua, giờ đã nhất định như thế rồi chỉ vì chưa có thiên-tinh giáng đấy thôi.

Hai ông lần sau lại đến thăm Thái-tồ, thì bấy giờ ngài đã được quyền thiêng-thư. Khi ấy đang đêm đóng cửa xem sách. Nguyễn-Trãi đứng ngoài cửa dòm vào, rồi đẩy cửa, hai ông cùng vào. Thái-tồ cắp thanh gươm đi ra, hai ông cùng lạy phục xuống đất và nói rằng :

— Chúng tôi xa sôi lặn ngòi noi nước đến đây, là vì thấy ngài làm được chúa thiên-hạ, xin cho chúng tôi được theo hầu.

Thái-tồ cười, lưu hai người ở lại, mưu việc khởi binh. Ông Nguyễn-Trãi lấy mồ viết vào lá cây tám chữ : « Lê-Lợi vi quân, Nguyễn-Trãi vi thần ». Về sau xâu cắn những lá ấy rụng xuống, người ta thấy vậy cho là sự giời định, đồn rực cả lên, bởi thế nhân dân tranh nhau theo về với ông ấy, quân thề mỗi ngày một thịnh.

Đến năm Mậu-tuất, mới bắt đầu ra đánh nhau với quân nhà Minh, ông Nguyễn-Trãi bàn mưu lập kế giúp vua Thái-tồ đánh hơn 20 trận. Năm Bính- ngọ, quân ta thắng trận, tiến sát đến Đông-dô, tướng nhà Minh là Vương-Thông giữ vững trong thành. Nhà Minh lại sai An-viễn hầu là Liễu-Thăng và Kiểm quốc-công là Mộc-Thạnh chia quân làm hai đường sang cứu Đông-dô. Thái-tồ dồn đánh ở núi Mã-an, chém được Liễu-Thăng, và bắt sống được bọn Hoàng-Phúc, Thôi-tụ hơn 300 người, Mộc-Thạnh phải trốn về nước, Vương-Thông mở cửa thành ra hàng.

Tự bấy giờ hai nước lại thông hiếu, nội là tờ bời giao thiệp với Tàu, do tự một tay Nguyễn-Trãi cả.

Vì có công được phong quốc-tinh, gọi là họ Lê, mà thăng lên làm Vinh-lộc đại-phu nhập-nội hành-khiền, coi cả việc trong ba quân và được phong là Tế-văn-hầu.

Trần-nguyễn-Hãn thì được phong làm quốc-công, đến khi mất, lại được phong làm thành-hoàng, bấy giờ còn đền thờ ở làng Hoắc-xa.

Nguyễn-Trãi văn chương hùng dũng, có khí-lực, phàm các bài như là văn « Bình ngô đại-cáo » cùng là văn bia « Lam kinh thần-đạo », có chép vào bộ thực-lục, là tự tay ông ấy soạn ra cả.

Tinh ông ấy điềm đạm, không ham mê danh lợi, thường có chí muôn từ chức về nhà. Ông ấy có một trại riêng ở tỉnh Bắc, gọi là Tiêu-viên. Đến thời vua Thái-tôn, Nguyễn-Trãi tri sĩ về ăn ở trại ấy. Cuối đời Thiệu-bình, vua Thái-tôn nhân di chơi qua tỉnh Bắc, vào chơi trại Tiêu-viên, Nguyễn-Trãi đi vắng, có người nàng hầu là Thị-Lộ, ở nhà pha chè hầu vua, chiều hôm ấy vua mất, định-thần cho là Thị-Lộ giết vua, bởi thế cả nhà ông Nguyễn-Trãi phải tội chu di.

Khi trước đánh nhau ở núi Mã-an, Nguyễn-Trãi bắt được Thượng-thư nhà Minh là Hoàng-Phúc, Hoàng Phúc nguyên giỏi

nghề địa-lý, khi ở nước Nam, bao nhiêu chỗ kiêu đất hay, dã biên kỵ lấy cả. Bấy giờ phải bắt, Nguyễn-Trãi có ý khinh bỉ.

Hoàng-Phúc cười bảo rằng :

— Mả tôi nhà tôi có Xá-văn-tinh, chẳng qua chỉ phải nạn trong năm ngày là cùng, không đến nỗi như ông có đất phải chu di tam tộc.

Bấy giờ cũng cho nhời ấy nói xẳng, về sau Hoàng-Phúc quả nhiên được tha về, mà Nguyễn-Trãi thì mắc nạn, mới biết nhời trước là nghiệm.

Tục truyền khi ông Nguyễn-Trãi chưa dỗ, dạy học trò ở làng Nhị-khê, thường có sai học-trò dọn cỏ một cái gò ở ngoài đồng để làm trường dạy học. Đêm hôm trước, mơ thấy một người đàn bà vào kêu rắng : « Tôi, mẹ yếu con thơ, xin ông khoan cho ba ngày để tôi đem con tôi đi chồ khác, rồi ông sẽ sai dọn cỏ ». Sáng sớm, thức dậy ra đồng xem thì học-trò đã dọn sạch rồi, và bắt được hai cái trứng rắn.

Nguyễn-Trãi hỏi thì học-trò nói rằng :

— Ban nãy chúng tôi thấy con rắn ở trong đám cỏ răm, đánh nó đứt đuôi mà chạy mất, chỉ bắt được hai cái trứng ở đây.

Nguyễn-Trãi nghĩ con rắn hẳn là người đàn bà báo mộng hôm qua, phàn nàn không ngần nào, mới đem hai cái trứng về nhà nuôi cho nở. Đêm hôm ấy, đang ngồi xem sách, có con rắn trắng leo lên xà nhà, rò máu trúng vào chữ *đại* (代) trong trang sách, thấm xuống ba tờ giấy. Nguyễn-Trãi biết là nó tất báo oán đến ba đời, đến khi hai cái trứng kia nở ra, thì một con dài, một con ngắn. Nguyễn-Trãi sai đem thả xuống sông Tô-Lịch ở cạnh làng.

Khi Nguyễn-Trãi đã hiền đạt. Một bữa, ở trong triều vè, đi qua hàng chiếu, giờ đã tối sầm sì, gặp một đứa con gái đi bán chiếu, nhan sắc tuyệt trần, Trãi đọc lên bốn câu thơ để hỏi đứa.

Thơ rằng :

À ở đâu đi bán chiếu gon ?

Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?

Xuân thu chứng độ bao nhiêu tuổi ?

Đã có chồng chưa được mấy con ?

Người con gái ấy cũng đọc lên một bài đáp lại.

Thơ rắng :

Tôi ở Tây-hồ bán chiểu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân-thu tuổi mới giăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chi con!

Nguyễn-Trãi thấy nói đổi đáp ngay được, lấy làm khoái chí lắm. Hỏi tên thì nói tên là Thị-Lộ, mới ~~đem~~ ^{tát} về cho làm nàng-hầu.

Vua Thái-tôn nghe tin nàng ấy đẹp và hay chữ, sai làm nữ-học-sĩ, thường thường cho ra vào trong cung.

Khi vua vào chơi nhà ở Tiêu-viên, thì ông Nguyễn-Trãi đi vắng, chỉ có Thị-Lộ ở nhà. Nàng ấy pha nước dâng lên vua xơi, vua uống phải thì mất ngay. Nguyễn Thị Lộ tức là con rắn hiện hình ra làm người để nó báo thù. Khi nó pha nước thì nó nhả cái nọc độc vào trong chén nước, cho nên vua chúng độc mà mất.

Các quan bắt con Thị-Lộ vào tra hỏi, thì nó xưng là ông Nguyễn-Trãi xui nó, đình-thần mới chiều luật bắt tội nhà ông ấy, mà bỏ con Thị-Lộ vào cùi đem quẳng ra sông Nhị-hà, thì nó lại hóa ra con rắn ở trong cùi chui ra đi mất.

Lúc nhà ông Nguyễn-Trãi đang phải nạn, có người vợ lẽ đang có mang, chạy trốn xuống ở tỉnh Nam. Về sau sinh được người con gái đặt tên là Anh-Võ. Ở đã lâu, chủ nhà mới biết là vợ lẽ ông Nguyễn-Trãi.

Đến thời Quang-thuận, vua Thánh-tôn thương ông ấy mắc phải tội oan, ban chiểu giải oan, và phong tặng làm Thái-sư Tuệ-quốc-công. Sai tìm dòng dõi nhà ông ấy, thì mới tìm thấy Anh-Võ. Vua phong quan chức cho Anh-Võ, để nối dõi nhà ông ấy. Đến sau Anh-Võ sang sứ Tàu, đi qua hồ Động-dinh, bỗng thấy con rắn ở dưới nước bò lên, rồi thì phong ba nồi lên ầm ầm. Anh-Võ biết lại là con rắn trước bão oán, mới khấn rằng: « Xin cho trọng việc nước, rồi đến lúc giờ về sẽ xin chịu tội ». Khấn vừa đoạn thì sóng gió lại yên. Đến lúc việc sứ xong giờ về, quả nhiên lại nồi con sóng gió, đắm thuyền mà mất.

Vua Thái-tôn truy tặng cho làm Thái-sư Sùng-quốc-công.

Trong năm Cảnh-hưng, triều-dinh duyệt lại các sắc phong của các ông khai-quốc công-thần. Khi duyệt đến sắc ông Nguyễn-Trãi, thì quan Thị-lang là ông Lê-quí-Đôn xé đạo sắc ấy ra nói rằng :

— Bọn loạn-thần tắc-tử, còn dè cáo sắc làm gì nữa !

Nói vừa buông nhời, bỗng nhiên ngã gục ngay xuống, rồi thấy hai tên lính bắt đi, đưa đến một chỗ đèn dài, tường dều chung quanh, có các cây cồ-thụ to hàng mươi ôm. Trong đèn, có vài chục chiếc ỷ. Ở mé hữu có một tấm sập, trên sập có một ông quan ngồi, đầu đội mũ, mình mặc áo bố-tử. Linh hồn xúm xít chung quanh. Hai tên lính bắt ông Lê-quí-Đôn quì ở dưới thèm, rồi ông quan ngồi trên sập thét lên rằng :

— Ta là Tể-văn-hầu đây, ngươi là sơ-học tiều-sinh, sao dám bỉ báng người có công tiễn-triều, tội ngươi đáng chết !

Lê-quí-Đôn ngồi nín lặng, không dám ngang mắt lên nhìn. Bên cạnh có người đội khăn lụt mặc áo xanh, kêu van thay cho Quý-Đôn, ông quan lại nói rằng :

— Công-danh sự nghiệp của ta, không thèm so sánh với ngươi, ngươi đừng tưởng ngươi đỗ Bảng-nhờn mà đã khinh người, cho vể mà thử xem bài « Bình-ngó đại-cáo » của ta, nếu ngươi làm hay hơn được bài ấy, thì xé sắc của ta cũng phải.

Lê-quí-Đôn tỉnh dậy, kinh hãi lắm, lập tức viết lại sắc của ông Nguyễn-Trãi. Vì thế sắc của công-thần không ai phải trước cả.

12. — Trịnh-Kiêm

Trịnh-Kiêm người làng Sóc-son, huyện Chân-phúc, tỉnh Thanh-hóa. Khi còn hàn yi, nhà nghèo lắm, mà thò mệ rất hiểu. Mệ tinh hay ăn thịt gà, mà nhà thì không có, ngày nào cũng phải ăn trộm một con gà của láng-diềng để nuôi mệ. Láng-diềng ai cũng ghét, một bữa nhân ông ta đi chơi vắng, bắt mệ Ông ta ném xuống vực Tôm ở cạnh làng, để khỏi ăn trộm gà nữa. Không ngờ lòng giời run rủi, chỗ vực ấy chính là một huyệt to. Đêm hôm ấy, giời nổi cơn mưa gió nhớn, rồi vực ấy bỗng dung nỗi đất lên thành mỏ. Về sau có người địa-lý Tàu xem ngôi đất ấy, nói rằng : « Ngôi đất này phát ra không phải để, cũng không phải bà, mà có quyền nhất cả thiên-hạ ; truyền được tám đời, rồi vạ tụ trong nhà sinh ra. »

Trịnh-Kiêm từ khi mẹ mất, đi lơ bờ kiếm ăn, nẩn ná sang Ai-lao, ở chăn ngựa cho đức Triệu-tồ Nguyễn-triều ta. Nguyễn bấy giờ nhà Mạc chiếm mất ngôi nhà Lê, đức Triệu-tồ đương làm Điện-tiền tướng-quân, rước con cả vua Cung-dế nhà Lê là vua Trang-tôn chạy sang Ai-lao, tìm kế khôi phục, cho nên ở bên ấy.

Một hôm, đang đêm Triệu-tồ đứng dậy mở cửa ra sân, trông xuống dưới trại, thấy có hai khối tinh đỏ đồng dọc, tựa hồ hai bò đuốc, sai người đánh đuốc xuống xem cái gì, thì té là Trịnh-Kiêm đang ngủ ở chỗ ấy, hào quang từ trong mắt ánh ra. Triệu-tồ lấy làm kỳ, gọi lên hỏi truyện, thì ứng đối giỏi giang, tài đàm hơn người.

Triệu-tồ thấy người có tướng lạ, biết là không phải người tầm thường, đem lòng yêu mến, cử lên làm tướng bộ-hạ và gả con gái là nàng Ngọc-Bảo cho Trịnh-Kiêm.

Tự khi ấy, Trịnh-Kiêm theo Triệu-tồ đi đánh giặc, lập được nhiều công trạng to, Triệu-tồ lại càng kính trọng lắm, cử lên làm đại-tướng, sai đốc binh ra đánh Nghệ-an, dần dần tiến ra đến Thanh-hóa khôi phục được Tây-dô.

Đến khi Triệu-tồ mất bao nhiêu quyền chính của ngài, vua Trang-tôn giao phó cả về tay Trịnh-Kiêm, Trịnh-Kiêm có quyền to tự đây.

Trịnh Kiêm tuy người vô, nhưng mưu trí hơn người, giúp vua Trang-tôn, đánh nhau với nhà Mạc, lập lên công trạng, được tiến vị phong làm Thái-sư, Đức-quận-công, sau lại thắng làm Lang-quận-công. Đến đời con là Trịnh-Tùng lại xác xáo lắm, giúp vua Anh-tôn, phá được quân nhà Mạc ở cửa bể Thần-phù, dần dần tiến binh ra thành Thăng-long, bắt được Mạc-mậu-Hiệp, đem lại được giang sơn cho nhà Lê, được tiến phong làm Bình-an vương.

Từ bấy giờ con cháu họ Trịnh, đời đời tập phong tước vương, quyền chính lấn cả thiên-tử. Trải 200 năm, tám đời truyền kế nhau, đến đời Trịnh-Khai bị Bắc-bình-vương giết mất, bấy giờ mới hết.

13.—Lương-hữu-Khánh

Chi họ Lương ở Thanh-hóa, phong phú có tiếng nhất ở vùng ấy. Tổ họ ấy khi xưa sinh được ba con gai, thành ra ba chi. Đang khi cuối nhà Trần loạn lạc, một chi xiêu dạt sang Tàu, ở

ngụ tinh Văn-nam. Có người làm nên, đời đời được lập phong tước vương. Một chi thiên ra ở xã Tào-sơn huyện Ngọc-sơn, cũng kế thế đăng khoa. Còn một chi thì ở xã Hội-trào, huyện Hoằng-hóa, sinh ra ông Lương-dắc-Băng, đỗ Bảng-nhãn trong thời Cảnh-thống đời vua Hiến-tôn nhà Lê.

Lương-dắc-Băng vì có người họ ở Tàu, mới mua được nhiều thứ sách quý, cho nên học giỏi về nghề lý số. Ngoại 50 tuổi, chưa có con gai, chỉ có người vợ lẽ có mang được 3 tháng. Khi gần mất, dặn vợ lẽ rằng :

— Nếu mai sau sinh được con gai, thì tất nó làm nên công danh sự nghiệp, tổ rạng cửa nhà. Khi nào con nhón, thì nên cho đến học ông Trạng Trình ở huyện Vĩnh-lại, thì mới giữ được nền nếp nhà ta.

Nói đoạn thì mất. Về sau người vợ lẽ quả sinh được con gai, mới đặt tên là Hữu-Khánh.

Hữu-Khánh thông minh sớm, mười tuổi đã biết làm văn ; mà sức ăn cực khỏe, thường ăn gấp ba bốn phần người thường mới no. Mẹ lâm khi phải nhịn đói để con ăn.

Nhà ông ấy nghèo, mới bảo với mẹ rằng :

— Cha tôi khi xưa làm quan thanh liêm, đến nỗi con cháu không đủ cơm cháo mà ăn, vậy mẹ cho tôi đi nơi khác, tùy đường kiếm ăn, kéo để phiền đến bụng mẹ.

Mẹ buồn rầu nói rằng :

— Mẹ con không nuôi được nhau, đến nỗi để con đi tha phương cầu thực, mẹ lấy làm đau xót ruột lắm.

Nói thế rồi, úa hai hàng nước mắt. Ông ấy từ mẹ đi ra, sang các nhà học-trò bên cạnh huyện ngâm thơ làm phú để độ thân.

Một khi đi qua bến đò sông Tam-kỳ, gặp 5, 6 nhà sư tự đám chay về, mang một cái đĩa có 100 phẩm oản. Nhà sư thấy ông ấy có dáng đói, cho vài chiếc oản. Ông ấy từ nói rằng :

— Học-trò nghèo nhặt đói đã mấy hôm nay, may gặp được Đại-bồ-tát, tưởng là có bụng bồ-thí làm sao, lại bủn sìn cho được vài phẩm oản, thì ăn chả bồ dinh mồm.

Có một nhà sư già cùi nói rằng :

— Thầy kia đã gọi là học-trò, thì thử làm một bài thơ « Học-trò đi thuyền chung với nhà sư », hễ sang khơi sông mà xong bài thơ, thì có bao nhiêu oản xin biếu cả.

Ông ấy ngồi trong thuyền, ngâm ngay một bài thơ như sau này :

*Một pho kinh sủ bộ kim-cương,
Đây đây cùng thuyền khéo một đường !
Trong hội cõi đàm người thảo thích ;
Trên ngôi dài-các tớ nghênh ngang.
Truyện xưa người vẫn cầm Hán-lũ, ⁽¹⁾
Việc trước ta còn oán Thủy-hoàng. ⁽²⁾
Gặp gỡ mẩy may rồi lại biệt,
Kẻ tròn quả phúc, kẻ vinh xương.*

Chưa sang khỏi đò đã vịnh xong bài thơ. Nhà sư mừng rỡ, giõc cả dãy oản ra cho ông ấy. Ông ấy ngồi ngay đầu thuyền ăn một lúc hết 80 phambi oản. Người trong thuyền ai cũng ngạc nhiên, nhà sư lấy làm kỳ di, lại tặng thêm một quan tiền nữa và nói rằng :

— Thầy có tài như thế, nay tuy còn ở trong trần ai, nhưng tất có ngày làm nên hách dịch. Sư nghèo này xin dâng một bữa, ngày sau có đặc chí, đánh dẹp đốt phá ở đâu, thì xin chừa những nơi chùa chiền ra, mời là ân huệ.

Sang khói đò, ông ấy từ bọn sư rời đi. Bấy giờ đang lúc Lê, Mạc đánh nhau, dân xã diêu tàn, ông ấy đi đến đâu, không một kẻ nào nhìn đến, có khi ba ngày mới được ăn một bữa, thường vẫn phải làm mướn kiếm ăn.

Một buổi sớm, đến làng Vĩnh-trị, gặp một bà già ra chợ, gọi người thuê làm ruộng hoang. Hỏi mấy mẫu, thì bà già đưa đến chỗ ruộng sâu, trả ra bảo rằng :

— Chỗ ruộng kia nước sâu, mà cỏ mọc bùm tum, ước chừng năm mẫu.

Ông ấy bảo rằng :

— Bà cụ về nhà, thồi cơm độ mười người ăn, và đem sẵn tiền gạo thuê công đến bờ ruộng này, để tôi gọi giúp người làm cho.

Bà kia y nhời ấy giờ về làm cơm. Ông ấy mới cầm một con dao to lôi xuống ruộng đón cỏ, chưa đến buổi trưa, đã đọn quang cả 5 mẫu ruộng. Đọn xong, nằm ngủ dưới gốc cây, tiếng ngày như sấm.

(1) Hán-Dũ đời nhà Đường, xin hủy tượng phật và đốt sách phật.

(2) Thủy-hoàng chôn học-trò và đốt sách nho.

Một lát, bà già sai người nhà đem cơm đến, gọi ông ấy thức dậy, ông ấy ăn một lúc, hết cả hai mâm cơm, rồi lấy tiền gạo mà đi.

Chúng tưởng là thần, dần dần mới biết là con quan Bảng-nhãn ai nấy phàn nàn không ngần nào.

Đến năm 18 tuổi, nhờ nhời cha dặn, mới đến học quan Trạng Trình. Bấy giờ học-trò quan Trạng hơn 3.000 người, duy có ông Kế-Khê là hay chữ nhất trường. Khi ông Hữu-Khánh đến học, mới làm ba kỳ văn, đã dè trên ông Kế-Khê.

Trình tiên-sinh vốn là học-trò ông Lương-đắc-Bằng khi xưa, nay thấy con thầy đến học, hay chữ như thế, có bụng qui trọng trăm phần, thường tư cấp cho đẽ mà học.

Bấy giờ nhà Mạc mở khoa thi, ông Lương-hữu-Khánh vốn không có bụng làm quan với nhà Mạc, nhưng ngặt vì nhà nghèo và còn mẹ già, bất-đắc-dĩ phải ra thi. Khi thi thi bốn kỳ cùng thứ nhất, mà văn ông Kế-Khê thì đỗ thứ nhì. Đến lúc hồi phách,⁽¹⁾ quan Tràng thấy ông ấy là người Thanh-hóa, mới đánh xuống thứ nhì mà ông Kế-Khê lên thứ nhất (vì bấy giờ tự Thanh giờ vào thuộc về nhà Lê, tự Ninh-bình giờ ra thuộc về nhà Mạc). Ông Hữu-Khánh thấy xử thiên tư làm vậy, mới bỏ không vào thi đình nữa, vì thế ông Kế-Khê mới đỗ Trạng-nguyên.

Khi ấy, Hữu-Khánh chợ ở hàng Bông, một hôm đẽ dành được 6, 7 đấu gạo, và hai lọ nước mắm. Thôi cơm rồi giải chiếu xuống đất ngồi ăn, dung dùi đắc chí, cười vang lên nói rằng :

— Thế này chẳng kém gì mâm cơm nhà quan !

Xây có một ông quan tự trong triều giờ về, nghe thấy tiếng cười nói, dừng xe lại nhìn, lấy làm kỳ dị, cho 5 quan tiền, rồi tiếp lên với vua nhà Mạc.

Vua Mạc sai sứ đến nhà chợ, khuyên dù trăm triều, Hữu-Khánh nhất định không ra làm quan. Tự bấy giờ lại đi bơ vơ, nay đây mai đó, con một nơi, mẹ một nோ, trông cảnh động lòng, lắm phen chua xót.

Nhà Lê bấy giờ khởi quan ở phủ An-tràng, vốn nghe tiếng ông Hữu-Khánh là người tài lạ, nhiều khi muốn sai người ra đón về giúp, nhưng vì đường xa xa khơi, đi lại gian hiểm, cho nên chưa có dịp nào mà đem về được.

(1) Qua ền tui rọc tên ra, gọi là rọc phách. Đến lúc chấm văn xong lại dán tên lại gọi là hồi phách.

Vài năm sau, Kế-Khê được cầm quyền chính nhà Mạc, sai người tìm Hữu-Khánh thì gặp cả hai mẹ con ở huyện Lục-ngạn tỉnh Bắc đem về, Kế-Khê nghĩ tình bạn, lưu ở trong nhà, cung dỗn tử tế, và khuyên dỗ cho ra làm quan, nhưng Hữu-Khánh biết cơ nhà Lê sắp trung hưng, có ý muốn phò nhà Lê, cho nên không ra làm quan với nhà Mạc.

Kế-Khê biết ý Hữu-Khánh, muốn đuổi đi nhưng không nói ra, nhân một bữa ở trong triều về, giả lảng nói rằng:

— Tôi hôm nay phụng chỉ làm một bài phú, nhưng việc quan bạn bội lầm, nhờ anh làm giúp cho tôi.

Nói rồi, thò tay vào túi, lấy ra một mảnh giấy đầu bài, đưa cho ông Hữu-Khánh, Hữu-Khánh thấy đầu bài: «*Tần quan văn kê*»,⁽¹⁾ biết là ý muốn đuổi mình, lập tức dặn mẹ đi lén ra bến Hoàng-liệt về Thanh-hóa trước, mà mình thì mật đưa một bài biểu vào An-tràng, hẹn ngày ấy thì đem thuyền ra đón tại cửa Thần-phù.

Được vài hôm, làm song bài phú, để trên đầu giường, rồi lên ra đi gấp đường xuống cửa bể Thần-phù. Khi Kế-Khê ở trong triều giờ về, đến nhà học, không thấy ông Hữu-Khánh đâu, cho đi hỏi khắp cả các nhà anh em bạn học, cũng không thấy tin tức gì cả. Xãy thấy trên đầu giường có bài phú, trong bài có câu rằng: «*Lưu khúch hóa ra đuổi khách*.» Kế-Khê ngạc nhiên nói rằng:

— Anh này đi mất, triều-dinh còn là nhiêu về anh này!

Lập tức sai quân đi các ngả đuổi theo bắt về. Khi Hữu-Khánh đến cửa Thần-phù, thì vua Lê đã sai năm chiếc thuyền chiến và 1.000 quân ra đón. Hữu-Khánh vừa bước chân xuống thuyền thì quân nhà Mạc đuổi theo vừa đến.

Hữu-Khánh ngồi trong thuyền gọi to lên bảo rằng:

— Gửi nhời các anh, về ta ông Kế-Khê, ngày sau ta sẽ xin đèn giả ơn.

Khi về đến cửa phủ An-tràng. Vua Lê mừng rõ lầm, cử làm Thị-lang, cho tham tá việc quân co. Hữu-Khánh bầy ra mưu meo gì cũng dắc cả, vua tin dùng hơn cả mọi người, sai cầm riêng

(1) Nghĩa là cửa ải nhà Tần nghe tiếng gà gáy. Ngày xưa Mạnh-thường-quân ở nước Tần trốn về Tề, ra đến cửa ải thì cửa ải còn đóng chưa mở. Lệ linh canh ải, hễ gà gáy thì mở, mở cửa cho khách đi lại. Trong bọn dày-tó Mạnh-lệ-quân, có người giả làm gà gáy. Các gà canh đáy tưởng là giờ sắp sáng, đua nhau gáy ầm cǎi lên, linh canh mới mở cửa, Mạnh-thường-quân vì thế chạy được thoát.

một đạo quân đi dẹp giặc, Hữu-Khánh nhớ đến người nhà **sư** khi trước, phàm các trận mạc, thấy chỗ nào dồn giặc đóng **cạnh chùa chiền**, thì rút quân lảng đi không đánh, để tránh **sư** **phá hại** nhà chùa.

Về sau làm đến Bình-bộ thương-thư, công nghiệp hiền hách vào bậc danh-thần đời trung-hưng.

14. — Phạm-dinh-Trọng

Phạm-dinh-Trọng người làng Khinh-dao, huyện Giáp-sơn, tỉnh Hải-dương.

Tục truyền ngài là thần Ngũ-hồ giáng sinh.⁽¹⁾ Năm 26 tuổi, đỗ Tiến-sĩ, quan trường là Nguyễn-trọng-Quát xem văn của ngài, đã mừng cho triều-dình được người kinh-luân giỏi.

Năm Cảnh-hưng thứ nhất (1740), được cử làm Giám-xát ngự-sử, một khi ở kinh về, ngủ chọ làng Hoàng-xá, huyện Kim-thanh, trông thấy một người nǎm núp trong đồng cỏ, bắt ra tra hỏi, thì là tướng giặc tên là quận Gió, ngài bắt đem nộp, **được thưởng 300 quan tiền**.

Năm Tân-sửu, ngài làm Hiệp-đồng, kiêm chức Phòng-ngự-sử, phải đi dẹp giặc, bắt được hai tướng giặc là ngụy Cù và ngụy Tuyễn ở núi Ngoa-vân, đóng cõi đem về kinh-đô, **được thăng làm Công-bộ Hữu-thị-lang**.

Bấy giờ trong nước lầm giặc, mà kiệt hiệt nhất là quận He tên chữ là Nguyễn-hữu-Cầu, quận He là người làng Lôi-đồng, huyện Thanh-hà, có sức khéo như thần, mỗi khi lâm trận, chỉ cắp hai thanh siêu-đao phi ngựa xông vào, quan quân tan giãn, không ai địch nổi, đã có tiếng gọi là Hạng-võ nước Nam. **Tục truyền là thần cá bèle sinh ra, cho nên lại tài nghề lặn nước.**

Quận He quấy nhũng vùng đông-nam, quan quân đánh mãi không trừ được. Ngài phung mệnh đốc quân thủy, đóng ở bờ sông cạnh núi Đồ sơn, huyện Đông-triều. Một hôm, ngài đang ngồi trong thuyền, không ngờ Quận He lặn ngầm dưới

(1) Lúc ngài còn nhỏ, thường ngâm một câu rằng: « Giời chẳng già, đất chẳng già, nǎm hồ bảy miếu một mình ta ». Đến sau ngài đi kinh-luợc xứ Sơn-nam, có bọn khách Tàu ở phò Hiếu vào hầm, trông hình dáng ngài y như tượng thần Ngũ-hồ bên Tàu. Nhân hỏi ngài sinh ra ngày tháng nào, thì quả nhiên trùng về ngày tháng Ngũ-hồ có sự biến là hiện còn ghi vào bia bảy miếu ở bên ấy, mới biết khi ấy là thần Ngũ-hồ giáng sinh.

nước, nhảy vót lên thuyền, giết chết một tên lính. Ngài vội vàng đóng cửa thuyền hô to lên rằng :

— Tao đã chiếm được quận He rồi đây !

Chúng tưởng thực xô cả lại, quận He phải nhảy xuống sông, nấp dưới bánh lái. Ngài sai quân cầm giáo đâm xả xuống, quận He chạy mất.

Lại một hôm, ngài chỉ có một chiếc thuyền đóng ở bến Triều, bất-thình-linh giặc kéo 3 chiếc thuyền đến vây lại đánh, ngài suất thủ-hạ đánh hăng sức quá, giặc phải bỏ mà chạy, vua khen là mưu dũng hơn người, phong làm Giao-lĩnh hầu.

Năm Nhâm-tuất, vua triệu ngài về sai làm chủ-khảo thi hội. Thi xong, lại sai cùng với Tuân quận-công tiến quân đi đánh giặc. Vua hỏi những cơ mưu đánh giặc, ngài tâu tường tận lắm, vua mừng mà thưởng cho 3 cấp và 300 quan tiền.

Năm Giáp-tí, quận He chiếm giữ núi Đồ-sơn ở phủ Kinh-môn, tàn tia, tàn vàng, lùng lẫy một vùng bãi bể, tự hiệu là nhà Triều, thủ-hạ có 18 quận-công, và bốn năm vạn quân, thanh thế rất là hách dịch.

Ngài phụng mệnh làm Thống-lĩnh bình-khấu đại-tướng-quân, được quyền sai phái binh mã thủy bộ các xứ Hải-dương, Kinh-bắc, Sơn-mam, An-quảng. Ngài nhận chức, coi việc đánh giặc là trách-nhiệm của mình. Khi cất quân ra khỏi cửa phủ, đóng cờ ở đỉnh Quảng-văn, rồi vào hầu Hoàng-thượng ở trong dền chính. Hoàng-thượng an ủy một hồi, rồi ngự viết một đạo sắc Ban cho.

Sắc răng :

« Trăm họ đâu cũng là binh, kho tàng đâu cũng là của, cho người tùy tiện mà làm việc, nhất thiết giao phó cho người cả đó ».

Ngài lạy từ đi ra, tiến binh đến thăng núi Đồ-sơn, chiếm chỗ núi cao hạ trại, rồi dùng mèo đánh phá, sai quân thủy chấn đường tải lương của giặc ở các cửa bể ; mà ngài mang một đạo binh, đi ngầm dâng mé sau núi, chặt cây cối mở lối đi, rồi xe súng nhón lên trên đỉnh núi, bắn vào trong trại giặc, giặc phải trốn đi nơi khác, lại chiếm giữ mạn sông Thương ở tỉnh Kinh-bắc ; đắp thành Thọ-xương, dần dần lại chiếm được hết từ bờ sông giở sang bắc.

Bấy giờ Hoàng-ngũ-Phúc (quận Việp) đang làm Thống-lĩnh tỉnh Bắc, đem quân đánh nhau với giặc, đánh ba trận thì thua cả ba, vì thế giặc lây láng ra mọi nơi.

Năm Ất-sửu, ngài lại phụng mệnh đốc chiến. Một hôm, ngài đang ngồi ở mé nam bờ sông Thương, cùng với một người khách uống rượu, bàn việc binh. Giặc ở bên kia bờ sông, bắn sang một phát, chết mất một tên lính hầu. Người khách xin ngài hãy tạm lành đi. Ngài nói rằng :

— Ba quân hay dở, quan hệ về một ông tướng, nếu mà ta lui đi, thì giặc tất kéo sang sông ngay.

Bấy giờ giặc giàn chiến-thuyền ở mé bắc; mà cắm cờ ở cửa sông để phòng quan quân tràn vào, ngài sai đắp lũy ở trên bờ sông, làm kẽ vững bền; một mặt thì sai kéo tự trên thương-lưu, di chuyển đường bộ kéo xuống, đến làng Đa-mai, huyện An-dũng, thủy bộ giáp hai mặt lại đánh. Giặc núng thề, muốn phá cù để chạy ra ngoài, nhưng không ngờ cù đã bị quân của ngài đóng kín lại từ bao giờ, không sao phá mà ra được, giặc phải bỏ cả thuyền chạy lên bộ, quan quân đuổi đánh, bắt được rất nhiều.

Vua được tin mừng lắm, thưởng cho 10 lạng vàng và vài trăm thỏi bạc, để tùy ý thưởng cho tướng-sĩ. Vua lại viết bốn chữ « Văn võ toàn tài » ban cho.

Khi ấy lại có đám nghịch Ngũ chiếm giữ làng Ngọc-bội, đã được vài năm, thế cũng hùng dũng. Phan-phái hầu là Nguyễn-Phan đem quân đi đánh, bị giặc vây ở làng Hương-can. Vua sai ông Quốc-cửu cầm 18 cơ binh lên đánh giải vây, đánh hơn một tháng giờ không được. Vua thấy mặt đông-bắc đã hơi yên, mới triệu ngài về sai lên dẹp mặt Sơn-tây.

Khi ngài về vào chầu, vua ban cho một thanh gươm bảo rằng :

— Từ phò-tướng trở xuống, hễ ai không tuân nhời, cho phép cù chém; còn cái áo gấm ban cho tướng trước sai đi, làm không nỗi việc, cho người lên mà đòi lấy, hẹn cho 10 hôm thì phải xong việc.

Ngài từ vua mang quân đi. Khi đến gần chỗ đất giặc, ngài cưỡi voi leo lên trái núi trông xem, thì thấy khu giặc ở có 15 ngọn đồn, liên-tiếp với nhau; mà chung quanh ngoài lũy thì toàn đồng lầy cả. Ngài mới truyền cho quân mỗi người phải mang một bó cùi và một bó đuốc, nửa đêm kéo quân vào, sai ném cùi xuống đồng lầy làm đường đi, rồi phá lũy vào chính trại to của giặc, phóng hỏa đốt trại, rồi thì trong ngoài

danh áp vào, đốt luôn cả các đồn khác. Giặc đánh không nổi phải tan chạy, mới giải được vây cho Phan-phái hầu.

Ngài ngồi trên đầu voi, thảo biếu dâng về tâu công, và sai người lại đòi áo gấm của tướng trước, rồi đem quân về chầu, bấy giờ mới có 6 ngày.

Vua mừng lắm, cho ngồi ăn yến cùng một chiếu với Việp quân-công.

Vua bảo rằng :

— Nghịch Ngũ tuy nhiên đông dỗ, nhưng chẳng qua chỉ là giặc giữ nhà mà thôi. Còn như nghịch He, nó còn ra vào bất trắc lâm, người phải lưu tâm mà đề phòng, vậy người nên về ngay dưới mặt đông-nam mới được.

Ngài lạy tạ, lập tức lên đường, về đến trại cũ ở làng Bối-thị huyện Vĩnh-lại, khao thưởng quân sĩ, nói phao lên rằng : cho quân ăn uống vui chơi năm ngày.

Bỗng dâng đến nửa đêm hôm thứ ba, nghe tiếng trống om sòm, thì ra ngài đã mang quân thủy đuổi đánh quận He ở ngã ba sông Tranh. Các tướng cũng kéo quân bộ ra đánh, quận He phải chạy trốn mất. Các tướng ai nấy mừng rỡ, nhưng không biết vì có gì mà ngài biết trước giặc đến mà đánh ngay được như thế.

Các tướng hỏi thì ngài bảo rằng :

— Ta mới tự kinh-dô lại đây, giặc tất có người do thám. Hôm thứ nhất, nó xem ta động tĩnh thế nào. Nó thấy ta nói phao lên cho quân ăn uống năm ngày, tất nó đồ rằng quân ta trễ nhác. Sang ngày thứ hai, nó tất đem ngầm quân đến đánh quân ta, ngày thứ ba thì nó đến nơi, cho nên ta đón đường trước mà đánh. Đó là phép binh dù cho người đến mà đánh đấy.

Các tướng ai cũng chịu là mèo cao. Ngài lại sai quân chia giữ các nơi sung yếu ; và sức cho dân phải giữ giúp cho nhau, hễ có giặc phải báo quan ngay, đề dem binh đến tiễn. Từ đấy giặc mỗi ngày một kém, dần dần quân thưa lương cạn.

Một hôm, quận He sai người cầm giấy lại trình ngài, trong giấy ra một câu đối rằng :

— Ngọc tang nhất điểm ; xuất vi chúa, nhập vi vương. (1)

[玉藏一點出爲主入爲王。]

(1) Nghĩa là chữ ngọc giấu ở một nét chấm, thò lên thi là chữ chúa, thật xuống thi là chữ vương. Có ý khoe mình làm nỗi vua chúa.

Ngài lập tức viết lại đối rắng :

— *Thỗ liệt bán hoành; thuận giả thương, nghịch giả hạ.* (1)

【土 截 半 橫 順 者 上 逆 者 下。】

Quận He trông thấy, vừa sợ vừa thận, không dám đánh nhau nữa. Mới sai người đem vàng bạc hối lộ cho người quyền-thần phủ chúa Trịnh tên là Đỗ-thế Giai, giả tiếng xin ra hàng, mà kí thực là muốn dùng chước hoãn binh. Đỗ-thế-Giai nhận lễ, nói với chúa Trịnh. Chúa Trịnh tin nhời cho hàng, và phong cho quận He làm Ninh-dông hầu, truyền đem thủ-hạ lại chầu.

Phạm-dình-Trọng khăng khăng một mực xin đánh, thề không chịu cùng với giặc sống ở đời. Có quan Thự-phủ nhân có hiềm riêng với ngài, gièm pha với chúa Trịnh, đề chúa Trịnh triệu ngài về kinh. Ngài thì biết cơ quan He trả hàng, mới đóng quân lại ở đồn Bôi-thị, và chiêu mộ thêm quân cùiòng tráng các huyện Thanh-hà, Tú-kỳ, Thượng-hồng, Vĩnh-lại, chia làm hai cơ nghĩa-bin, đặt tên gọi là cơ Thanh-kì và cơ Hồng-vĩnh, sai hai tướng thủ-hạ thống lĩnh hai cơ ấy,

Quan Thự-phủ gièm với chúa Trịnh rắng :

— Phạm-dình-Trọng chẳng khác gì Huyền-Dức, mà Thanh-kì thì là Quan-Võ, Hồng-vĩnh thì như Trương-Phi. Nay ông ta cầm đại binh ở ngoài, hoặc sinh bụng bất trắc thì làm thế nào ?

Chúa Trịnh vốn tin ngài, không nói gì đến, lại đưa cho một bài thơ để ngài yên tâm.

Về sau quận He quả nhiên không ra hàng, cướp bóc vùng đông-nam lại càng những lầm. Triều-dình sai quận Côn lĩnh binh đi đánh. Khi sang qua sông Nhị-hà, đến trạm Điện-dao, bị giặc đánh lừa, bắt sống được quận Côn, chư quân tan vỡ mất cả. Giặc bắt triều-dình phải thuộc quận Côn 300 lạng bạc. Kinh-thành nhao nhác cả lên:

Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài lập tức phái binh các đạo và quân nghĩa-bin tiến tiêu, đánh nhau ở Gia-phúc, Quảng-xuyên, An-ninh, Tòng-hoa trận nào cũng được, giặc phải trốn đi nơi xa, dân vùng ấy lại được yên ổn.

Khi trước ở bến Hồng-dàm chầu Vạn-ninh, là một nơi rất hiểm ở miền bắc đông. Có dám giặc Quan-lan, tụ đồ đảng giữ chỗ ấy

(1) Nghĩa là chữ thỗ cắt bỏ nửa nét ngang đi, phải thì là chữ thương, trái thì là chữ hạ. Có ý ché kẽ kí phản nghịch.

làm sào huyệt, cướp bóc các thuyền buôn đường bờ, việc buôn bán ta với Tàu đọng cả lại. Quan Đồng-đốc Quảng-dông, không sao trừ được, nhiều lần đưa giấy sang cho quan Tuần-phủ Yên-quảng, hợp binh tiêu giặc, đánh luôn mấy năm vẫn chưa xong. Khi ấy ngài đi tuần mặt bờ đông, sai thuộc-tướng là Vinh-thọ hầu đem chiến thuyền đóng ở châu Vạn-ninh, nói phao lên rẳng đánh giặc, hẹn ngày với quan Tàu để họp tiễn. Mà ngài thì mật đem đội thuyền từ dưới núi Đề-thai, ra đường Bạch-long-vĩ, đến thẳng bến Hồng-dàm, đánh phá trại giặc, bắt được tướng đầu đảng và 7 người đồ đảng, đóng cùi nộp cho quan Tàu. Ngài thân đến chơi với quan Trấn-thủ Long-môn, người Tàu trông thấy ngài lấy làm lạ lùng, tiếc thay cho ngài là đại tài mà sinh về nước nhỏ, chính-nhân mà thờ người quyền-thần.

Quan Tàu tâu việc ấy lên vua Tàu. Vua Tàu khen nước Nam có người giỏi, yên được cõi ngoài ven, sai quan sang ban thưởng cho ngài áo dài, trăm tấm gấm; mười lạng vàng và phong làm Thượng-thư. Chúa Trịnh cũng phong cho ngài làm Bình-bộ Thượng-thư, bởi thế gọi là Thượng-thư hai nước.

Sực lại có tin quận He quấy nhiễu các huyện Thần-khê, Thanh-lan, dân sự tàn hại. Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài đi gấp đường đến huyện Ngự-thiên, đang cùng bàn mưu với quận Việp, xảy đâu giặc kéo đến vây kín làng ấy. Quận Việp lo phát phiền, một đêm mà đầu bạc trắng xóa. Ngài sai chư quân giàn trận, cầm giáo trông về phía giặc. Một mặt sai quân dắp lũy. Ngài ngồi ngay trong trận thảo tờ bích, sai đòi tướng tá lại hội. Đang khi ấy, giặc bắn chết một tên lính cầm nghiên mực, ngài sai tên khác thay vào, mà ngài thì cứ ngồi vững vàng như không, trổ bảo các quân. Giặc thấy vậy không dám đến gần, phải tháo vây mà chạy. Ngài đem quân các đạo, thừa thế đuổi đánh, phá được giặc ở sông Lộng-khê (về huyện Phụ-dực). Lại đuổi đến làng An-vệ, huyện Quỳnh-cô, vây bọc được giặc hai ba tưng. Quận He sai quân bỏ nhiều đình-liệu, nói phao lên rẳng đến đêm thì đốt đình-liệu mà đánh ra. Chiều tối, giặc bỗng nhiên bỏ cả đình-liệu thúc ngựa kéo ra, quân sĩ không ai dám chống lại, chỉ có một mặt của ngài vây mé ngoài thì giặc không dám ra cửa ấy.

Về sau quận He trốn về Nghệ-an, hợp đảng với nghịch Diên, quấy nhiễu trong vùng Thanh, Nghệ, ngài đem quân vào Nghệ, đốt phá được trại giặc ở làng Hưng-lâm, rồi đánh tràn vào đến Bạch-dường, Bảo-giang. Ngài suất bộ-tướng là quận Trần

làm tiên-phong, sai quận Viên làm hậu-quân, đuổi giặc mãi đến huyện Quỳnh-lưu, qua làng Hoàng-mai, ở đấy có một trái núi rậm, ngài dò rắng giặc tất núp vào trái núi ấy, mới dời tiền-quân làm hậu, hậu-quân làm tiền, sai vây bọc chung quanh dưới chân núi. Bấy giờ quận He thề lực dã kiệt lăm rồi, biết thân không còn thể nào chạy thoát, mới đến tiền-quân xin hàng.

Khi trước quận Trần cầm tiền-quân, vốn quen nhau với quận He. Không ngờ tiền hậu mới dời, té ra quận Viên cầm tiền-quân. Quận Viên mới sai đóng cùi giải nghịch He về Kinh-sư.

Từ đấy ngài mới thành công giờ về, được gia chức là Thiếu-bảo, phong làm Dương-võ tuyên-lực công-thần, ban cho 12 xã dân và 150 mẫu ruộng để làm ruộng thể-nghiệp.

Năm Cảnh-hưng thứ 12, ngài phụng mệnh trấn thủ tỉnh Nghệ-an và châu Bố-chinh. Một khi ngài đang ngồi coi việc trên phủ-đường, bỗng dung có một con rắn to tự ngoài sân bò vào, quân sĩ toan đánh, ngài không cho đánh, thủ đê xem ra làm sao, thì thấy con rắn bò quanh chỗ sắp ngài ngồi, rồi leo lên tràng áo ngài. Ngài cứ ngồi nghiêm nhiên không động, một lát nó lại bò xuống, rồi bò vào hồ Bán-nguyệt đi mất.

Ngài có ý buồn rầu, biết là cái điểm nó đến đón mình. Ngài mới đi khắp trong thuộc hạt, khuyên dân làm ăn yên nghiệp.

Một hôm, ngài đang nằm trong màn, đang đêm bỗng dạ to lên một tiếng, cả nhà giật mình. Hỏi cớ làm sao thì ngài nói rằng :

— Thượng-dê sai dòi ta về rồi.

Chúng ngạc nhiên, chưa biết thế nào. Đến ngày mồng một tháng giêng năm sau là năm Giáp-tuất, ngài mặc áo chầu ra giữa phủ-đường, ngảnh mặt về bắc lẽ vọng Thiên-tử, rồi lên giường nằm, tự nhiên thiếp dần đi rồi mất.

Vua được tin thương xót vô cùng, sai quân thủy bộ hộ tống linh-cữu về làng ngài an táng, và sai quan Thượng-thư là Trần Cảnh đến nhà dự tế.

Chúa Trịnh cũng sai Thượng-thư là Nguyễn-Công-Thái đến tế, và tặng 16 chữ : « Phủ dân, tiêu khâu, cố bản, an biên, ái quốc, trung quân, hoàn danh, cao tiết. » Lại gia tặng chức Thái-phó, phong làm Hải quận-công thượng-dâng phúc-thần, sai lập đền thờ ở làng Giáp-sơn.

Chúa Trịnh lại ban cho một câu đối thờ rằng :

*Cái thế anh-hùng kim cồ thiêu,
Tai nhân công đức địa thiên tràng.* (1)

蓋世英雄今古少
在人功德地天長



15*. — Đào-duy-Tử

Đào-duy-Tử người Ngoc-sơn tỉnh Thanh-hóa, cha là Đào-tá-Hán vốn dòng con hát. Khi Duy-Tử sinh ra, thông minh dĩnh dị, học thông kinh sử ; làm văn hay, thuật-số, sấm-vĩ, đều tinh hiểu cả. Ra ứng hương-thi đời nhà Lê, quan trường cho là con nhà hát xuống đánh hỏng. Duy-Tử bức mình trở về. Nghe đức Thái-tổ triều Nguyễn ta có lòng yêu kẻ hiền-sĩ, nhiều người về theo, bèn quyết chí vào trong Nam.

Nghé thấy quan Khám-lý Trần-đức-Hòa ở Qui-nhân là người nhà chúa thân tin, mời đi vào Qui-nhân, ở chăn trâu cho một nhà giàu ở Tùng-châu.

Một hôm, phú-ông mở tiệc rượu, mời các danh-sĩ đến uống rượu làm thơ. Xếp chiềng, Duy-Tử chăn trâu về, thấy các danh-sĩ đương bàn luận, Duy-Tử cầm roi vào đứng trước án, cùng các danh-sĩ bàn luận cổ, kim, cùng là bách gia kinh sử, đều thông suối cả ; cả tiệc đều thất kinh. Phú-ông lấy làm kỳ dị, mời nói truyện với Đức-Hòa. Đức-Hòa đến hỏi truyện Duy-Tử thấy là người học-vấn rộng, kiến thức nhiều, bèn mời đến nhà dạy học, gả con gái cho.

Duy-Tử thường ngâm bài *Ngọa-long-cương*, diễn ra ca quốc-âm, là có ý tự tả với Gia-cát-Lượng. Đức-Hòa trông thấy nói rằng : « Duy-Tử có lẽ là Ngọa-Long đời này chăng ? »

Triều đức Hy-tôn thứ 14 năm Đinh-mão, Đức-Hòa vào yết kiến, dâng bài ca *Ngọa-long-cương*, tâu rằng : « Bài ca đó là của thầy đỗ dạy học nhà tôi tên là Đào-duy-Tử làm ra. »

Đức Hy-tôn xem lấy làm lạ, lập tức cho đài vào yết kiến.

Khi Duy-Tử vào, thấy đức Hy-tôn mặc áo trắng, đi giầy xanh, đứng đợi ở cửa dịch-môn. Duy-Tử lùi lại không vào. Đức Hy-tôn biết ý, bèn chỉnh áo mũ đài vào yết kiến. Duy-Tử

(1) Nghĩa là anh-hùng đài xưa nay hiếm có, công đức cho người ta được nhớ dài bằng với giới đất.

trần thuyết, dúc Hy-tôn cả mừng, nói rằng : « Người lại đây sao muộn vậy ? Liền cho làm Nha-úy nội-tán, tước Lộc-khê hầu, kiêm quản cả việc quân cơ trong ngoài, thường triệu vào hầu trong, bàn định quốc chính. »

Năm Kỷ-tị, Trịnh-Tráng mưu muốn vào xâm trong Nam, bèn sai Nguyễn-khắc-Minh cầm tờ sắc-thư vào trước tấu phong dúc Hy-tôn làm Thái-phó quốc-công, và giục ngài ra Đông-dô, để di đánh giặc. Đức Hy-tôn hội quần-thần lại bàn. Duy-Tử lâu rằng : « Đó chẳng qua là họ Trịnh mượn sắc mệnh vua Lê, để lừa ta ra. Nếu nhận sắc-thư mà không ra, thời kẻ kia có lẽ bê-mình được ; nếu không nhận, thời kẻ kia át động binh vào đánh. Đã sinh hiềm khích ra, thì không phải là phúc cho đâu. Vả lại ta thành quách chửa bền, quân sĩ chửa luyện, lấy gì mà chống chế với quân thù-dịch. Không gì bằng hãy nhận lấy sắc-thư, cho họ không ngờ ; để ta được chuyên ý sửa sang bờ cõi cho kiên cố ; rồi sau dụng kế trả lại sắc-thư, thì kẻ kia không làm gì ta được nữa. »

Đức Hy-tôn theo lời, nhận lấy sắc-thư hậu đãi sứ-giả cho về.

Duy-Tử lại khuyên dúc Hy-tôn từ rầy không nộp thuế mà cho họ Trịnh nữa, và tâu xin phái dân-binhh đắp lũy Trường-đục, tự chân núi Trường-đục đến bãi Hạc-hải, để phòng thủ bờ cõi.

Duy-Tử lại tâu xin làm một cái mâm đồng hai đáy, để tờ sắc-thư vào giữa, rồi sắp phẩm-vật dựng trên mâm, sai Lại-văn-Khuông đem ra Đông-dô tạ án, Duy-Tử lại nghĩ sẵn mười điều vấn, đáp, dặn Văn-Khuông trước.

Khi Văn-Khuông đến Đông-dô, Trịnh-Tráng đòi vào hỏi, Văn-Khuông biện bác không chịu khuất ; Tráng cả sợ, đãi Văn-Khuông rất hậu. Văn-Khuông hiến mâm phẩm-vật, rồi lén ra về.

Đến khi Trịnh-Tráng sai tách đáy mâm, thấy có một tờ sắc-thư và một lá thiếp đề chữ rằng : « Mâu 才 nhi 而 vô 無 殆腋, mịch 實 phi 非 kiến 見 tích 跡, ái 愛 lạc 落 tâm 心 tràng 腸 lực 力 lai 來 tương 相 địch 敵. »

Tráng hỏi các bày tôi, không ai biện ra nghĩa gì, chỉ có quan Thiếu-úy Phùng-khắc-Khoan đoán ra là chữ « *du* 予 *bất* 不 *thu* 受 *sắc* 勅 ».

(1) Nghĩa là chữ mâu mà không có phảy (/) là chữ *du* (予) chữ mịch (寔) mà bỏ chữ kiến (見) là chữ *bất* (不) chữ ái (愛) mà bỏ tâm (心) là chữ *thu* (受), chữ lai (來) ngang cùng chữ lực (力) là chữ *sắc* (勅).

Tráng cả giận, sai người đuổi theo Văn-Khuông, thì đã đi xa rồi. Tráng muốn đem binh vào đánh, gặp khi ấy Cao-binh, Hải-dương có giặc, bèn thôi.

Năm ấy Duy-Tù lại tâu xin đem quân ra lấy Nam-bố-chính châu, chiếm đất từ sông Linh-giang giở vào, tuyển dân đặt ra binh-thuyền 24 đội.

Năm Tân-mùi, Duy-Tù lại tâu xin đắp một cái lũy dài từ cửa bờ Nhật-lê đến núi Đầu-mâu, cao 1 trượng 5 thước dài hơn 3000 trượng, (tục gọi là lũy Thầy) tiệt nhiên là một chốn hiểm yếu ngăn trong Nam ngoài Bắc.

Duy-Tù lại đặt ra phép tuyển-duyệt, để kén kẻ định tráng, lập ra phép khảo-thí, để thu kẻ nhân-tài.

Một hôm, Duy-Tù nằm mộng thấy có con hổ đen tự phương Nam chạy vào, chợt lại sinh hai cánh mà bay lên được. Sực tỉnh dậy thì thấy Nguyễn-hữu-Tiến mặc áo thám, cầm quạt cánh tự ngoài vào, đứng hầu ở dưới thềm. Duy-Tù thấy người trạng mạo phi thường, hỏi bao nhiêu tuổi, thì nói là tuổi Nhâm-dần. Duy-Tù mới hỏi truyện, lấy làm trọng lâm, cho là hợp với mộng, rồi tiến lên làm đến Tiết-chế, tướng lược rất giỏi, ngoài Bắc-hà vẫn gọi Nguyễn-hữu-Tiến là Nam-triều hổ tướng.

Duy-Tù phụ chính 8 năm, huân nghiệp rõ rệt, có làm ra sách *Hổ-tướng su-cơ tập*, *Ngựa-long-cương ngâm*, thọ được 63 tuổi, thực là đầu-bậc công-thần triều Nguyễn ta.

16* — Trịnh-hoài-Đức

Trịnh-hoài-Đức trước tên là An, tên chữ là Chỉ-sơn, hiệu là Cẩn-trai. Tổ tiên trước là người Phúc-kiến, vốn dòng dõi họ nhà quan, đời ông tổ gặp lúc nhà Thanh mới khai sáng, không chịu theo kết bím, để tóc sang nước Num ở đất Trấn-biên. Cha là Khanh, học giỏi, chữ đại-tự tốt, đánh cờ tướng cao, có danh tiếng ở đời bấy giờ. Triều đức Thế-tôn, Khanh quyên làm chức cai-thu ở An-trường, sau thiêu làm cai-dội ở trường Qui-nhân, Qui-hóa, Bản-can, rồi mất.

Khi ấy Hoài-Đức mới lên 10 tuổi, dốc lòng chăm học, bấy giờ gặp thời buồm nhiễu-nhương, người mẹ mới đem Hoài-Đức đến ở Phiên-trấn, cho theo học ông xứ-sĩ Võ-trường-Toản, học càng ngày càng giỏi.

Năm Mậu-thân, đức Thê-tồ về thu phục được thành Gia-dịnh, Hoài-Đức bèn cùng với Lê-quang-Định ra ứng-cử, được bổ làm Hán-lâm viện chẽ-cáo. Sang năm sau, làm quan Đien-tuấn huyện Tân-bình, khuyên dân chăm chỉ việc nông, tang. Sau lại theo làm việc bộ Hình, xét nghĩ văn án, luyện tập chính sự, càng ngày càng giỏi.

Rồi lại sung làm Đông-cung Thị-giảng, theo Đông-cung ra trấn-thủ thành Diên-khánh, (tức Khánh-hòa). Đến khi Đông-cung tiến binh ra Phú-an, Hoài-Đức dự bàn giúp việc cơ-mật.

Năm Giáp-dần, Hoài-Đức làm Ký-lục doanh Trấn-ninh, rồi lại thăng làm Hộ-bộ Hữu tham-tri. Năm Tân-dậu, Hoài-Đức coi việc thu thuế thóc ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa đề cấp cho quân, sau lại cùng Nguyễn-văn-Thánh coi về việc Hộ. Tháng năm, được thăng làm Hộ-bộ Thượng-thư (Nguyễn triều ta có lục bộ Thượng-thư bắt đầu từ đây), sung chức chính-sự, cùng với Bình-bộ Tham-tri Ngô-nhân-Tĩnh, Hình-bộ Tham-tri Hoàng-ngọc-Uân sang sứ nhà Thanh, đê tờ quốc-thư, phẩm vật, và đem nộp cả ấn sách của Tàu phong cho Tây-son, cùng giải nộp lũ tướng giặc bể là Đông-hải vương Mạc-quan-Phù, Thống-binh Lương-văn-Canh; Lương-văn-Tài. Tháng bảy mới sang đến Hồ-môn quan; quan Tông-dốc lưỡng Quảng là Giác-Là-Cát-Khánh tàu lên vua Tàu, vua Tàu truyền dụ cho đưa sứ-bộ đến Quảng-tây, rồi vào Bắc-kinh.

Khi ấy đức Thê-tồ vừa ra bình định xong Bắc-hà, lại sai Bình-bộ Thượng-thư Lê-quang-Định sang sứ cầu phong. Bọn sứ bộ Trịnh-hoài-Đức còn đợi ở Quảng-tây, tháng tư năm Gia-long thứ hai, cả hai bọn sứ bộ, cùng tự Quảng-tây đi thuyền qua Hồ-bắc đến Hán-khẩu, rồi lên bộ qua Vạn-lý tràng-thành, qua cửa Cồ-bắc, tháng tám đến sông Nhiệt-hà (thuộc Mẫn-châu, các sứ bộ đời nhà Lê chưa từng đến đây bao giờ), vào bệ kiến vua Gia-khánh ở nơi hành-tại. Rồi lại cùng với sứ Tàu sang tuyên-phong là Án-sát Quảng-tây Tề-bố-Sám, tự cửa Nam-quan trở về nước. Khi về lại vẫn lĩnh chức bộ Hộ, rồi vào làm Hiệp-trấn Gia-định, lại thăng làm Lê bộ, Lại bộ Thượng-thư.

Dến năm đức Thánh-tồ lên ngôi, Hoài-Đức thường nhân việc ngăn gián tò lòng trung thành, Thánh-tồ đều nghe theo cả. Rồi lại được thăng làm Hiệp-biện đại-học-sĩ, kiêm lịnh Lại-bộ, Bình-bộ Thượng-thư. Bấy giờ các quan văn chúa có ai được thụ hàm nhất phẩm bao giờ, Hoài-Đức mới được thụ hàm Hiệp-biện là một. Khi tại chức bàn tán giúp việc quân quốc rất nhiều.

Hoài-Đức là người cẩn thận, phong độ trầm tĩnh, học văn rộng rãi, bàn bạc điều gì vẫn giữ đại thể. Đức nghiệp văn chương ông ấy, người đời đều tôn trọng cả. Hoài-Đức có làm sách *Gia-dinh thông-chí*, *Cánh-trai thi-tập*, *Bắc-sứ thi-tập*, *Gia-dinh tam gia* (1) thi-tập. Khi mất 61 tuổi, truy tặng Thiếu-phó cản, chính diện đại-học-sĩ, thực là một bậc danh-thần, trải hai triều vua đều quyến cõi cả.

CHƯƠNG THỨ III

Các bậc danh-hiền

17. — Mạc-dĩnh-Chi

Mạc-dĩnh-Chi tự là Tiểu-phu, người làng Lũng-đông, huyện Chi-linh (Hải-duong), nguyên về dòng dõi quan Thượng-thư Mạc-hiền-Tích về triều nhà Lý, (Hiền-Tích đỗ Trạng-nghuyên đời vua Trung-lôn nhà Lý, làm đến Lại-bô Thượng-thư).

Tục truyền làng Lũng-đông có một thung rừng rậm, cây cối bùm tum, lăm giống hầu (con khỉ) ở. Mẹ ông ấy thường khi vào rừng kiếm củi, phải con hầu to bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà, giắt săn con dao sắc vào rừng, con hầu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thây ở đấy. Sáng mai ra xem thì mỗi đã dùn đất lấp hết, thành một gò mả.

Bà kia từ đấy thụ thai, dù tháng, sinh ra Mạc-dĩnh-Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tựa như giống hầu.

Ông cha đến lúc gần mất, dặn lại táng lên trên mả con hầu, vì biết chỗ ấy là chỗ đất kết. (Ngôi mả đến giờ vẫn còn)

Mạc-dĩnh-Chi nhón lên bốn năm tuổi, tư chất thông minh hơn người. Bấy giờ Hoàng-tử là Chiêu-quốc-công mở trường dạy học trò, Đĩnh-Chi vào học. Đến năm gần 20 tuổi, là năm Giáp-thìn đời vua Ánh-tôn nhà Trần, Đĩnh-Chi thi đình, văn đáng đỗ đầu cả mọi người, nhưng vua trông thấy người hình dạng xấu xa, toan không cho đỗ Trạng-nghuyên. Đĩnh-Chi làm một bài phú

(1) Trịnh-hoài-Đức và Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Linh, là ba nhà làm thơ.

« Ngoc-tinh-lien » đê vi vào mình, vua mới lại cho đỗ Trạng-nghuyên.

Khi Đinh-Chi phụng mệnh sang sứ nhà Nguyên bên Tàu, đã hẹn ngày với người Tàu đến hôm ấy thì mở cửa ải, vì gặp phải giờ mưa gió sai hẹn, người Tàu đóng cửa không cho vào. Đinh-Chi nói tử tế xin cho mở cửa. Người Tàu ra một câu đối tự trên ải ném xuống, và bảo hễ đối được thì mở cửa.

Câu ra :

« Quá quan tri, quan quan bế ; nguyễn quá-khách quá quan. » (1)

Đinh-Chi viết ngay một mảnh giấy đổi lại đưa lên :

« Xuất đối dị, đối đổi nan ; thỉnh tiên-sinh tiên đổi. » (2)

Người Tàu khen có tài nhanh nhẩu, mới mở cửa ải cho vào. Khi đến cửa Yên-kinh, người Tàu thấy xấu xa, có bụng khinh bỉ. Một hôm, quan Tể-tướng Tàu mòi vào phủ-đường ngồi chơi, Đinh-Chi trông thấy trên bức trường có thêu con chim-sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là con chim thực, đứng dậy chạy lại bắt. Người Tàu cười ầm cả lên, Đinh-Chi xé tan ngay bức trường ấy ra.

Chúng ngạc nhiên hỏi có làm sao thì thừa rằng :

— Tôi có nghe người ta thường vẽ chim-sẻ đậu cành mai, không ai vẽ đậu cành trúc bao giờ. Nay Tể-tướng sao lại cho vẽ thế ? Trúc là giống cây quân-tử, chim-sẻ là loài vật tiểu-nhân, vẽ thêu như thế, thì cho tiểu-nhân ở trên quân-tử, tôi e rằng đạo tiểu-nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân-tử mỗi ngày mòn đi, nên tôi trù giúp cho thành-triều đấy thôi.

Chúng chịu là biện bác có lẽ.

Đến khi vào chầu, nhân có ngoại-quốc dâng một đ. quạt quý. Vua Tàu sai Đinh-Chi và một người sứ Cao-ly, mỗi người đê một bài tán vào quạt.

(1) Quá ải chậm, người coi ải đóng ải, mời khách qua đường qua ải mà đ. .

(2) Ra đổi đ. , làm lại đổi khó, xin ông sinh trước đổi trước đ. cho.

Sir Cao-ly làm xong trước.

Nhời tán rắng :

« *Uân long trùng trùng, Y-Doãn, Chu-Công, Vũ tuyết thế thê.
Bá-Di Thúc-Tề.* »⁽¹⁾

Bấy giờ Mạc-đinh-Chi chưa nghĩ ra ý từ làm sao, nhác trông sang quản bút bên kia viết, biết là nhời nhẽ như thế, mới suy ra mà đề một bài như sau này :

« *Lưu kim thước thạch thiên địa vi lô ; nhī ư tư thời hè, Y
Chu cự-nho ! Bắc phong kí lương, vũ tunết tái đồ ; nhī ư tư
thời hè, Di, Tề ngã-phu ; Y! dụng chí đặc hành, xả chi đặc
tàng, duy ngã dữ nhī hữu thi phù ?* »⁽²⁾

Đề xong dâng lên, vua Tàu cầm bút khuyên chữ Y, phe rắng : « *Lưỡng quốc trạng-nguyên* » (Nghĩa là trạng-nguyên hai nước.)

Thường khi cưỡi lừa đi đường, chạm phải ngựa của người Tàu. Người kia đọc lên một câu rắng :

« *Sic ngã kí mā, Đông-di chí nhān dā ! Tây-di chí nhān
dā !* »⁽³⁾

Đinh-Chi ứng khẩu đổi rắng :

« *Át dư thừa lư, Nam phương chí cường dư ! Bắc phương
chí cường dư !* »⁽⁴⁾

(1) Đang lúc nắng nẫu nực, thì như ông Y-Doãn, ông Chu-Công (ý là đặc dụng với thời) Đến khi mưa tuyết lạnh ngắt, thì như ông Bá-Di, ông Thúc-Tề (ý là xép xó một chỗ).

(2) Nắng chầy vàng tan đá, giờ đất như lò lửa, người về lúc ấy ví như Y, Chu hai ông quan là bắc lạnh leo, mưa tuyết lắp đường, người về lúc ấy ví như Di, Tề hai người chém han ôi ! Khi dâng đến thì ra, khi không dâng đến thì cất đi, chỉ ta với người đượi là thời.

(3) Chạm vào ngựa của ta cưỡi ấy là người Đông-di hay người Tây-di ?

(4) Chắn đường lừa của ta đi, thử xem người phương Nam khỏe hay là người phương Bắc, khỏe ?

Câu trả lời đúng chữ săn ở sách Mạnh-lù, câu đổi trả lời đúng chữ ở sách Trung-dung cho nên hay mà tài.

Lại thường đối đáp với người Tàu, Tàu ra rắng ;
« An, nǚ khứ ; thí nhập vi gia. » (1)

Đối rắng :

« Từ, nhân xuất ; vương lai thành quốc. » (2)

Người Tàu phê rắng :

— Con cháu về sau, tất có người làm đến đế vương, nhưng hiềm về chữ quốc 国 đơn, thì hưởng nước không được tràng cữu mấy nỗi.

Lại ra :

« Nhật hỏa vân yên ; bạch chủ thiêu tàn ngọc thô. » (3)

Đối :

« Nguyệt cung tinh đạn ; hoàng hôn xạ lạc kim-đỗ ». (4)

Người Tàu phê rắng :

— Con cháu về sau, tất có người cướp nước. (Mạc-dăng-Dung giết vua Lê cướp nước.)

Lại ra :

« Lì, vị, vông, lưỡng, tứ tiêu quí. » (5)

魑 魅 魁 四 小 鬼

Đối :

« Cầm, sắt, tì, bà, bát đại vương. » (6)

琴 瑟 琵 琶 八 大 王

Tàu phê rắng :

— Đời sau được làm phúc-thần, hưởng người ta tế bài. (Về sau quả nhiên làm thành-hoàng làng Cồ-trai.)

(1) Chữ an (安) bỏ chữ nǚ (女), chữ thi (豕) vào thì là chữ gia (家).

(2) Chữ từ (囚) bỏ chữ nhân (人), chữ vương (王) đến thì là chữ quốc (国).

(3) Lửa mèo giờ, khói đám mây, ngày trăng đốt tàn con thể ngọc.

(4) Cung mặt nguyệt, đạn ngôi sao, chiếu hôm bắn rụng cái ô vàng.

(5) Bốn chữ LÌ VỊ VÔNG LUỘNG cùng có chữ QUÍ

(6) Bốn chữ CẦM SẮT TÌ BÀ mỗi chữ có hai chữ VƯƠNG thành tam.

Lại ra :

*Điều tập chí đầu đàm Lô-luận : Tri chí vi tri chí, bất tri vĩ
bất tri, thị tri l »* ⁽¹⁾

Đối :

« *Óa minh tri thương độc Cháu-thư : Lạc dữ tiêu lạc nhạc
lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc ? »* ⁽²⁾

Lại ra :

« *Lạc-thủy thần-quí đan ứng triệu, thiên số cửu, địa số cửu,
cửu cửu bát thập nhất số, số số hồn thành tam đại đạo, đạo hợp
Nguyên-thủy thiên-tôn, nhất thành hữu cảm.* » ⁽³⁾

Đối :

« *Ki-sơn minh phụng lưỡng trình tường, hùng thanh lực,
thúy thanh lực, lực lực tam thập lực thanh, thanh thanh ương
triệt cửu trùng thiên, thiên sinh Gia-tinh hoàng-đế, vạn thọ vô
cường.* » ⁽⁴⁾

Một khi bà Hoàng-hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc-danh-Chi vào đọc văn-tể. Đến lúc quì xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trăng, có bốn chữ *nhất* (—) mà thôi. Mạc-danh-Chi không nghĩ gì, đọc ngay rằng :

« *Thanh thiên nhất đáo vân, hồng-lô nhất điểm tuyết, ngọc-
nyễn nhất chi hoa, giao-trì nhất phiến nguyệt. Y ! Văn tàn,
tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết.* »

Bài văn ấy còn chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu tài ứng biến nhanh.

(1) Chim đậu cành đọc sách Luận-ngữ, có câu tri chí... (Nghĩa là điều gì biết thì cho là biết, điều gì không biết thì cho là không biết, thế mới là biết). Có ý chè là tiếng nói như tiếng chim.

(2) Éch kêu trong ao học sách Mạnh-tử, có câu : Lạc dữ... (Nghĩa là nhạc cùng với nhiều người vui nhạc cùng với ít người vui, thì đâu nào vui?) Có ý chè lại người Tàu nói như tiếng éch.

(3) Con rùa sông Lạc báo triệu tốt, số giờ chín, số đất chín, chín chín thành tam mươi mốt số, số số hợp thành ba đạo nhá, đạo hợp với Nguyên-thủy thiên-tôn, bởi một bụng thành cảm cách lèn.

(4) Con phượng núi Ki trình điểm bay, tiếng đực sáu, tiếng cái sáu, sáu sáu thành ba mươi sáu tiếng, tiếng suốt đến chín từng giờ, giờ sinh ra Gia-tinh hoàng-đế, cho muôn tuồi thọ dài lâu mãi.

(5) Một đám mây trên giờ xanh, một giọt tuyết trong lò đỏ, một cành hoa vuông thượng uyển, một vàng giăng ao Giao-trì. Than ôi ! Mây rã, tuyết tan, hoa tàn, giăng khuyết.

Tục truyền rằng Mạc-dĩnh-Chi ở Tàu, ai cũng chịu là người tài, mà xét đến tướng mạo, thì không có gì làm quý cách, mới cho người rinh, lúc đi đại-tiện thấy hiện ra hình vuông, mới biết có ẩn tướng ở đấy.

Đến lúc đi sứ về, người Tàu lại theo sang xem địa-lý, xem đến ngôi mộ thân-phụ ông ấy, chịu là ngôi đất hay và có nói rằng ngôi ấy hình thế rất đẹp, chỉ hiềm không có nước tụ, thiếu mất hồ-thủy, cho nên quý mà vẫn nghèo.

Đĩnh-Chi làm quan liêm quá, vua Minh-tôn biết tính ông ấy; thường sai người đem 10 quan tiền, rình lúc tối bỏ vào cửa nhà ông ấy. Sớm mai, Đĩnh-Chi vào tâu ngay với vua, xin bỏ tiền ấy vào kho.

Vua bảo rằng :

— Tiền ấy đã không có ai nhận, thì cho người cứ việc mà tiêu.

Bấy giờ Đĩnh-Chi mới lấy, đại để thanh liêm như thế cả. Đến triều vua Hiển-tôn, làm nên đến chức Tả-bộc-xạ (Tể-tướng). Văn-chương lưu truyền lại về sau rất nhiều, mà bài nào cũng vui thích cho tai mắt người ta cả. Vả lại có đức hiền-hậu, cho nên để phúc mãi đến đời con cháu. Con ông ấy là Khản, Trực, cùng làm đến Viên-ngoại-lang. Cháu là Địch, Toại, Viễn, cùng có quyền thế làm quan đương lúc nhà Minh cai trị. Đời cháu chắt thiên sang ở làng Cổ-trai huyện Nghi-dương, thì có Đăng-Dung là cháu bảy đời ông ấy làm vua nhà Mạc.

Nhà Mạc lên làm vua, truy phong Đĩnh-Chi làm Huệ-việt linh-thánh đại-vương, bây giờ ở làng ấy còn thờ làm phúc-thần.

18. — Chu-văn-An

Tiên-sinh húy là Văn-An, tự là Linh-triệt. Người làng Quang-liệt, huyện Thanh-trì, đỗ Tiến-sĩ về triều nhà Trần.

Ngài tính ngay thẳng mà điềm đậm, không ham đường danh lợi, chỉ cốt lấy : 'đạo thánh-nhân mà triết mối dị-doan làm việc mình.'

Ngài mở một trường dạy học ở cạnh đầm thôn Cung-hoàng làng ấy. Học-trò đến học rất đông, mà nhiều người làm nên hiển đạt, như là Phạm-sư-Mạnh, Lê-bá-Quát làm đến Tể-tướng, mà vẫn phải giữ phép học-trò, đứng hầu dưới đất. Trong bọn học-trò, ai có điều gì không phải, thì lập tức quát mắng đuổi đi ngay.

Trong năm Khai-thái đời vua Minh-tôn, vua nghe tiếng ngài là bậc đạo-học mồ-phạm, vời vào làm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp để dạy Thái-tử học. Đến năm Đại-trị đời vua Dụ-tôn, chính sự triều-dình mỗi ngày một suy đốn, bọn quyền-thần lăm kẽ sinh ra kiêu ngạo, ngài dâng sớ xin chém 7 người gian nịnh, thì toàn những người quyền thế hách dịch bấy giờ. Vua không nghe, vì thế ngài cõi mũ giả chức quan, xin về làng cũ.

Ngài tri-sĩ rồi, nhau ra chơi làng Ái-kiệt, huyện Chi-ninh (Hải-dương), thấy có phong cảnh lá lung, núi non vui vẻ, ⁽¹⁾ mới làm nhà ở trong khoảng núi Lân-phụng, tự hiệu là Tiểu-ẩn tiên-sinh. Mỗi khi nhàn ngài ra thẩn thơ chơi trên đầm Miết và trong sông Thanh-lương, ngâm thơ uống rượu làm vui. Khi nào có việc triều-hội gì, thì lại vào chầu. Vua Dụ-tôn muốn dùng ngài làm tướng, nhưng ngài nhất định không làm quan nữa.

Bà Hiếu-tử thái-hậu nói rằng :

— Người ấy là bậc cao-hiền, thiên-tử không có quyền bắt người ta làm tội được, giao thế nào được chính sự cho người ta!

Vua mới sai đem áo mũ đến ban cho ngài, ngài nhận lấy nhưng lại đem cho người khác, thiên-hạ ai cũng khen ngài là cao. Học-trò bấy giờ coi ngài như núi Thái-sơn, như sao Bắc-đầu, trọng vọng vô cùng.

Không bao lâu, ngài mất ở nhà, vua Nghệ-tôn sai quan đến dự-tế, ban tên thụy gọi là Văn-trinh-công, và cho hiệu là Khang-tiết tiên-sinh, cho được tòng-tự vào bên hữu-võ đền Văn-miếu, (đền thờ đức thánh Không-tử) ngang hàng với các bậc tiên-nho.

Tục truyền khi ngài dạy học ở cạnh làng Cung-hoàng, có người học-trò trẻ tuổi, mặt mũi phương phi, sáng nào cũng đến nghe sách, ngài khen là người siêng năng, mà không biết là người ở đâu, mới sai người rình, xem lúc về đi đường nào, thì thấy đi đến đầm Cung-hoàng rồi biến mất.

Ngài biết người ấy tất là thủy-thần, nhân bấy giờ giỏi năng mài, ngài mới bảo người ấy rằng :

— Thiên tai khi nắng, khi lụt, số giờ khôn đâu mà nói; nhưng mắt trông thấy dân phương này tiếc vì lầm, ai là chẳng thương tình. Anh có phép gì làm mưa, giúp cho thầy mà cứu lấy dân này không?

(1) Núi ấy có 72 ngọn, cây cối rườm rà u uất, mé tả là núi Ki-lân, mé hữu là núi Phụng-hoàng. Trên núi Phụng-hoàng có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh suôn núi chảy xuống đọng lại một chỗ, gọi là đầm Miết. Nước đầm ấy ngon lắm, rồi lại chảy quanh ra ngoài chân núi thông xuống sông.

Người học trò có ý khó lòng, nhưng nề nhời thầy, không biết nói làm sao, mới mài mực đem ra giữa sân, hòa với nước phun ra, một lát mưa to như chút nước xuống. Dân được trận mưa ấy, lúa mì đỡ hại nhiều.

Người ấy từ về, sáng mai, thấy một con thuồng-luồng to chết nồi ở trong đầm, mới biết tức là người học trò ấy.

Ngài thấy vậy thương xót lắm, sai học trò vớt xác thuồng-luồng lên chôn cho tử tế. Nay giờ vẫn còn gò mả thuồng-luồng.

19. — Nguyễn-bỉnh-Khiêm

Tiên-sinh húy là Bỉnh-Khiêm, hiệu là Bạch-vân cư-sĩ, người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lai, tỉnh Hải-dương. Tiên-thế nhà ngài có âm-đức, đời ông là Văn-Tĩnh được phong tặng Thiếu-bảo Tư-quận-công, được ngôi dương-cơ, hợp vào kiều dất của Cao-Biền. Đời thân-phụ ngài là Văn-Định được phong tặng làm Thái-bảo Nghiêm quận-công. Mẹ ngài là Từ-thực-phu-nhân họ Nhữ, nguyên là con gái quan Hộ-bộ thượng-thư là Nhữ-văn-Lan, ở làng An-tử, huyện Tiên-minh. Bà ấy thông kinh-sử, giỏi văn-chương, mà lại tinh nghè tướng số.

Bà ấy kén chồng đến ngoài 20 tuổi, thấy ông Văn-Định có tướng sinh ra quý-tử mới lấy. Về sau lại gặp một chàng trai tuổi đã qua bến Hàn, ngạc nhiên nói rằng : « Tiếc thay ! Khi trước không gặp người này ! » Hỏi ra thì chàng ấy là Mạc-dăng-Dung (về sau làm vua nhà Mạc). Bà ấy phàn nàn không ngần nào.

Bỉnh-Khiêm sinh về năm Tân-hợi đời Hồng-đức (niên hiệu vua Lê Thánh-tôn) ; dãy đà to lớn, mặt mũi khôi ngo, chưa đầy tuổi tôi đã biết nói. Một khi Văn-Định dang trên tay cho trông ngóng bỗng đứng nói rằng : « Mắt giài mọc về phương đông ». Văn-Định lấy làm kỳ dị. Đến năm lên bốn tuổi, phu-nhân ngài học chính-văn trong kinh truyện, dạy đến đâu thuộc đến đấy. Bà ấy lại dạy học thuộc lòng vài mươi bài thơ nom

Một bữa, phu-nhân đi vắng, Văn-Định kéo một cái dây đùa với con, rồi ngâm đùa một câu rằng : « Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung ». Dương đọc dở dang, thì con tiếp theo mà ngâm rằng : « Vén tay tiên hốt hốt rung ! » Văn-Định thấy con thông minh mừng lắm, về khoe truyện với phu-nhân. Phu-nhân giận nói rằng :

Mặt giăng là phận bày tôi, sao ông lại dạy con điều ấy ? Văn-Định thẹn thò xin chịu lỗi, nhưng bà ấy vẫn còn căm tức, xin từ về, nhất định không ở đây nữa, về sau bà ấy già dỗi ở nhà bõ mẹ đẻ. ⁽¹⁾

Khi Bỉnh-Khiêm còn đê hai trái đào, cùng bọn trẻ con tắm ở bến Hàn, có người đi thuyền trông thấy nói rằng :

— Tiếc thay cho thằng bé này, bộ da dày lăm, chỉ làm được Trang-nguyên Tề-tướng là cùng !

Khi ngài bé thì học ở nhà, đến lúc lớn, nghe tiếng ông Bảng-nhân Lương-dắc-Bảng hay chữ, mới vào Thanh-hóa theo học ông Bảng-nhân.

Lương-dắc Bảng vốn ở làng Hội-trào, huyện Hoằng-hóa. Nguyên có một chi họ lạc sang ở Văn-nam, đời đời làm quan bên Tàu. Khi Đắc-Bảng sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương-nhữ Hốt cho một quyền « Thái-ất thần-kinh ». Đắc-Bảng đem về học tập, cho nên tinh nghề lý số, việc gì cũng tính biết được trước.

Nguyễn-bỉnh-Khiêm học hết được phép thuật của ông Lương-dắc-Bảng. Khi ông Đắc-Bảng mất, dặn lại Nguyễn-bỉnh-Khiêm về sau phải trông nom cho con mình là Lương-hữu-Khánh.

Trong năm Quảng-thiệu (Lê Chiêu-tôn), có việc biến loạn, Nguyễn-bỉnh-Khiêm ở ẩn một chỗ, không muốn cầu tiếng tăm với đời. Bấy giờ Trịnh-Tuy, Mạc-dăng-Dung cùng có ý muốn tranh quyền, đánh nhau luôn mấy năm. Ngài tính số Thái-ất, biết cơ nhà Lê lại khôi phục được.

Ngài có bài thơ cảm hứng sau này :

Non sông nào phải buồn bình-thời,
Thù đánh nhau chi khéo nực cười !
Cá vược, chim rừng ai khiến đuổi ?
Núi xương, sông tuyết thảm đầy noi !
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ. ⁽²⁾
Thú dữ nên phòng lúc cắn người. ⁽³⁾
Ngán ngần việc đời chi nói nữa,
Bên đầm say hát nhởn nhơ chơi !

(1) Tục truyền bà ấy tức ông Văn-Định lêu Sơn-tây lấy chồng khác, sinh ra ông Phùng-khắc-Khoan, (tức là ông trạng Bảng).

(2) Ứng về sau nhà Lê khôi phục được nước

(3) Ứng về sau nhà Trịnh lại giữ quyền nhà Lê.

Về sau, nhà Mạc chiếm giữ Kinh-thành, bốn phương đã hơi yên ổn, các bạn bè nhiều người khuyên ngài ra làm quan. Ngài bất-đắc-dĩ phải ra thi, thi đỗ Trạng-nguyên năm Đại-chính thứ sáu nhà Mạc. Bấy giờ ngài đã 44 tuổi.

Vua nhà Mạc cất ngài làm Tả-thị-lang, Đóng-các đại-học-sĩ. Ngài làm quan được 8 năm, trước sau dâng sớ hạch 18 người lòng-thần, nhân có chàng rể là Phạm-Dao cũng kiêu hoạnh, ngài sợ phải vạ lây, mới từ quan cáo về dưỡng lão.

Khi ngài trí sĩ rồi, làm nhà chơi mát ở mé dưới làng, gọi là am Bạch-vân, lại bắc hai dãy cầu gọi là cầu Nghênh-phong và cầu Tràng-xuân, thường thường ra chơi hóng mát. Lại làm một cái quán Trung-tân ở bến sông Tuyết-giang, dựng bia kỉ sự mình. Khi thì ngài bơi thuyền chơi ở bờ Kim-hải và bờ Úc-hải; khi thì đi với một vài nhà-sư chơi ở các núi An-tử, núi Ngọa-vân, và núi Đồ-sơn. Đi đến đâu làm thơ ngâm vịnh đến đấy, hoặc gặp chỗ nào có cây cối mát, chim kêu rìu rít, thì lấy làm khoái chí lắm, nhộn nhơ cả ngày.

Ngài tuy ở nhà, nhưng vua nhà Mạc vẫn coi ngài quý trọng, nhà nước có công việc gì to, thì sai sứ đến hỏi tận nhà, hoặc khi mời về Kinh mà hỏi. Ngài bàn định lắm điều lợi cho nhà nước, nhà Mạc phong ngài làm Lại-bộ thượng-thứ, Thái-phó Trình-quốc-công, vì thế ta thường gọi là Trạng Trình.

Năm Ất-dậu, ngài phải bệnh, Mạc-mậu-Hiệp sai sứ đến thăm và hỏi việc hậu sự.

Ngài bảo rằng :

— Ngày sau, nước có việc, ở xứ Cao-bình tuy nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng phúc được vài đời-nữa.

Đến sau nhà Mạc mất nước, chạy lên Cao-bình, quả nhiên còn giữ được 4 đời, rồi mới tuyệt.

Ngày 28 tháng một năm Ất-dậu ngài mất, thọ 95 tuổi. Học-trò gọi ngài là Tuyết-giang phu-tử.

Ngài học tinh về thuật số, phàm các việc tai, tường, họa, phúc, cùng là ngày mưa, ngày nắng, việc gì cũng biết trước. Có một người học-trò tên là Bùi-Sinh, ngài bảo người ấy về sau tất phú quý. Đến khi Bùi-Sinh gần 70 tuổi vẫn còn nghèo hèn, cho là ngài đoán số mình sai. Ngài cười không nói gì. Một hôm ngài bảo Bùi-Sinh mượn lấy 10 chiếc thuyền đánh cá, cho bơi ra bến Hồng-dàm bờ Vạn-ninh, dặn đến giờ ấy. hễ gặp cái gì thu lấy đem về, chắc được thưởng to. Bùi-Sinh tuân nhời, quả nhiên gặp một bà cụ già, áo mũ chỉnh tề, thuyền bạt phong đến

dãy, Bùi-Sinh đem về phụng dưỡng coi như mẹ. Được vài hôm, có quan Tông-đốc Quảng-đông sai người sang nói với vua rằng : « *Thái-phu-nhân chơi bể bạt phong, xem thiên-văn thì thấy ở phương nam, xin nhà vua vì nghĩa láng diềng mà tìm giúp cho.* » Ngài sai Bùi-Sinh đem bà cụ ấy dâng lên, vì thế được phong tước là Thao-quận-công.

Năm Thuận-bình thứ 8 nhà Lê (1556), vua Trung-tôn mất không có con, bấy giờ Trịnh-Kiểm đang cầm quyền, có bụng hồ nghi, không biết nghĩ ra thế nào. Hỏi Phùng-khắc-Khoan, Khắc-Khoan cũng không biết thế nào cho phải, mới sai người đi lên ra Hải-dương để hỏi ngài, ngài chẳng nói câu gì, chỉ ngảnh lại bảo đầy-tớ rằng :

— Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, sai tiểu quét dọn đốt hương, để ngài ra chơi chùa, và bảo tiểu rằng :

— Giữ chùa thờ phật thì ăn oán.

Đó là có ý khuyên Trịnh Kiểm tìm lối dòng dõi nhà Lê mà lập lên, mà phải cứ giữ đạo làm tội ăn mày phật thì mới được hưởng phúc.

Sư-giả về nói với Trịnh-Kiểm Trịnh-Kiểm hiểu ý, mới đón vua Anh-tôn lập lên, quả nhiên dựng lại được cơ đồ nhà Lê mà họ Trịnh cũng đời đời được vĩnh-hiển.

Khi ấy đức Dụ-tồ triều Nguyễn ta (Đức Nguyễn-Hoàng) đang có hiềm với Trịnh Kiểm. Trịnh-Kiểm có ý muốn âm hại, dứt Dụ-tồ lo sợ, không biết nghĩ mưu gì cho tránh được nạn, mới sai người ra hỏi ngài. Bấy giờ ngài đang chống gậy chơi trong vườn cảnh. Trong vườn có vài mươi ngọn núi non-bộ, lại chống chất đá làm một rặng núi ngang. Trên núi cây cối rườm rà, có đàn kiến đang bò trên tảng đá, ngài nhìn xem đàn kiến, rồi túm tóm cười nói rằng :

— Một dải núi Hoành sơn (núi ngang) kia, có thể yên thân được muôn đời.

Người kia thấy nói vậy, về nói với đức Dụ-tồ. Đức Dụ-tồ biết ý, mới xin vào trấn thủ trong xứ Thuận Quảng (trong ấy có dải núi Hoành-sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, mở ra cơ nghiệp Nguyễn-triều.

Học-trò ngài rất nhiều, nhưng chỉ có Phùng-khắc-Khoan, Lương-hữu-Khánh, Nguyễn-Dữ, Trương-thời-Cử là làm nên to

mà có danh-vọng hơn cả. Phùng, Lương-thâm-thúy về nghề-ly-học, cùng-làm danh-thần lúc-nhà Lê-trung-hưng.

Khi trước ông Phùng-khắc-Khoan thuê-nhà đến-học ngài. Lúc-học giỏi-rồi, ngài đang-dêm đến-chơi nhà-chợ, gỗ-cửa mà-bảo-rắng:

— Gà đã-gáy-rồi, sao không-dừng-dậy mà-thôi-cơm-ăn, còn-nằm-mãi-dẩy-ur?

Nhời-ấy có-ý-giục ông Khắc-Khoan vào Thành-hóa giúp-nhà Lê. Ông-Khắc-Khoan cũng-biết-ý-thể, mới-cùng-với-Nguyễn-Dữ vào-giúp-nhà Lê, làm-den-công-thần.

Tính-ngài thuần-nhã, không-hay-nói, mà-đã-nói-câu-nào-thì-là-dịch-đáng. Ngài-làm-ra-thơ-từ-rất-nhiều, đến-nay-vẫn-còn-một-tập-thơ-Bạch-vân và-một-quyển-sấm-ký-truyền-lại.

Khi-ngài-mất-rồi, người-làng-nhớ-ân-đức-của-ngài, lập-miếu-ở-nơi-nhà-cũ-cho-ngài, bốn-mùa-cúng-tế. Miếu-ấy-dến-hày-giờ-vẫn-còn...

20. -- Đặng-dinh-Tướng

Đặng-dinh-Tướng người-làng-Lương-xá, huyện-Chương-đức.

Tục-truyền-dời-tồ-mẫu-nhà-ông-ấy-nghèo-khổ, phải-di-ăn-xin. Trong-làng-có-một-cái-dầm, bốn-mùa-không-lúc-nào-cạn-nước. Những-người-cấy-gặt, thường-phải-boi-thuyền-thúng-di-làm. Giữa-dầm-có-một-gò-cao, chúng-thường-lụt-ở-dẩy-ăn-cơm. Bà-cụ-kia-cũng-thường-theo-người-ta-vào-dẩy-kiếm-ăn. Một-hôm-giờ-rét-lắm, bà-già-không-chịu Được, nằm-xuống-ở-dẩy. Khi-chúng-trở-về, không-ai-bảo. Đến-lúc-bà-ấy-dừng-dậy-thì-không-còn-người-nào. Giờ-hôm-ấy-dã-rét-lại-thêm-mưa-phùn, bà-kia-chết-ở-dẩy. Hôm-sau-chúng-lại-ra, thì-thấy-mỗi-lấp-dất-lên-lù-lù-một-dống-to, mới-biết-bà-ấy-chết-mà-được-ngôi-thiên-táng.

Từ-khi-ấy-con-cái-làm-ăn-mỗi-ngày-một-khá. Đến-dời-cháu-là-Đặng-dinh-Tướng-học-hành-thông-thái-rồi-thi-dỗ-Tiến-sĩ-năm-Canh-tuất-dời-Cảnh-trị-(dời-vua-Lê-Huyền-tôn). Từ-dẩy-ra-làm-quan, rồi-phụng-mệnh-sang-sứ-Tàu, được-thiên-lên-làm-Lại-bộ-Thị-làng-Lâu-mãi-làm-den-Thái-phó, phong-tước-Quận-rông. Sau-lại-làm-den-Đại-tư-dồ.

Tính-ngài-nhân-hậu-phúc-đức-lắm, chỉ-mong-làm-những-việc-cho-dân-được-nhờ. Trên-từ-vua, các-quan, dưới-den-trăm-họ, ai-ai-cũng-có-lòng-kính-trọng. Đến-lúc-ngoài-70-tuổi-thì-ngài-trí-sĩ, về-làng-Lương-xá-chơi-bời-sông-núi, xem-phong

cánh cho vui tuổi già. Nhưng cứ đến ngày sóc vọng thì lại vào chầu vua một lần.

Trong lòng ngài lúc nào cũng thương dân. Khi ngài từ quan về rồi, treo hai cái rổ tre ngoài cổng ngõ, phàm dân gian ai có điều gì oan uổng, cho bỏ giấy vào hai cái rổ ấy. Mỗi khi ngài vào chầu Kinh-dô, thì tâu lên vua để gỡ hết oan cho người ta. Tuy vậy, ngài không thèm kẽ ơn với ai, cứ đạo công bằng mà cứu cho thôi, nếu ai đến tạ ơn thì ngài lấy làm ghét lắm, và không cho vào đến cửa. Vì thế ai cũng phục hụng ngài.

Ngài thọ 80 tuổi mới mất. Vua nhớ người nhân-dức, phong làm Thành-hoàng làng ấy, sai dân lập miếu thờ.

Từ khi ấy nhà ngài thịnh-vượng lắm, con cháu làm quan khắp triều-định, mà thời nào cũng có người hiền-dạt, hơn 200 năm, không lúc nào hết người làm quan. Tục có câu rằng : « Đánh giặc họ Định, làm quan họ Đặng. »

CHƯƠNG THỨ IV

Các bậc văn-tài

21. — Nguyễn-Hiền

Nguyễn-Hiền quê ở làng Hà-dương, huyện Thượng-nguyên (Nam-định). Đỗ thủ-khoa năm Bình- ngọ thời vua Thái-tôn nhà Trần, đến năm sau thi đình đỗ Trạng.

Nguyễn-Hiền thông minh từ thủa nhỏ. Khi 6, 7 tuổi học nhà sư ở chùa, nhà sư mỗi buổi dạy 10 tờ giấy, Nguyễn-Hiền chỉ học qua là thuộc lòng.

Một hôm nhà sư tụng kinh vừa xong, vào phòng nằm nghỉ, mơ thấy phật giáng xuống bảo rằng : « Nhà sư sao không biết bảo Trạng, cứ để cho lên chùa nhὸn với phật. » Nhà sư tỉnh dậy soi đèn xem các tượng phật, thì thấy sau lưng một tượng có chữ đẽ : « Phat 30 truong », và sau mình hai tượng hộ-pháp thì có chữ đẽ : « Phat 60 truong ». Nhận nét chữ thì chính chữ ông Nguyễn-Hiền. Nhà sư quở mắng Nguyễn-Hiền, bắt phải lấy nước tẩy đi.

Nguyễn-Hiền học các sách, qua mắt một lượt là nhớ ngay. Thơ từ phủ sách, nói ra tức là văn chương. Năm 11 tuổi, đã nổi tiếng thần-dồng, bấy giờ có người học-trò ở Kinh-bắc tên là Đặng-Tính, tự thị tài minh hơn cả đời. Nghe tiếng Handedong có thần-dồng, đến chơi tận nhà, thử xem tài học ra làm sao. Khi đến ra một bài phú :

« Phụng-hoàng sào vu A-cá-c, Kì-lân du vu Uyễn-hựu ». (1)

Nguyễn-Hiền đọc ngay bốn câu rằng :

- « a) Qui phi Lạc-thủy, (2)
- « b) Long bắt Mạnh-hà,
- « c) Ý bỉ Hữu-hùng chí quốc,
- « d) Áp vu Trác-lộc chí a. »

Đặng-Tính mới nghe được bốn câu, đã lắc đầu le lưỡi nói rằng :

— Thiên tài xin nhường bác trẻ tuổi này !

Năm ấy thi đỗ thủ-khoa. Năm sau vào thi đình, vua ra bài phú : « Áp tử từ kê mẫu phi hồ. » (3) Văn Nguyễn-Hiền hay nhất, vua cất lên đỗ Trạng-nghuyên, bấy giờ mới 12 tuổi.

Trạng vào bái mện vua trong sân rồng, vua thấy còn bé hoắt choắt, lấy làm lạ, hỏi rằng :

— Trạng-nghuyên học ai ở nhà ?

Trạng thưa rằng :

— Tâu bệ-hà, tôi sinh ra đã biết ngay, chỉ còn chồ nào tôi không biết, thì hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng ứng đối, chưa biết lẽ-phép, ăn nói không được khiêm-tốn, mới cho về học lẽ-phép, ba năm rồi mới dùng làm quan.

Nguyễn-Hiền về nhà ở không được bao lâu, có sứ Tàu đem một bài thơ ngũ-ngôn sang thử nhân tài nước Nam.

(1) Nghĩa là chim phụng-hoàng làm tổ trên gác A-cá-c, con Kì-lân ra chơi ở vườn Uyễn-hựu.

(2) a) Không phải con rùa ở sông Lạc-thủy.

b) Không phải con rồng ở sông Mạnh-hà.

c) Ấy kia nước Hữu-hùng, (hùng nghĩa là con gấu).

d) Đóng đở ở gò Trác-lộc (lộc nghĩa là con hươu). Câu nào cũng có giống cầm thú cho nên hay.

(3) Nghĩa là con vịt từ giã mẹ gà về hồ.

Thơ rằng :

*Lưỡng nhát bình đầu nhất,
Tứ sơn diên đảo son;
Lưỡng vương tranh nhất quốc,
Tứ khẩu tung-hoành gian.*

兩四兩四
日山王口
平顛爭縱
頭倒一橫
日山國間

Vua hỏi các quan-thần thì không ai hiểu nghĩa lý ra làm sao. Phải sai hài quan văn võ đến nhà ông Nguyễn-Hiền mời vào triều để hỏi. Hai quan sứ đến làng Hà-dương, gặp một đứa trẻ trong nhà hàng, mặt mũi phuơng phi. Sứ-giả hỏi thì đứa trẻ ấy không thèm đáp lại. Mới đọc một câu đối nôm rằng :

« Tứ (字) là chữ, cất giằng đầu chữ tử (子) là con ;
con ai con ấy ? »

Đứa trẻ đối ứng khẩu ngay rằng :

« Vu (于) là chung, bỏ ngang lưng chữ đinh (丁) là đứa ;
đứa nào đứa này ? »

Sứ-giả biết đứa trẻ ấy tức là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến tận nhà, thì thấy Trạng đang lúi húi ở dưới bếp, nhân lại đọc một câu rằng :

« Ngô văn quán-tử viễn bào trù ; hà tu mị táo. » (1)

Trạng ứng khẩu đối rằng :

« Ngã bǎn hữu quan cư đinh nại ; khả tạm điếu canh. » (2)

Sứ-giả thấy ứng đối nhanh nhau và có ý cao, chịu là giỏi, mới bày kẽ ý vua xin mời vào kinh.

Trạng nói rằng :

— Thiên-tử trước bảo ta chưa biết lê-phép, nhưng chẳng những là Trạng chưa biết lê-phép, cả đến thiên-tử cũng chưa biết lê-phép.

Nói thế rồi nhất định không chịu đi. Sứ-giả về tâu lại với vua, vua phải sai đem xe ngựa và đồ lê đến đón, bấy giờ Trạng mới đi.

(1) Nghĩa là : Tôi nghe quán-tử xa chõ bếp nước, lợ là phải nịnh vua bếp. Có ý chê làm việc đê tiện.

(2) Nghĩa là : Ta cốt có chức làm được Tề-tướng, nhưng còn tạm nấu nồi cơm nh. Nếu canh nhạt mặn tại tay, cũng như chức làm tướng.

Khi đến kinh, vua đưa bài thơ của Tàu ra hỏi, Trạng Hiền cầm bút viết ra một chữ và giải rằng :

— Câu thơ thứ nhất nghĩa là chữ *nhật* (日) ngược xuôi bằng đầu nhau ; thứ nhì là bốn chữ *san* (山) ngược xuôi cùng là chữ *san* cả ; thứ ba hai chữ *vương* (王) tranh nhau ở trong một nước ; thứ tư là bốn chữ *khẩu* (口) ngang dọc cùng thành chữ *khẩu* cả. Tóm lại chỉ là một chữ *diễn* (演).

Giải xong đưa cho sứ Tàu xem, sứ Tàu phải chịu. Vì thế vua cử Nguyễn Hiền làm Kim-tử vinh-lộc đại-phu. Sau lại làm đến Công-bộ thượng-thư, không được bao lâu thì ông ấy mất.

Vua thấy người đại tài như thế mà không được thọ, thương tiếc vô cùng. Huyện ông ấy nguyên tên là huyện Thượng-hiền, vua mới kiêng tên ông ấy, đổi ra gọi là Thượng-nguyên. Lại cấp cho năm mươi ruộng tư-diễn, bắt dân ấy phải lập miếu thờ.

22. — Lương-thế-Vinh

Lương-thế-Vinh hiệu là Thụy-hiên, người ở làng Cao-hương, huyện Thiên-bản, tỉnh Nam-dịnh. Khi còn bé, đã có tiếng dồn là thần-dồng. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng-nghuyên trong năm Quang-thuận đời vua Thánh-tôn nhà Lê.

Tục truyền Thế-Vinh đã thắc sinh ở huyện Nam-xang. Khi lên 7, 8 tuổi, cùng với trẻ con đi học. Rèn cạnh đường có một con chó đá, mỗi khi Thế-Vinh đi qua, thì con chó đá vầy đuôi mà mừng.

Về nói truyện với cha, cha bảo rằng :

— Nó đã biết vầy đuôi, thì hẳn nó cũng biết nói, thử hỏi vì có gì mà mừng.

Hôm sau, Thế-Vinh đi qua, con chó ấy lại vầy đuôi. Thế-Vinh hỏi, thì nó nói rằng : « Ngày sau ông đỗ Trạng-nghuyên cho nên tôi mừng thay cho ông. »

Thế-Vinh về nhà lại nói với cha như thế. Cha từ bấy giờ chắc ngày sau con làm nén, sinh ra kiêu ngạo, thường hay tranh cạnh với người ta và đe rằng :

— Mai sau con ông đỗ Trạng, ông sẽ hỏi tội cho chúng bay.

Thế-Vinh thấy cha như thế, can mãi mà cha không nghe, có ý không bằng lòng, buồn rầu mà bảo với mẹ rằng :

— Mẹ có đức hiền hậu mà cha thì kém đức. Con không ở đây nữa, xin từ đi chỗ khác dày.

Mẹ ngạc nhiên thất sắc nói rằng :

— Sao con nói gở ra thế ? Công cha nuôi con bấy nhiêu lâu nay, mong con mai sau khá giả, để mà nương nhờ, con đã lấy gì giả được ơn cha nghĩa mẹ, mà dám nói cản như vậy ?

Thế-Vinh khăng khăng một mực xin đi. Mẹ khuyên dỗ trăm chiều, nhưng cũng không sao giữ được, mới khóc mà bảo rằng :

— Vậy thì con định đi đâu ? Con bảo cho mẹ được biết.

Thế-Vinh dặn mẹ cứ đến ngày ấy tháng ấy đến làng Cao-hương, huyện Thiên-bản thì biết, và dặn giữ lại các sách của mình học. Nói xong thì mất.

Bấy giờ vạn nước Nam đang thịnh, người Tàu xem thiên-văn, thấy văn-tinh giáng xuống nước Nam, mới sang nước ta, tìm phương trấn áp. Khi Thế-Vinh còn ở Nam-xang, đi chơi với một lũ trẻ con. Người Tàu trông sao, biết văn-tinh ở trong đám trẻ con ấy, nhưng chưa biết đích đúra nào. Mới lấy một quả bưởi bỏ vào hố sâu, đỗ đám trẻ ấy lấy được quả bưởi ra thì thường tiễn. Thế-Vinh không ra mặt lấy, nhưng xui một đúra khác múa nước đồ vào hố cho đầy, rồi quả bưởi nổi lên thì lấy. Người khách gần hỏi đám trẻ, biết là mưu mô tự ông Thế-Vinh, muốn tìm phương kế để trừ ông ấy đi.

Người khách chưa kịp dùng mèo thì ông ấy mất. Trông xem thiên-văn, biết thần ấy chạy sang làng Cao-hương, mới đuổi theo đến tận làng ấy, thì thấy thần ông ấy đã nhập vào trong hòn đá to. Người khách hỏi người chủ có hòn đá, xin mua. Người chủ tưởng là nó hỏi dừa mình, mới nói bỗn rằng : « Hòn đá này phải 100 quan tiền mới bán. » Người khách giả đến 70 quan, người chủ không biết thế nào, tưởng là nó đến cợt mình, nhất định không bán. Người khách thấy không bán, giả tảng đi nơi khác. Xảy có người liền bà ở ngoài đồng đi về, thấy chúng xúm xít lại nói truyện người khách hỏi mua hòn đá. Người liền bà mới giẫm chân vào hòn đá mà nói rằng :

— Hòn đá này quý hóa gì mà nó mua đắt đến thế ?

Không ngờ thần ông ấy ở trong hòn đá, từ bấy giờ đầu thai ngay vào người liền bà ấy. Hôm sau người khách trở lại, toan cỗ vật nài để mua hòn đá cho được. Người có đá cũng định bán vạy cho nó. Nhưng khi đến nơi thì người khách trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi, mới nói rằng :

— Bây giờ thì một đồng cũng chẳng mua nữa.

Người khách biết là không thể nào trấn áp được, mới trở về Tàu.

Khi Thế-Vinh mới sinh ra, ngày đêm chỉ một vị khóc, cha mẹ hàng-xóm thay nhau ôm ấm cũng vậy. Người mẹ trước nhớ nhời con dặn, hỏi thăm đến tận làng ấy, nghe có một nhà mới đẻ con gai, mà chỉ khóc cả ngày lẫn đêm. Hỏi đến tận nhà vào chơi, xin chủ nhà ấm đùa bé một tí, từ đấy đùa bé mới thôi khóc. Bà kia mới kể truyện đầu đuôi con mình với nhà chủ, từ đó thường thường đi lại cõi như con mình.

Đến khi Thế-Vinh mới nhón lên, bảo với bà mẹ trước rằng :

— Những sách của tôi thủa trước, càng là tôi có món tiền chôn ở dưới gốc cây chuối thì đem đến đây cho tôi.

Bà kia về đào dưới gốc cây chuối, thì quả nhiên thấy có món tiền, mới đem cả sách và món tiền sang đưa cho Thế-Vinh. Cha mẹ đẻ mới lấy làm tin, nuôi bà kia ở đấy một thê.

Thế-Vinh học đến đâu, như người học ôn lại. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng-nghuyên.

Vua Thánh-tôn thấy Thế-Vinh là người hay chữ, dùng làm chức Hàn-lâm thị-thư chưởng-viên. Bao nhiêu tờ bồi giao thiệp với nhà Minh tự tay Thế-Vinh soạn ra cả. Người Tàu phải chịu nước Nam có tay văn-chương giỏi.

Bộ đại-thành toán-pháp, là của Thế-Vinh làm ra.

Thế-Vinh làm quan không được bao lâu thì về tri sĩ. Tính hay khôi hài, lúc về quan rồi, thường chỉ mặc cái áo vải, chơi bời với người trong làng.

Một hôm, ngồi chơi với một vài người ở trong làng, xẩy nghe có quan huyện đi qua. Quan huyện xưa nay hách dịch, đi đến đâu rầm rầm đến đấy. Mấy người ngồi hàng đứng dậy tránh cả, chỉ còn một mình Thế-Vinh ngồi chơi. Khi quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng vồng. Linh không biết Ông ấy là ai, bắt ra khiêng, Thế-Vinh cũng khiêng.

Đi được một lát, ông ấy gặp người làng nhắn bảo rằng :

— Nhờ bác bảo hộ thẳng học-trò tôi là Thám-hoa làng Vân-cát tên nó là Trần-công-Bích, bảo nó ra khiêng đỡ vồng quan huyện cho tôi, kẽo tôi mệt quá, không đi được.

Ông huyện nằm trong vồng, nghe câu ấy, chẳng khác gì sét đánh ngang tai, giật mình ngã lăn xuống đất, rồi đứng dậy lạy thì thà thì thụp, kêu là không biết, xin thứ tội cho.

Thế-Vinh cười bảo rằng :

— Ông là quan huyện, bắt tôi khiêng vồng thế là phải, có việc gì mà tạ !

Ông huyện kia vật đầu vật tai kêu van mãi, Thế-Vinh mới bảo rằng :

— Có phải thế thì từ rầy chờ nên bắt phu khiêng vồng nữa, bác nhé !

Ông huyện vâng vâng dạ dạ, xin khiêng giả vồng rước ngoài về nhà. Thế-Vinh không khiển, người trong làng đồ ra đón Thế-Vinh về.

Về sau Thế-Vinh mất, được phong làm thượng-dặng phúc-thần. Con là Hiến-Công, có công với nước, cũng được phong làm phúc-thần. Ngôi mộ ông Thế-Vinh đến giờ vẫn còn ở làng Cao-Dương.

Khoa Thế-Vinh dỗ, Nguyễn-đức-Trinh thì dỗ Bảng-nhãn, Quách-dinh-Bảo thì dỗ Thám-hoa, ba người cùng có tiếng hay chữ từ thủa nhỏ. Vua có thêu ba lá cờ ban cho mỗi người một lá, để cho vinh qui.

Trong cờ thêu bốn câu rằng :

Trạng-nguyên Lương-thế-Vinh,
Bảng-nhãn Nguyễn-đức-Trinh,
Thám-hoa Quách-dinh-Bảo,
Thiên-hạ công tri danh.

Tục truyền khi Thế-Vinh còn nhỏ, nghe tiếng Quách-dinh-Bảo hay chữ, hỏi thăm đến chơi. Đến nhà thấy Đinh-Bảo đang học ở trong buồng. Thế-Vinh trở ra về ngay, nói rằng : « Anh ấy không sợ », nghĩa là thi đến nơi rồi mà còn phải học thì hèn lắm, không đủ sợ chi. Về sau, Đinh-Bảo cũng hỏi thăm đến chơi nhà Thế-Vinh thi thấy ông ấy đi chơi thả diều vắng. Đinh-Bảo than rằng : « Thi đến nơi rồi, mà không cần gì phải xem sách, đó mới thực là thiên-tài ! » Nhân thể biết mình không bằng ông ta, xấu hổ trở về.

23. — Vũ-công-Duệ

Công-Duệ người làng Trình-xá, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây. Khi còn nhỏ, cha mẹ đi cầy vắng nhà, Công-Duệ chơi với một bọn trẻ con, nặn đất làm con voi, bắt hai con bướm bướm làm hai tai, cắm con đỉa làm voi, lấy bốn con cua làm chân. Thành

ra với đất mà vẫy được tai, với eo lên quắp xuống và chân đi được, ai trông thấy cũng cho là tinh quái.

Một khi, có người đến đòi nợ, hỏi rằng :

— Bố mày đâu ?

Đáp lại :

— Bố tôi đi giết người.

— Mẹ mày đâu ?

— Mẹ tôi đi cùn người.

Người đòi nợ lấy làm lạ, không biết nói thế là ý từ ra làm sao, hỏi cẩn vặn mãi thì nói rằng :

— Hết có tiền thường thì tôi sẽ nói rõ cho mà biết.

Người kia mới dỗ bảo rằng :

— Mày cứ nói đi cho thật, tao sẽ tha nợ cho nhà mày không đòi nữa.

Công-Duệ sẵn cầm mọi cục đất dẻo, bảo người kia in tay vào đây để làm tin.

Người kia cũng thử in tay vào xem nói ra làm sao, Công-Duệ mới nói rằng :

— Cha tôi đang nhở mạ mà mẹ tôi thì đang cây.

Người kia lấy làm kì dị. Hôm khác lại đến đòi nợ, Công-Duệ đưa ngay hòn đất hôm trước ra, và nói rằng :

— Tay ông ký vào đây, còn đòi gì nữa ?

Người kia đứng ngần mặt ra, không biết nói lại ra làm sao, nhân khuyên cha mẹ Công-Duệ cho đi học, và giúp mòn nợ ấy để lấy tiền mua sách.

Công-Duệ học thông minh lắm, nội các sách vở, chỉ học qua một lượt là thuộc. Đến năm Hồng-đức thứ 23 đòi vua Thánh-tôn nhà Lê. Công-Duệ đã ngoài 20 tuổi, thi đỗ Trạng-nghuyên khoa ấy.

Lúc làm quan, tính khí cương trực, vua cất lên làm Đô-ngự-sử, các quan uý cũng kính sợ.

Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, đình-thần nhiều người a rúa về Mạc-dăng-Dung, ai không nghe phải giết. Đăng-Dung sai người dụ Công-Duệ theo về làm quan với mình, Công-Duệ chửi mắng rầm rầm, nhất định không thèm theo kẻ nghịch-thần ; nhưng liều mình cũng không thoát được tay nó, mới đeo cả quả ấn Ngự-sử đâm đầu xuống cửa bể Thần-phù mà chết.

Cách 60 năm nữa, nhà Lê trung-hưng, khôi phục được kinh thành Thăng-long, sai đúc ấn Ngự-sử, thi đúc mãi không thành được quả ấn. Mọi sai người lặn xuống cửa bể Thần-phù tìm

quả ăn trước. Người lặn xuống đến nơi thì thấy Công-Duệ vẫn còn mặc áo đội mũ chỉnh tề, cổ đeo túi ăn, ngồi xếp hằng tròn ở dưới đáy bể như thuở sinh thời.

Người ấy sợ hãi, lên tàu truyện với vua Trang-Tôn. Vua lấy làm lạ, chắc là bụng tinh thành của Công-Duệ kết lại, mới sai quan làm lễ khấn bái, rồi sai người đem xác Công-Duệ lên, dùng lê khâm liệm, bỏ vào áo quan, làm ma đưa về đến làng Trình-xá an táng, truy phong làm Thượng-dâng phúc-thần.

24. — Giáp-Hải

Giáp-Hải thi đỗ Trạng-nghuyên khoa Mậu-tuất năm Đại-chinh nhà Mạc (1538). Mẹ Giáp-Hải là người làng Công-luận, huyện Văn-giang. Bà cụ ấy khi còn trẻ nghèo lầm, chỉ có vài gian nhà gianh ở cạnh đường bán hàng nước. Bấy giờ có một người Tàu đi qua đường vào hàng nghỉ, lúc đi bỏ quên một túi bạc. Cách nửa tháng nữa mới hốt hoảng lại hỏi, thì bà ấy đem cả túi ra trả, vẫn nguyên như lúc trước.

Người khách xin biếu lại một nửa, bà ấy không lấy, nói rằng :

— Tôi chỉ vì không ưa của bất nghĩa, cho nên mới nghèo thế này, sao bây giờ tôi có chịu lấy của ông.

Người khách cảm tạ bụng ấy, mới hỏi rằng :

— Mồ mả dâng tiên-nhân nhà bà ở đâu, để tôi tìm giúp cho bà một ngôi đất hay.

Bà kia nói :

— Tôi là dàn bà, chỉ có trọi một mình, không có anh em nào cả. Nay đã ngoài 40 tuổi, dù được đất hay, thì bao giờ cho phát đạt? Mà phát đạt thì có làm gì nữa?

Người khách nói :

— Nếu được chõ đất hay, thì dẫu dàn bà cũng phát phúc.

Bà ấy mới đưa người khách đến chõ ngói mộ cha bà ấy. Người khách lập tức tìm đất cất cho, rồi dặn rằng :

— Về sau thấy ai có nạn đến đây, phải săn lòng mà cứu người ta, thì sẽ có cát báo.

Bà ấy ở đấy được nửa năm, xảy có người làng Bát-tràng, nhà nghèo đi làm mướn kiếm ăn; khi ấy giờ đã tối, gấp phải mưa gió, quần áo ướt lướt thướt, rét run cầm cập, qua hàng bà ấy xin vào chọ một tối. Bà ấy hỏi đầu đuôi cẩn kẽ, cho vào ngủ, rồi dắt lửa cho sưởi và dọn cơm cho ăn, đêm hôm ấy rét lắm, mà nhà thì chỉ có độc một chiếc chiếu. Người kia thì rét không

có chiến không chịu được, mà bà ấy thì cũng không thể nào mà nhường được chiến cho. Mà để cho khồ thì chẳng đánh lỏng, mới cho nǎm chung một giường mà ngủ.

Chàng kia đã được no ấm, lại nǎm chung với liền bè, lạ gè lửa gần rơm, té ra thành tư thông với nhau. Không ngờ chàng kia bị chứng hàn thấp chỉ một lúc thì tắt hơi. Bà ấy kinh hoảng vô cùng, sợ người ta phát giác ra, đang đêm phải lôi ra dám tha-ma vùi xuống; mà bà ta cũng có mang từ đấy.

Được vài tháng nữa, người Tàu lại đến, hỏi rằng:

— Từ khi táng mà đến giờ, đã cứu được việc gì cho người nào chưa?

Bà ấy không giấu giếm gì, kể cả sự trước cho người khách nghe.

Người khách hỏi:

— Chỗ nào, thử chỉ cho tôi xem.

Bà ấy đưa ra chỗ mà chàng kia. Người khách ngắm nghĩa một hồi rồi nói rằng:

— Chỗ này là huyệt thiền táng đấy, nếu có thai thì tất sinh ra Trạng-nghuyên tết-tướng.

Bà ấy dãy năm, quả nhiên sinh được con gai, cốt cách ~~lò~~ thường. Khi lên 4 tuổi, ra chơi ngoài bờ sông, xảy có người lái buôn ở làng Sinh-kẽ, huyện Phượng-nhören, bơi thuyền qua bến, trông thấy thằng bé nhẵn nhụi, ăn cắp đem xuống thuyền đi mất.

Bà kia tìm con đâu cũng không thấy, tưởng là chết đuối dưới sông rồi, sầu thảm không biết ngăn nào.

Người lái tự khi đem đứa bé về, yêu mến lắm, khi mới nhón lên tìm thầy cho đi học. Giáp-Hải học rất thông minh, nổi tiếng thần-dồng. Mỗi ngày học hành một tẩn tối, văn chương hay nhất trong dời. Đến năm 32 tuổi, thi đỗ Trạng-nghuyên.

Hôm vinh-quí về làng, người trong làng phải phục dịch khổ nhọc, có người biết nguyên ủy ông ấy, bảo riêng với nhau rằng:

— Không biết người ở xứ nào, đến đây mà làm khồ dân ta thế này!

Giáp-Hải nghe lóm được câu ấy, không biết vì cớ làm sao. Một hôm, xét xem các mồ mà tồ-tiên, thì không có ngôi nào đáng phát Trạng-nghuyên, trong bụng hồ nghi lắm: Nhân mồi hỏi những người quen thuộc, có người biết truyện nói với ông ấy. Giáp-Hải mới đến tận làng Công-luận dò xem, thì thấy có bà cụ già ngoài 70 tuổi, bán hàng bên cạnh đường, trông ra tinh cảnh khốn ốm lắm.

Giáp-Hải sai người vào hỏi rằng :

— Bà cụ kia có chồng con gì không, sao mà khổn khổ đến thế?

Bà cụ nói :

— Tôi là người ở làng này, khi xưa có để được một mụn con gai, đã 4, 5 tuổi, chơi với trẻ con ở bờ sông, rồi không biết nó lạc đi đâu mất. Bấy giờ chỉ có một thân, không biết nương cậy vào đâu, tình cảnh sầu thảm, nói ra không xiết.

Giáp-Hải dỗ là mẹ mình, mới sai người bảo rằng :

— Bà cụ già cả mà không có ai trông nom, thì theo về với tôi để tôi nuôi cho, có bằng lòng không?

Bà cụ nói :

— Nếu quan lớn có bụng thương tôi như thế, thì phúc cho tôi lắm!

Giáp-Hải mới đem về nuôi nàng, nhưng cũng chưa dám chắc hẳn là mẹ Chân Giáp-Hải vốn có cái nốt ruồi đỏ, thường khi ngồi nhàn dỗi lộ ra. Bà cụ ấy một hôm trông thấy, cứ nhìn tròng trọc không chớp mắt.

Người nhà hỏi rằng :

— Quý bà quan lớn, bà cụ kia sao dám nhìn mãi thế?

Bà cụ nói :

— Tôi khi xưa sinh được một đứa con gai, cũng có cái nốt ruồi như thế, nay tôi trông thấy, tôi lại nhớ đến con tôi, cho nên tôi nhìn ngắm một chút, xin quan lớn thứ lỗi cho tôi.

Giáp-Hải lập tức gọi bà ấy hỏi cặn kẽ từng tí, bà cụ ấy kể rạch ròi thủy chung, Giáp-Hải buồn rầu mà than rằng :

— Ta bây bạ uồng mất một đời, có mẹ mà không biết, nay nhờ giờ mà lại được gặp đây, mới biết đến mẹ.

Tự bấy giờ mẹ con nhìn nhận nhau, hết đao phung thờ sớm tối.

Về sau, Giáp-Hải làm Đề-diệu trưởng thi-hượng ở tỉnh Sơn-nam. Hôm vào trường, Giáp-Hải ra đầu bài hiềm hóc, học-trò nhao nhao, toàn sự phá trường mà ra, Giáp-Hải phải điều đình ra đầu bài khác, học-trò mới yên. Sai người dò xét, bắt được người thủ-xướng phá trường, sai diệu ra ngoài cửa trường kết án trảm-quyết. Người học-trò ấy kêu nhà độc định xin nộp nghìn quan tiền chuộc tội, nhưng Giáp-Hải không nghe, nhất định chính pháp.

Được ít lâu, con Giáp-Hải là Giáp-Phong, cũng đã đỗ Tiến sĩ, làm quan trong tòa Hán-lâm, đã ngoại 30 tuổi, bỗng một hôm vò bệnh mà mất. Rồi bốn con gai, hai con gái cũng

mắt luôn cả một giạo. Giáp-Hải thương xót vô cùng, mời thầy phù-thủy đánh đồng thiếp.

Thầy phù-thủy bảo Giáp-Hải ngồi tĩnh nhắm mắt lại, rồi thư phù-niệm trú một lúc, bỗng nhiên Giáp-Hải ngã gục xuống. Trong khi ấy, thấy có một người sú-giả, đưa đến một nơi cung phủ, trong có ba bộ ngai ngồi, bên cạnh có một tấm phản, và có một cái gông sơn đỏ dề dấy.

Giáp-Hải hỏi những người canh cửa rằng dinh tòa nào, thì họ nói rằng

Đây là tòa Diêm-vương hỏi kiện đây, cái gông sơn đỏ dề chờ quan Trạng-nghuyên ở làng Sinh kẽ đấy.

Giáp-Hải nghe nói lập tức ra ngay. Sú-giả lại đưa đến một chỗ dền dài mát mẻ, phong cảnh lạ lùng. Giáp-Hải trông thấy con là Giáp Phoung đang ngồi đánh cờ với một ông quan khác. Phoung trông thấy cũng ngẩn mắt nhìn ra, nhưng không nói một câu gì.

Ông quan kia hỏi rằng

— Ông cũng quen người ấy đấy ư, sao mà nhìn mãi người ta thế?

Phoung nói rằng :

— Tôi trước kia ở trên trần, có chọ nhà ông ta hơn 30 năm, vì ông ta giết oán mất một người, cho nên tôi không ở nữa; nay thấy ông ta đến đây, chẳng lẽ không nhìn một chút.

Ông ấy thấy nói vậy, không hỏi gì nữa đi ra. Sú-giả đưa về thì tĩnh. Biết là cái nợ oán-gia, mà lẽ báo ứng của nhà Phật cũng có. Vì thế sai gọi nhà người học-trò bị giết khi trước, cho tiền về làm chay cho anh ta. Từ bấy giờ nhà ông ấy cũng yên ổn không việc gì.

Về sau, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, Thái-bảo Sách-quốc-công, về nhà tri-sĩ.

Giáp-Hải-nhận tồ-mộ ở làng Bát-tràng, cho nên văn-chỉ huyện Gia-làm phải thờ ông ấy. Đến sau có ông Tiến-sĩ Nguyễn-mậu-Thịnh, cho Giáp-Hải là người làng Sinh-kẽ, và lại làm quan nhà Mạc, muốn tước tên ông ấy ở trong sổ tiên-hiền huyện Gia-làm. Đêm nằm mơ thấy Giáp-Hải đòi lại mắng rằng : « Tao tội gì mà dám tước tên tao, mà là bọn hậu sinh, sào dám khinh nhòn tiền bối, sẽ có báo ứng cho mày xem. » Ông kia vì thế sợ hãi, không dám sóa tên đi nữa. Nay huyện Gia-làm vẫn có thờ, mà làng Bát-tràng cũng phải cúng tế.

25 — Phạm-Trần, Đỗ-Uông

Huyện Gia-phúc (bây giờ là Gia-lộc), tỉnh Hải-dương, một người tên là Phạm - Trần ở làng Lâm-kiền ; một người tên là Đỗ-Uông ở làng Đoàn-lâm, hai làng giáp giới với nhau.

Làng Đoàn-lâm có một con yêu-tinh, thường thường biến hiện trăm vẻ, trêu ghẹo người ta, làng ấy tìm phương kế trừ mãi không được.

Ông Đỗ-Uông khi còn nhỏ, một đêm ngồi học trong nhà, con yêu-tinh thò tay vào trong cửa sổ trước chỗ bàn học đe trêu ghẹo Đỗ-Uông. Đỗ-Uông nói truyện với thầy phù-thủy, thầy phù-thủy xui lấy chỉ ngũ-sắc mà buộc lấy tay nó. Đêm hôm sau, con yêu quen thói lại đến. Đỗ-Uông vội vàng cầm chỉ ngũ-sắc trói lại, buộc vào cửa sổ. Con yêu quả nhiên không biến được nữa, mới kêu van, Đỗ-Uông nhất định không tha. Mãi đến gần sáng, con yêu lại kêu rằng :

— Ông ngày sau dại quí, tôi muốn bỗn ông đấy thôi, nỡ nào ông lại hại tôi ?

Đỗ-Uông hỏi :

— Như tài sút tao, thì có đỗ nỗi được Trạng-nghuyên không ?
Con yêu nói :

— Trạng-nghuyên đã có một ông họ Phạm, ông chỉ đỗ được Bảng-nhân mà thôi,

Lại hỏi :

— Mày có cửa gì mà thiêng được, hễ cho tao xém thì tao sẽ tha cho mày.

Một lát, thầy con yêu nôn ợe, thồ ra một hòn ngọc, cầm ở trong tay, ánh sáng lòe vào trong nhà, rồi nói rằng :

— Tôi chỉ nhờ có cửa này mới thiêng, nay xin dâng ông để giúp thêm việc học hành.

Đỗ-Uông cầm lấy hòn ngọc, nuốt vào bụng, rồi mới cởi trói tha cho nó đi. Từ bấy giờ, con yêu mất thiêng, không quấy nhiễu gì nữa. Mà ông Đỗ-Uông từ khi nuốt hòn ngọc ấy, vẫn - chươn g mỗi ngày một hay, nổi tiếng trong các trường, vẫn ông Phạm-Trần vẫn không kịp.

Đến khoa thi hội thời Quang-bảo nhà Mạc, hai ông cùng trạc 34 tuổi, và cùng đỗ hội. Đến hôm định-thi, Đỗ-Uông trông thấy đầu bài, toàn chỗ nhớ cả, chắc là nắm Trạng-nghuyên trong tay. Bấy giờ Phạm-Trần ngồi trong lều làm văn, phảng phất như có hai người giúp đỡ. Một người là Đông

phương-Sóc, một người là Hàn-kỳ. Hai người đứng cạnh đọc lên cho Phạm-Trần viết. Rồi lại thấy Đỗ-Uông-phương-Sóc bảo với Hàn Kỳ rằng : « Phải có một người sang làm cho Đỗ-Uông đau bụng, để giảm bớt sức văn của hắn đi mới được ». Một lát nghe tiếng Đỗ-Uông ngồi lều bên kia, rên lên khù khù, không sao viết được. Đến lúc Phạm-Trần viết hơn một đoạn, thì Đỗ-Uông mới bớt đau bụng, làm được văn, cho nên nhớ nhiều mà sức văn hơi kém.

Khi xướng hối-danh, quả nhiên Phạm-Trần đỗ Trạng-nguyên, mà Đỗ-Uông thì đỗ Bảng-nhãn. Phạm-Trần mừng lắm nói rằng :

— Phen này ta mới dè nỗi đượç Đỗ-Uông !

Đỗ-Uông nghe vậy tức lắm. Đến lúc vinh-quí, Trạng, Bảng, cùng về một đường. Bảng nhất định không chịu nhường Trạng đi trước, cứ sóng cương ngựa đi ngang hàng nhau. Đi mãi đến chợ Bồng-khê làng Hoạch-trạch, người làng ấy vốn biết tiếng hai ông hay chữ, nay cũng vinh-quí về qua cầu làng, mới ra xin hai ông cho một bài thơ để vào cầu.

Hai ông bảo nhau rằng :

— Cầu ngôi này hơn mươi gian, hạn đi qua bảy gian, thì phải vịnh xong một bài thơ, hễ ai làm xong trước thì đi trước, không được tranh nhau.

Phạm-Trần ý ước, ngồi trên ngựa vừa đi vừa vịnh, đi khỏi bảy gian, thì vừa xong tám câu thơ. Ai cũng chịu là tài, chỉ Đỗ-Uông không chịu, nói rằng :

— Bài ấy chẳng qua làm sẵn từ bao giờ, không phải mới làm, tài gì mà khen.

Nói thế rồi lại cứ đi ngang hàng. Đi đến làng Minh-luân, lại có người mới làm nhà xong, đón đường xin một bài thơ để mừng nhà mới.

Phạm-Trần ứng khẩu đọc một bài rằng :

Năm năm thêm phú quý,
Ngày ngày hưởng vinh hoa
Xưa có câu như thế,
Nay mừng mới làm nhà.

Đỗ-Uông đã hơi chịu tài nhanh hơn mình. Khi đến cầu làng Đoàn-lâm, tục gọi là cầu Cốc. Trong cầu có một người con gái bán hàng, tên là cô Loan. Hai ông mới thách nhau làm bài thơ

nó, dẫu bài ra : « *Cô Loan bán hàng cầu Cốc.* » Hạn phải mỗi câu dụng hai tiếng thuộc về giỗng cầm, qua cầu phải xong bài thơ, hễ ai xong thì được di trước, không được tranh nhau nữa,

Ông Phạm-Trấn ngồi trên ngựa lại ngâm xong trước.

Thơ rằng :

*Quai vạc đồi bên cánh phụng phong,
Giở giang bán trác tựa đồ công.
Xanh le mờ khép nem hồng mới,
Bạc ác phô phang rượu vịt nồng.
vân vân* (1)

Đỗ-Uông bấy giờ mới chịu nói rằng :

— Thò đọc ra đã thành thơ, nếu không có qui ngâm thẩn trợ, thí sao được thế này ?

Từ đấy mới nhường Trạng đi trước. Một hôm, Đỗ-Uông đi liền xem ngôi mả tổ nhà ông Phạm-Trấn, thấy có hai cái gò đất nhỏ ở hai bên ngôi mộ, tục gọi là gò Thần-dồng. Đỗ-Uông trở vào nói rằng :

— Mấy phen thắng ấy nó đè ta là bởi có hai đồng đất này đây !

Nói lấy chân đạp vào hai gò đất ấy. Phạm Trấn từ khi ấy phải bệnh điếc tai, chưa thuốc mãi không khỏi. Có người mách với Phạm-Trấn rằng : Đỗ-Uông đạp vào gò Thần-dồng, Phạm-Trấn kêu với vua, vua bắt Đỗ-Uông phải trả mả tổ nhà ông Phạm-Trấn bấy giờ mới khỏi.

26 — Lê-như-Hồ

Lê-như-Hồ người làng Tiên-châu, huyện Tiên-lữ (bây giờ thuộc về tỉnh Hưng-yên). Như-Hồ to lớn đầy đà, cao 5 thước 5 tấc, lung rộng 1 thước ruồi, nhà nghèo mà hay học ; ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn một nồi bảy cõm mà chưa no. Học được nửa năm, vì nhà nghèo không đủ ăn, mới ở gửi rèm một nhà giàu ở làng Thiên-phiến. Nhà vợ mỗi bữa cho ăn một nồi năm cõm, thì Như-Hồ thường lơ lửng nhắc học,

(1) Bài đủ tam câu nhưng tục truyền mất bốn câu dưới.

Bố vợ hỏi bố đẻ Nhữ-Hồ rằng :

— Trước tôi nghe thấy nói con ông chăm học lắm, sao từ khi hắn đến ở nhà tôi, thì lười biếng không chịu học, là có làm sao ?

Ông này hỏi :

— Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống thế nào ?

Ông kia nói :

— Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đầy !

— Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học ?

Ông kia nghe nhời, mới cho ăn hơn khi trước, từ bấy giờ Nhữ-Hồ học thêm được một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo với chồng rằng :

— Ông khéo kén được rẽ qui hóa nhỉ ! chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng mà học nữa, cũng không làm trò gì được tuồng hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều, bảo rằng :

— Nó ăn hơn người, sức nó tất cũng hơn người, can gì mà lo ?

Mẹ vợ nói :

— Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia kia, ông thử bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không.

Nhữ-Hồ nghe thấy nói như vậy, sáng sớm mai, lập tức vác dao phát bờ dem ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm ngủ ở dưới gốc cây.

Mẹ vợ thấy rẽ vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua đồ ăn để về làm cơm cho rẽ ăn. Khi về qua ruộng, thấy rẽ nằm ngủ khi ở dưới gốc cây, bà ấy điên tiết, chảy tắt tả về bảo với chồng rằng :

— Ông còn bảo thôi cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi ? Góm mặt nó ! Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sáng sớm đến giờ, vẫn còn nằm chutherford thây chutherford xác ra ngoài ấy, rẽ ông qui thật !

Hai ông bà mới dắt nhau ra đồng xem. Không ngờ từ lúc bà kia đi về, thì Nhữ-Hồ lập tức đứng dậy phát cỏ. Chỉ một lúc, dọn sạch quang cả vài mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nồi lèn bền cả lên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi, thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Nhữ-Hồ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thối săn nồi 20 cơm, sai Như-Hồ ra gọi
thợ gặt, Như-Hồ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng :

— Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong
tôi sẽ gặt giúp cho mẹ.

Nói rồi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi 20 cơm,

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng :

— Cối xay nào mà chưa được thế, có vỡ bụng ra mất không ?
Như-Hồ nói :

— Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, tôi xin nhận làm một mình.

Mới lấy một cây tre to làm đòn cản, và đem săn liềm hái
thừng trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mươi
ruộng lúa, bó làm bốn gánh quay về. Mẹ vợ từ đấy mới có bụng
yêu, mỗi bữa cho ăn thật no để mà học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như-Hồ cũng đến
phá giải. Các đô vật ai cũng chịu, không ai dám ganh súc với
Như-Hồ, vì thế đặt tên là Như-Hồ.

Đến năm gần 30 tuổi, vẫn thường hay lùng lẫy có tiếng ở
đời, rồi thi đỗ Tiến-sĩ trong thời Quang-hòa nhà Mạc. Bấy giờ
có người tố đồng khoa với Như-Hồ tên là Nguyễn-Thanh, ở
huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh. Có khi nói truyện đến gia-tur
nhà mình, Như-Hồ nói bỗng rằng :

— Gia-tur nhà bác, chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn-Thanh nói :

— Ông khinh tôi quá làm gì thế, tôi tuy chẳng có gì nhưng
cũng đủ cung phụng ông được ba tháng.

— Thời dùng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa xem
làm sao.

Ông tia vắng nhòi, hẹn ngày mời Như-Hồ vào chơi. Đến hôm
hẹn, Như-Hồ vào nhà Nguyễn-Thanh, không ngờ hôm ấy lại đi
vắng.

Như-Hồ bảo với người vợ Nguyễn-Thanh rằng :

— Tôi bạn với quan Nghè đây, nhân có việc quan đi qua đây,
có hơn 30 đứa đầy tớ, nhờ phu-nhân một bữa cơm.

Phu-nhân lập tức sai người nhà làm thịt con lợn, dọn 5, 6
mâm cơm mang ra.

Như-Hồ bảo người đầy tớ rằng :

— Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người vào, chỉ trọi một mình ông
Như-Hồ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gủi nhời tớ
rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn-Thanh trở về, vợ nói rằng:

— Hôm nay có một truyện nực cười quá chừng! Có một người nói là quen nhau với ông, nhân việc quan dem nhiều đầy-tớ đi qua, nhờ một bữa cơm, tôi tưởng là thật, làm 5, 6 mâm cỗ. Té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi một bát và một miếng, ăn như hùm đom đóm, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ, không biết người hay là quỉ dói.

Nguyễn-Thanh phàn nàn nói rằng:

— Đấy là người anh em với tôi, trước có hẹn đến chơi, nhớ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn-Thanh nhân việc, đi qua làng Tiên-châu, vào chơi nhà ông Như-Hồ. Như-Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thuê bốn mâm sôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm sôi. Một bàn thết Nguyễn-Thanh, còn một mâm ngồi riêng một bàn. Nguyễn-Thanh ăn hết một góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như-Hồ thì ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc sôi thịt ở bàn ông kia, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn-Thanh thất kinh nói rằng:

— Ngày xưa ông Mô-Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng thời với ông, thì cũng phải kém ông ba bậc.

Hai người cùng cười ầm cả lên.

Về sau Như-Hồ làm đến Thượng-thư, được phong làm Thiếu-bảo Lữ-quận-công, rồi về tri-sĩ. Tho 72 tuổi mới mất.

27.— Phùng-khắc-Khoan

Khắc-Khoan người làng Phùng-xá, huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây.

Tục truyền Khắc-Khoan tức là anh em cùng mẹ khác cha với ông Nguyễn-bỉnh-Khiêm (Trạng Trình). Nguyên bà ấy từ lúc bỏ ông Văn-Định, lên Sơn-tây lấy chồng khác, rồi sinh ra Khắc-Khoan. Khắc-Khoan sinh ra có tư chất thông-minh. Khi mới lớn, bà mẹ cho xuống Hải-dương theo học anh là Bình-Khiêm. Bình-Khiêm hết lòng dạy dỗ, mới thành ra một người kiêm đủ văn chương tài đức. Nhân khi bấy giờ nhà Lê giữ ở Thanh-hoa,

Bỉnh-Khiêm biết cơ nhà Lê có hồi trung-hưng được, xui Khắc-Khoan vào trong ấy để giúp nhà Lê. Khắc-Khoan vào thì vua Trang-tôn nhà Lê mừng rõ tin dùng lầm, bàn mưu lập mạo, giúp Iên được lầm việc to tát. Đến thời vua Thế-tôn nhà Lê khôi phục được kinh thành Thăng-long, vua sai Khắc-Khoan sang sứ nhà Minh để cầu phong tước. Nhà Minh phong cho vua Thế-tôn làm Annam Đô-hộ-sứ.

Khắc-Khoan trả lại sắc vua Tàu và dâng biểu nói rằng:

— Chúa tôi là họ Lê, nguyên là dòng dõi vua nước Annam tôi, không có tội gì như nhà Mạc, mà lại phải chịu chúa tước như họ Mạc, thì chúng tôi không dám nhận sắc-mệnh, xin Hoàng đế thiên triều xét lại cho.

Vì thế vua nhà Minh lại phong vua Thế-tôn làm Annam quốc-vương.

Trong khi đi sứ, gặp ngày tết Nguyên đán, vua Tàu sai các đình-thần và các sứ-thần ngoại-quốc mà người phải dâng bài thơ chúc mừng. Các người kia ai cũng dâng một bài, chỉ Khắc-Khoan dâng lên 36 bài, mà bài nào cũng hay. Vua Tàu phê cho đỗ Trạng nguyên, bởi thế mới gọi là trạng Bùng. (Bùng tức là làng Phùng-xá, tục gọi là Bùng).

Khi đi sứ trở về, qua tỉnh Lạng-sơn, gặp khi bà chúa Liễu hiện hình chơi trên đỉnh núi. Đôi bên đối đáp với nhau một hồi, rồi bà chúa Liễu biến mất. Khắc-Khoan lại trông thấy gỗ ngỗn ngang dọc đường, nhận ra chữ «Liễu-Hạnh» và chữ «Phùng», biết là ý bà chúa Liễu muối nhờ Khắc-Khoan đứng lên khởi công lập đền thờ bà ấy.

Về sau, nhân lúc thông thả, Khắc-Khoan đem hai người là Ngô, Lý đi chơi hồ Tây, lại gặp bà chúa Liễu phen nữa, có làm thơ xướng họa liên ngâm.

Khắc-Khoan làm quan đời trung-hưng, công-nghiệp rất là hiển hách. Dần dần làm đến Thái-phó, được phong làm quốc-công, ngoài 70 tuổi mới mất.

28.— Lê-quí-Đôn

Lê-quí-Đôn quê ở làng Diên-hà, phủ Thái-bình, (bây giờ mới đặt riêng thành tỉnh).

Khi trước ở phủ ấy có một ngôi đất qui, mà ai táng vào thì dân động, lại phải nhổ đi. Các thầy địa-ly ai cũng khen kiều đất

đẹp mà không ai dám táng vào. Một hôm, có một người say rượu, lập tâm muốn táng vào ngôi đất ấy, mới năm liều ở đấy, cho chết đi thì thôi. Nửa đêm thấy có thần nói truyện với nhau rằng: *«Chúng ta giữ đất này, mà có người muốn liều chết để chiếm lấy, chúng ta chẳng hóa ra phải tội với thương-dế ư?»* Một ông thần kia nói rằng: «*Hãy thử sờ vào bụng nó xem còn ấm hay lạnh rồi?*». Mới lấy tay sờ vào bụng anh ta, anh ta sợ phải đứng dậy chạy về.

Đêm hôm ấy, ông thần bảo mộng cho người dân anh trong làng rằng:

— Ngôi đất này là để dành cho họ Lê ở làng Diên-hà, dân chúng mà phải giữ, nếu để người khác táng vào thì dân chúng mà sẽ phải vạ cả.

Người ấy tỉnh dậy lo lắng, hôm sau hội dân lại bàn rằng:

— Ngôi đất ấy có thần giữ, người làng ta táng không được, mà để người xứ khác táng thì dân động. Các nhà địa lý, thường thường di lại, chỉ sợ tiếng ấy lộ ra ngoài, thì người quyền thế bắt hiếp dân mà táng, dân ta chẳng thiệt hại lắm ư? Bây giờ thần bảo để dành cho họ Lê làng Diên-hà, không biết bao giờ cho họ ấy đến táng, để dân ta đỡ một đoạn khó nhọc.

Giữa lúc đang bàn, thì có một cụ già vào ăn xin. Người làng hỏi:

— Ông cụ già kia ở đâu?

Thưa rằng?

— Tôi ở làng Diên-hà.

— Họ gi?

— Thưa tôi họ Lê.

Cả làng mừng, nói rằng:

— Ở đây có một ngôi đất to, thần cho họ Lê làng Diên-hà. Cụ có phải họ Lê, thì đem tiên-phần lại mà táng, về sau phát đạt, chẳng những cụ khỏi phải khổ sở, mà dân tôi cũng đỡ được một sự quan ngại.

Cụ kia mừng dỗ, về ngay nhà đem tiên-phần lai táng vào huyệt ấy. Về sau, con ông cụ ấy là Lê-trọng, húr quả nhiên đỗ Tiến-sĩ, làm quan rồi sau được phong là Trung hiếu công.

Trung-hiếu công muộn con, cùng với phu-nhân cầu tự ở chùa Quang-thừa huyện Kim-bảng. Phu-nhân nằm mơ thấy giờ cho một con Kì-lân, mới có thai mà sinh ra Lê-quí-Đôn.

Quí-Đôn thông minh khác thường, mới lên hai tuổi đã biết được hai chữ «*hữu, vô*». Thủ một trăm lượt cũng cứ trả

vào chữ ấy. Lên 5 tuổi, cho học Kinh-thi, thì học đâu nhớ đấy, không chữ gì phải bảo đến hai lượt. Lên sáu tuổi, đã biết làm thơ, làm văn.

Khi 7, 8 tuổi cõi trường di tăm, có một quan Thượng vào chơi với ông Trung-hiếu công. Trọng thấy đứa trẻ, hỏi thăm vào nhà ông kia, đứa trẻ ấy đứng giang hai chân ra và bảo quan Thượng rằng :

— Tôi đố ông biết chữ gì đây, hễ ông biết được thì tôi sẽ đưa ông vào nhà.

Ông kia thấy đứa trẻ con hồn sược, không thèm nói gì. Đứa ấy cười ầm lên nói rằng :

— Chữ thái (太) thế mà không biết !

Ông Thượng thấy đứa kỳ dị, hỏi ra mới biết là con ông Trung-hiếu công. Lúc vào chơi nhà gọi lên mắng rằng :

— Mày là thằng rắn đầu rắn cổ, phải làm một bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn.

Qui-Đôn vâng lời làm một bài thơ nôm rằng :

Chẳng phải lưu diu vẫn giống nhà.

Rắn mà chẳng học chẳng ai tha!

Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,

Nay thét, mai gầm rát cổ cha.

Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,

Lắn lưng cam chịu tiếng roi tra.

Từ rầy Châu, Lỗ chăm nghè học,

Chờ đê người ta tiếng thế gia.

Ông kia thấy bé một tí tuổi, mà vẫn chương tài hoa, nức nở khen mãi không thôi. Lại một khi, Qui-Đôn đến chơi nhà lý-trưởng, nhác trông thấy một quyển sổ, bên những người thiếu thuế má, kẻ thì một vài quan tiền, người thì năm bảy đấu thóc. Qui-Đôn xem qua một lượt, rồi trả người lý-trưởng. Đến sau nhà ấy bị cháy, mất cả quyển sổ, các món nợ kẻ thiếu người đủ, không biết tra khảo vào đâu. Khi gặp Qui-Đôn phàn nàn về sự mất quyển sổ.

Qui-Đôn bảo rằng :

— Quyển sổ ấy tôi đã nhớ cả rồi, để tôi đọc cho mà sao lại, can gì mà lo.

Qui-Đôn đọc thì không sai lần một ly nào, nhưng người lý trưởng cũng chưa dám quyết. Đến lúc chiếu sổ ra thu các món, thì phải cả, không ai cãi cọ gì, mới biết là Qui-Đôn sáng dạ.

Năm 18 tuổi, đỗ Thủ-khoa. Ai cũng chắc Qui-Đôn thi hội thì đỗ Trạng-nghuyên. Có một ông quan triều bảo với ông Trung-hiếu-công rằng :

— Nước ta lâu nay không có Trạng, khoa này con ông hẳn đỗ được Trạng-nghuyên.

Lại hỏi rằng :

— Nội các sách, công-tử đã xem được hết cả chưa ?

Ông kia nói :

— Sách nhà tôi thì cũng nhiều, duy còn thiếu một bộ « Trịnh-quán chính-yếu », vậy thì ngài có bộ ấy, xin cho cháu nó mượn xem vài hôm.

Ông kia cho mượn, nhưng bỏ ra vài tờ, để ra đầu bài, vì thế khoa ấy Qui-Đôn chỉ đỗ Bảng-nhã.

Khi đỗ rồi, hai cha con cùng làm quan thời vua Hiển-tôn nhà Lê. Vua có khen rằng :

— Hai cha con nhà ngươi, cùng có bụng trung-quản ái-quốc, thế mới gọi là trung-hiếu truyền già !

Về sau, Qui-Đôn phungi mệnh sang sứ bên Tàu, các quan Tàu, thấy người thông-minh, ai cũng có lòng kính trọng.

Có một ông Tú-tài Tàu vào bậc hay chữ, thông cả thiên-văn địa-lý tướng-số. Nghe tiếng Qui-Đôn là người anh-tài nước Nam, có ý muốn thử. Một bữa rủ Qui-Đôn đi chơi chùa xem bài văn bia. Ngọn chùa ấy, ở cạnh bờ sông, cứ mỗi buổi chiều thì có nước thủy-triều tràn lên, ngập cả bia. Khi Qui-Đôn mới xem xong thì nước đã kéo đến, ông Tú-tài dắt Qui-Đôn về chơi nhà, hỏi lại bài văn bia, thì Qui-Đôn đọc cả bài, không nhầm một chữ nào. Ông kia chịu là thông-minh.

Ông Tú-tài kia bảo với Qui-Đôn rằng :

— Tôi xem tướng ông, về sau tất phải tôi cách hết chức tước, Tôi có ngôi mộ ở trước chùa Quang-minh bên nước Nam, ông có về nước, trông nom sửa sang giúp cho tôi; sau 20 năm nữa, thì tôi chắc đỗ Trạng mà sang xứ bên ấy, thì tôi sẽ cứu cho ông.

Qui-Đôn vâng nhời từ về, tìm thấy ngôi mộ ấy sửa sang lịch sự. Về sau, con và một người học-trò Qui-Đôn, cùng có tiếng hay chữ. Đến khoa thi, vua Lê chúa Trịnh đánh cuộc với nhau : vua thi đoán con Qui-Đôn đỗ đầu ; chùa thi đoán học-trò Qui-Đôn đỗ đầu. Nhưng Qui-Đôn dặn người học-trò đánh cháo văn cho con

mình; bởi thế người con đỗ đầu, mà người học-trò thi đỗ thứ hai. Vua được cuộc mà chúa thì thua. Chúa Trịnh xưa nay vẫn biết sứ người học-trò hơn mà mình bị thua cuộc, lấy làm tức lắm. Rồi dần dà vỡ cái mưu gian, chúa Trịnh nổi giận, cách chức Qui-Đôn và cách cả khoa-mục của hai người.

Qui-Đôn phải cách buồng rầu lăm. Được vài năm, quả nhiên người Tú-tài Tàu đã đỗ Trạng-nguyên và sang sứ bên nước Nam. Khi sứ vào đến cửa ải, hỏi thăm biết Qui-Đôn phải cách rồi, mới lưu lại ở cửa ải, sai người mang một tấm vóc đề một chữ (申) và đưa giấy nói rằng:

— « Đỗ cả nước Nam biết là chữ gì, nếu không ai biết thì không sang sứ nữa. »

Vua và chúa hội cả quần-thần lại hỏi, thì không ai biết là chữ gì. Vua, chúa lấy làm lo lầm. Các quan nói với chúa rằng:

— Việc này phải hỏi đến Lê-qui-Đôn mới xong. Xin chúa phục chức cho Lê-qui-Đôn, rồi triệu đến mà hỏi.

Chúa Trịnh bất-dắc-dĩ, phải trả hết lại chức tước của Lê-qui-Đôn, rồi cho đòi vào triều-dinh hỏi chữ ấy.

Lê-qui-Đôn trước còn tự tạ không biết, chúa lại trả khoa-mục cho con và người học-trò. Lê-qui-Đôn mới giải nghĩa chữ ấy và viết bốn chữ: « Phỉ xa bất đồng » (匪 車 不 東) vào tấm vóc sai người đưa lên cho sứ Tàu.

Vua và chúa bấy giờ mới nghĩ ra là nó đỗ mèo; chữ viết không ra hình chữ *xa*, mà cũng chẳng ra chữ *đồng*. Mà trong kinh Thi có sẵn câu rằng: « Phỉ xa bất đồng ». Đó là đỗ một câu, nhưng chỉ viết một chữ mà đủ ý cả 4 chữ.

Sứ Tàu thấy nói trúng vào ý mình mới sang sứ, đỗ là mèo nó cún cho Qui-Đôn đấy.

Tính ông Qui-Đôn trung tin thành thực, làm quan được bổng lộc, thường chia cho những họ hàng thân thích. Dựng vợ già chồng cho người trong họ, trước sau cả thảy 18 người. Những vợ con anh em bạn bè nghèo khổ, cũng thường tư cấp cho ít nhiều. Mà xử vào trong mình rất tiết kiệm, thường chỉ mặc cái áo vải ăn cơm rau mà thôi. Lại hay xem sách, đã làm đến khanh-tướng, cũng vẫn học đến nửa đêm mới thôi. Xử với người ta thì cực nhẩn, không có kiêu ngạo với ai bao giờ.

Đến khi trĩ-sĩ, làng một cái nhà gianh, sửa sang vườn cảnh chơi bời, cửa đẽ hai chữ: « Cẩn-trai » để tỏ ý mình. Học-trò nhiều người làm nên đến khanh-tướng.

Một tay Quý-Đôn làm ra nhiều pho sách quý lăm, như là : *Thánh-mô hiền-phạm-lục*, *Kim-kính lục-chú*, *Hoàng-việt văn-hải*, *Vân-dài loại-ngữ*, *Kiến-văn tiếu-lục* *Thái-ất quái-vận*, *Lục-nhâm hội-thông*, *Kim-cương kinh chú giải*, vân vân.

CHƯƠNG THỨ V

Các bậc mãnh tướng



29. — Lê-phụng-Hiếu

Lê-phụng-Hiếu người làng Băng-sơn, phủ Thanh-hóa, (tức là xã Dương-sơn, huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa bây giờ). Người cao lớn toát, râu ria xồm xoàm, gân súc khỏe mạnh. Khi đang trạc 20 tuổi, có hai thôn Cồ-bi, Đàm-xá tranh nhau địa giới, đem dân phu ra đánh nhau. Phụng-Hiếu vung cánh tay lên bảo với người làng Cồ-bi rằng :

- Chỉ một mình tôi có thể đánh đổ được muôn người.
- Các cụ làng ấy mừng lăm, làm rượu mời Phụng-Hiếu ăn uống. Phụng-Hiếu uống rượu say rồi ăn hết nồi ba mươi cơm mới no. Bấy giờ mới ra khiêu chiến với người làng Đàm-xá. Khi hai xã giáp chiến, Phụng-Hiếu vuơ mình lên nhô một cây to bên vệ đường, cầm ngang trong tay, xông vào đánh dân Đàm-xá. Dân kia rẽ ra mà chạy, không ai dám địch ; mà ai địch cũng thua, hoặc chạy không kịp thì chết. Dân ấy sợ hãi, phải nhường trả ruộng làng Cồ-bi.

Bấy giờ vua Thái-tồ nhà Lý, kén người có sức khỏe mạnh, đê sung vào quân túc-vệ. Phụng-Hiếu ra ứng mộ, hầu hạ vua đắc dụng lăm, dần dần được nhắc lên làm Võ-vệ tướng-quân.

Khi vua Thái-tồ mất, vua Thái-tôn nối ngôi, có ba vị vương là Dực-thánh vương, Võ-đức vương và Đông-chinh vương mưu làm phản, đem binh phạm vào cửa cung Đại-nội, muốn tranh ngôi vua Thái-tôn.

Vua Thái-tôn lo sợ, vời Phụng-Hiếu mà bảo rằng :

— Việc kíp đến nơi rồi, trẫm không biết ngồi ra làm sao nữa, cho người được phép tự tiện mà giúp việc cho trẫm.

Phụng-Hiều vâng mệnh, đem quân túc-vệ ra cửa cung, đánh nhau với quân ba phủ kia. Phụng Hiều trông thấy Võ-đức vương cưỡi ngựa đứng ngoài cửa Quảng-dương trỏ bảo quân sĩ, Phụng-Hiều hầm hầm nỗi giận, cầm gươm xông thẳng đến trước ngựa Võ-đức vương, trỏ vào mặt mà quát mắng rắng :

— Các vương dám dòm nom thần-khí, coi thường thiên-tử, trên thì quên ơn Tiên-đế, dưới thì trái nghĩa tôi con. Tôi là Phụng-Hiều đây, xin dâng đại-vương một thanh kiếm này !

Nói đoạn, xông thẳng vào chém, các quân chống lại không nỗi, chạy giãn ra bốn phía. Võ-đức vương toan quay ngựa, nhưng chạy không kịp, bị chém ngã quay xuống đất.

Quân ba phủ kia thấy vậy, người nào người nấy tìm đường tháo thân, quân túc-vệ thừa thế đánh tràn ra, giết quân ba phủ không còn mống nào, chỉ có hai vị vương kia chạy được thoát.

Vua Thái-tôn thấy Phụng-Hiều thắng trận, gọi vào án úy rắng :

— Trẫm nay được thừa dương cơ nghiệp của Tiên-đế, và được toàn vẹn cái thân, toàn do tự sức của ngươi cả. Trẫm xem sứ nhà Đường, thấy Uất-trì Kinh-đức cứu nạn cho vua Đường Thái-tôn, tưởng là các bày tôi dời sau không còn ai trung dũng được như Kinh-đức nữa, nay ngươi khỏe mà lại trung với trẫm như thế, thì ra hơn Kinh-đức ngày xưa.

Phụng-Hiều lạy tạ nói rắng :

— Bệ-hạ, đúc cảm đến cả giới đất, uy khắp đến cả cõi xa ; trong triều, ngoài nội, ai ai cũng phải tuân phép ; thế mà chư vương dám mạnh tâm làm phản, thản thành trên dưới, cũng có bụng muốn giết, cho nên mới trừ được loạn, chứ như chúng tôi thì có công gì.

Vua phong cho làm Đô-thống thượng tướng-quân. Đến năm Thiên-cánh-thánh-võ, (1044) vua Thái-tôn vào đánh Xiêm-thành, sai Phụng-Hiều làm tiên-phong, phá tan quân giặc, tiếng lừng lẫy đến ngoại-quốc. Khi vua thỉnh công trở về, định phong thưởng cho Phụng-Hiều, nhưng Phụng Hiều từ không nhận trước thưởng, xin đứng ở trên núi Băng-sơn, ném một thanh đao ra ngoài, liẽ rơi xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

Vua ứng cho như thế. Phụng-Hiều đứng ở trên đỉnh núi, ném một thanh đao ra ngoài mười dặm, sa xuống cắm vào làng Đa-mỹ. Vua mới ban ruộng thưởng cho đến chỗ cắm đao, tính ra được hơn nghìn mẫu.

Tự đấy ruộng thưởng cho công-thần gọi là ruộng Thác-dao (ughi là cắm dao), là do sự tích ấy.

Phụng-Hiêu, hết lòng thờ vua, biết điều gì nói điều ấy, mà động đì đánh trận nào cũng được. Đến năm 77 tuổi mới mất. Dân làng ấy lập miếu thờ làm phúc-thần, lịch triều có phong tảng cả.

30. – Đoàn-Thượng

Đoàn-Thượng người làng Hồng-thị, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương. Thời vua Huệ-tôn nhà Lý, phụng mệnh trấn thủ ở Hồng-châu.

Đoàn-Thượng có sức khỏe hơn người, gân xương như sắt, mỗi khi lâm trận, chỉ một dao một ngựa, xông vào đâm trăm nghìn người, tung hoành vô địch.

Đến khi Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi cho vua Trần Thái-tôn, Đoàn-Thượng chiếm giữ một châu, không chịu hàng theo về với nhà Trần. Thái-sư nhà Trần là Trần-thủ-Độ sai sứ đến dụ hàng. Thượng nhất định không nghe. Chiêu binh tập mã, tự xưng là Đông-hải vương, có ý muốn khôi phục giang-sơn cho nhà Lý.

Trần-thủ-Độ đem quân xuống đánh nhau luôn mấy năm không phá nổi, mới lập mèo sai người đến giảng hòa, mà kì thực thì sai một đại-tướng là Nguyễn-Nộn đem quân đánh tập công mặt sau.

Đoàn-Thượng chắc đã giảng hòa rồi, phòng bị không được cẩn thận như trước, sực nghe tin Nguyễn-Nộn đến đánh, mới kéo quân ra cự địch. Hai bên đánh nhau đang hăng, thì Thủ-Độ lại cầm đại-quân tự đường Văn-giang đánh đến mé trước. Quân nhà Trần hai mặt đánh dồn vào một, quân của Đoàn-Thượng kinh hãi chạy tán lác mất cả. Đoàn-Thượng vội vàng quay ngựa về đánh mặt tiền-quân, không ngờ bị một viên tướng nhà Trần, tự mé sau sấn lên chém với một nhát vào cổ gần đứt, Đoàn-Thượng ngãnh lại, thì tướng kia sơ hãi mà chạy mất. Đoàn-Thượng mới cõi giây lưng rá buộc vào cổ chò khỏi rơi đầu, rồi hầm hầm tể ngựa chạy về phía đông. Chạy đến đâu, quân nhà Trần phải giãn đường cho chạy, chó không dám đánh.

Khi chạy đến làng An-nhân, có một ông cụ già áo mũ chững chạc, chắp tay đứng bên đường nói rằng :

— Tướng-quân trung dũng lắm, Thượng-đế đã kén ngài làm thần xứ này rồi đây ! Có một cái gò bên làng cạnh kia, đó là đất hương-hỏa của tướng-quân, xin tướng-quân để lòng cho.

Đoàn-Thượng vâng một tiếng, rồi đến chổ gò ấy, xuống ngựa gối đầu vào ngọn mac mà nằm, một lát thì mất, mối dùn đất lên lấp thành mồ ngay.

Dân làng ấy thấy vậy, lập miếu tó tượng đê thờ. Về sau, nước lụt vỡ đê, tượng trôi vào làng An-nhân, làng ấy lại lập một tòa miếu khác đê thờ. Miếu ở cạnh bờ sông Hồng-giang, mé trước ngãnh vào con đường cái chính xứ đông-bắc. Thần linh ứng lăm, kẻ qua lại mà ngạo ngược thì có tai nạn ngay. Các khách buôn thuyền qua lại cửa đền, có đồ lề vào thì buôn bán đắt hàng. Tục truyền những khách buôn chum vại vào bán chợ Hồng, ai mà vào đền lề thì buôn bán thông đồng chóng hết lăm; mà ai không lề, thì ế mãi không bán được, thường phải quẳng bỏ ngoài bến sông, nếu không thể thì tất lại có sự sóng gió lo lường.

Lịch-triều cũng có phong-tặng làm thượng-đẳng-thần. Miếu ấy đến giờ vẫn còn.

34. — Phạm-ngũ-Lão ⁽¹⁾

Phạm-ngũ-Lão là người học-trò ở làng Phù-ủng, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương, (bây giờ thuộc về huyện Ân-thi, tỉnh Hưng-yên) có sức khỏe lạ thường, muôn người khen dích.

Phạm-ngũ Lão mặt mũi khôi ngô, đủ cả văn võ tài lược. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến Ngũ-Lão mới theo nghề học nho. Trong hai mươi tuổi đã có tính khảng khái. Trong làng có một người tên là Bùi-công-Tiến đỗ Tiến-sĩ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ Ngũ-Lão không thèm đến.

Bà mẹ Ngũ-Lão bảo rằng :

— Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút.

Phạm-ngũ-Lão thưa rằng :

— Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người ta, thì con lấy làm nhục lăm.

Ngũ-Lão tính hay ngâm thơ, thường ngâm một bài rằng

Ngọn giáo non sông trải mấy thâu,

Ba quân tỳ hồ át sao Ngâu.

Công danh nếu để còn vương nợ,

Luống hẹn tai nghe truyện Võ-hầu.

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một khi Phạm-ngũ-Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt, sực có Trần Hưng-đạo vương tự trại Vạn-an vào kinh, quân quyền kéo đi rất đông. Quân tiền-hộ thấy Ngũ-Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt

(1) Xem truyện « Hưng-đạo-vương » thì rõ sự tích.

phải đứng dậy. Ngũ-Lão cứ ngồi nghiêm nhiên, như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ-Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng-đạo vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ, gọi đến hỏi, thì bấy giờ mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng-đạo vương hỏi rằng:

— Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chừng chàng làm vậy?

Thưa rằng:

— Tôi đang mải nghĩ một việc cho nên không biết là ngài chảy qua đây.

Hưng-đạo vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học hành, thì hỏi đâu nói dối, nội là kinh truyện thao lược, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hưng-đạo vương mới sai lấy thuốc dấu dít vào chỗ nhát đâm, rồi cho ngồi xe đem vào kinh, dâng lên vua Thành-tôn.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho vào làm quản vệ-sĩ. Các vệ-sĩ không chịu, xin dấu súc với Ngũ-Lão. Ngũ-Lão xin vàng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin dấu súc và nhận chức nhân thể. Vua cho về, Ngũ-Lão về nhà ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vót qua gò. Tập luyện thành rồi, vào kinh dấu súc. Khi dấu quyền với các vệ-sĩ thì không ai địch nổi, rồi Ngũ-Lão thách cả các vệ-sĩ cùng ra đấu. Các vệ-sĩ xúm xít xung quanh, hàng trăm nghìn người Ngũ-Lão tay đấm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai phi chết thì què gãy, các vệ-sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới chịu phục.

Vua thấy người kiêu dũng làm vậy, cho theo Hưng-đạo vương đi đánh giặc Mông-cồ, thì đánh trận nào cũng được, lập nên công trạng rất nhiều. Hưng-đạo vương có lòng yêu mến, gả con nuôi là Nguyên quận chúa cho

Về sau, nước Ai-lao đem hơn một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ-Lão cầm quân đi đánh. Ngũ-Lão sai dân chặt tre đục cù dài độ một trượng, trồng chắt vào các vè đường. Khi Ngũ-Lão kéo quân vào đánh, giặc thúc voi sấn lện, Ngũ-Lão chỉ chân tay không sấn vào gấp dống tre nào thì vớ lấy cái đóng tre chõ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau gầm rống lên chạy về, giày xéo cả vào quân Ai-lao. Ngũ-Lão mới thúc quân đánh tràn sang, quân Ai-lao tan vỡ, phải trốn về đêm,

Vì có những công to ấy, được thiên len làm Điện-tiền

thượng-tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng-dâng phúc-thần, người làng Phù-Ủng lập miếu thờ ngay ở chõ nhà Ngũ-Lão.

Ngũ-Lão nguyên là bộ-tướng của Hưng-đạo vương, cho nên các đền thờ Hưng-đạo vương, cũng có thờ Ngũ-Lão nữa.

Tục lại truyền khi Ngũ-Lão còn han vi, xin với mẹ di tìm kẽ lập công danh, ở trong nước chưa có dịp nào, mới sang ở chăn voi cho vua nước Ai-lao. Ngũ-Lão cầm một lá cờ đỏ dạy voi, hễ phất lá cờ thì voi phải quỳ xuống hết. Đến khi nghe tin có giặc Mông-cồ quấy nước Nam, mới về theo Hưng-đạo vương đi đánh giặc. Về sau nước Ai-lao sang cướp vùng Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ-Lão đi đánh. Ngũ Lão thấy Ai-lao thúc voi xông vào trận, mới phất lá cờ đỏ, thì voi trông thấy hiện ông ấy, lại phục cả xuống, vì thế mới phá được quân Ai-lao.

32.— Nguyễn-Xí

Nguyễn-Xí người làng Sái-xá, huyện Chân-phúc, tỉnh Thanh. Thân phụ Nguyễn-Xí gấp buổi cuối đời nhả Trần, trong nước loạn lạc, không muốn ra làm quan, tu ở chùa làng, gọi là Hòa-nam thiền-sư. Mỗi đêm đến gà gáy thì thức dậy đánh chuông, đốt hương tụng kinh.

Có hàng thịt lợn ở cạnh chùa, hễ cứ nghe tiếng chuông thì thức dậy giết lợn. Một hôm, nhà hàng thịt mua lầm phải con lợn cái chửa, định để sáng mai thì làm thịt bán hàng.

Đêm hôm ấy, nhà sư nằm mơ thấy một người đàn bà đến kêu khóc rằng:

— Xin ông đêm hôm nay đừng đánh chuông voi; cứu lấy tám, chín mạng cho mẹ con tôi.

Nhà sư ngạc nhiên không biết sự gì, nhưng cũng nghe nhời không đánh chuông voi. Nhà hàng thịt vì thế dậy trưa, thì con lợn cái đã đẻ ra 8 con. Nhà sư thấy vậy lấy làm kỳ, mới mua cả đàn lợn ấy thả vào trong núi.

Được vài tháng, nhà sư phải hổ bắt mồi, nó cắn chết bỏ dưới sườn núi. Sáng mai, người nhà đi tìm, thấy mồi dùn đất lấp lên thành mồ rồi. Có người biết địa-lý, xem hình thế chõ ấy, cho là được ngôi hổ-tàng.

Con ông sư ấy là Nguyễn-Xí, bấy giờ đã 17 tuổi, vốn có sức khỏe hơn người, tập nghề võ đã giỏi, nhưng vì nhà nghèo khó, phải ra tỉnh Thanh bán dầu kiếm ăn.

Một hôm, đi qua huyện Lam-sơn, giờ đã tối, xung quanh không có cửa nhà nào, chỉ có một ngọn miếu thờ thần, mới vào nghỉ trong miếu ấy. Đến canh ba, phảng phất nghe có tiếng xe ngựa rầm rầm, và nghe có tiếng bảo ông thần trong miếu rằng : « Hôm nay trên thiên-dinh hội các bách-thần, định lập thiên-tử nước Nam, việc ấy quan hệ to, mời ngài đi với tôi nhân thề ». Ông thần trong miếu nói rằng : « Tôi dở có qui-khách dưới trần chọ đây, không sao đi được, ông có được nghe điều gì, xin về bảo cho tôi được biết ». Cuối canh tư lại nghe có tiếng về bảo rằng : « Thiên-dinh đã định xong ngôi Hoàng-đế nước Nam rồi, tức là người ở Lam-sơn, huyện Thụy-nghuyên, họ Lê tên Lợi. Thương-đế cho đến giờ thân, ngày thân, tháng thân thì khởi binh, mười năm mới yên xong thiên-hạ ».

Nguyễn-Xí nghe rõ ràng các câu ấy, gà gáy thức dậy, tìm đến làng Lam-sơn, hỏi thăm vào nhà Lê-Lợi, kề rõ lại những việc nghe thấy truyện như thế.

Lê-Lợi bấy giờ đã có 300 thủ-hạ, sắp sửa muốn ra dẹp loạn, nghe thấy nói, lập tức khởi binh ngay tháng bảy năm ấy.

Nguyễn-Xí theo giúp Lê-Lợi đánh nhau với quân nhà Minh, xông pha trong đám mũi tên hòn đạn, đánh đến đâu quân Tàu tan ra đến đấy. Trong 10 năm giờ, lập lên rất nhiều công trạng. Đến khi thiên-hạ bình-dịnh, Lê Thái-tổ cho Nguyễn-Xí là sáng nghiệp đệ nhất công-thần, và phong làm Nguyễn quốc-công, cho quốc tính gọi là họ Lê.

Nguyễn-Xí làm quan trải ba triều : Thái-tổ, Thái-tôn, Nhân-tôn, khi có giặc giã thì di dẹp, khi thường thì lại vào túc-vệ trong cung cấm. Khi vua Nhân-tôn bị Nghi-Dân cướp ngôi (con cả vua Thái-tôn, phải bỏ không được lập), Nguyễn-Xí đem binh dẹp loạn, giết được bọn đồ đảng của Nghi-Dân là Phạm-Đồn, Phan-Ban, rồi bỏ Nghi-Dân đi, đón Bình-nghuyên vuơng lập lên, tức là vua Thành-tôn. Nguyễn-Xí-vì có công ấy lại được tiễn lên làm chúc Thái-úy, Cương quốc-công.

Bấy giờ Nguyễn-Xí có 12 con, cũng được phong tước làm quan tại triều, quyền thế hách dịch nhất thời ấy. Vua thấy lòng lâý quá, sai đào con sông Cẩm-giang ở làng Sái-xá, để triệt long mạch làng ấy, thân long chảy ra huyết ba ngày.

Một hôm, năm con làm quan trung-úy, cùng chết một ngày, từ bấy giờ con cháu sa sút.

33. — Phạm-tử-Nghi

Tử-Nghi người làng Vĩnh-niệm, huyện An-dương, tỉnh Hải-dương, sức khỏe như thasn.

Tử-Nghi thường đắp một con đường dài ở trên mặt đê, dôi dẫu đắp ụ cao 5 thước, rồi vác gày chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao thì đánh một cái, ụ lại sạt xuống như đất phẳng.

Khi sau đến kinh thành Thăng-long, trông thấy hàng trăm người lính đang kéo thuyền rồng ở trên mặt đất xuống sông, mà kéo không nổi.

Tử-Nghi cười nói rằng :

— Khéo những đồ bị thịt kia ! Có một cái thuyền như thế, xúm xít vào kéo mà không nổi, thì làm trò gì được ?

Chung tức giận, kẻ nghiến răng, người trợn mắt, toan xúm vào đánh, thì Tử-Nghi lại nói rằng :

— Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem.

Chung thấy nói vậy, bỏ cả đi ra, bắt Tử-Nghi phải kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Tử-Nghi vén tay áo, dùng hết, sức bình-nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông. Chung ai nấy lắc đầu ie lưỡi, chịu ống ta là có sức khỏe gấp nghìn người.

Bấy giờ nhà Mạc mới lên, nghe có người hùng dũng làm vậy cứ làm đại-tướng, cho lên trất-thủ mặt Thượng du. Tử-Nghi ở trấn vài năm, dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lừng lẫy đến cả Bắc-triều. Về sau nhân dẹp giặc, phá lây đến các tỉnh ven Tàu ; Tàu đưa hịch sang trách đến triều-dinh nước Nam. Tử-Nghi đến dinh quan Tổng-đốc Quảng-đông, xin chịu tội để cho yên tâm vua nước mình.

Người Tàu đem Tử-Nghi ra hành tội, rồi bỏ đầu-lâu và thả y vào một cái hòm, che một cái lọng, thả xuống sông cho trôi về nước Nam. Trôi tự Nam-quan về mãi đến giang phận làng Vĩnh-niệm, thì đứng lại không trôi nữa, rồi đêm bão mộng cho dân làng ấy, phải ra vớt về mai táng, và phải lập đền phụng tự.

Dân làng sáng mai ra vớt, lập miếu thờ ngay bên cạnh sông từ đấy linh ứng lắm. Về sau, hiển linh bảo các làng ở ven sông, cho nên tự Nam-quan về mãi đến Hải-dương, Sơn-nam, nội chỗ nào có bến, là cũng phải lập miếu thờ cả.

Lịch-triều phong tặng làm Linh ứng đại-vương thần.

34.— Đinh-văn-Tả

Về đời Lê trung-hưng, ở làng Hàm-giang, tỉnh Hải-dương, có người tên là Đinh-văn-Tả, sức vóc mạnh mẽ, tính khí hung hăng, Lúc còn nhỏ, chỉ chơi bời với lũ côn-quang, chúng bầu lên làm đàn anh cả.

Cạnh làng có một con sông to rộng hơn một dặm, ngày ngày ra tắm, bơi vòng tự bên này sang bên kia, chơi bời luyện tập.

Một hôm, họp bằng bối uống rượu bên cạnh bờ sông, nghe bên kia sông, có tiếng chiêng trống tế thần. Anh em đố nhau lội được qua sông sang ăn trộm cái chiêng của làng kia đem về.

Đinh-văn-Tả nói:

— Khó gì việc ấy mà phải đỗ.

Bấy giờ đang đêm, Văn-Tả lập tức lội xuống sông, vòng sang bên kia, lén vào đình, ăn trộm được cái chiêng đem ra, lại lội xuống bơi về. Khi ra đến giữa dòng sông, khua chiêng vang cả làng, làng bên kia nghe tiếng, mới biết là mất trộm, tìm thuyền đuổi theo thì không kịp.

Về sau, nhàn co tội phải giam trong ngục Đông-môn. Khi ấy, triều-đình đương có việc dụng binh, chúa Trịnh sai các tướng võ tập bắn ở lầu Ngũ-long. Văn-Tả và tên lính canh ngục đứng xem, thấy không mấy người bắn trúng bia, cười mà nói rằng:

— Bia rành rành thế kia, mà bắn không trúng, sao mà họ hèn làm vậy?

Các tướng võ đứng bắn, nghe tiếng giận lầm, đưa súng cho Văn-Tả và bảo rằng:

— Anh nói khoác làm gì thế, súng dây, anh thử bắn đi này!

Văn-Tả không thèm cầm súng nhỏ, xin mượn khẩu súng to, cắp lên trên mang tai, bắn ra ba phát, võ ba cái đích. Các người kia ai cũng chịu là tài; rồi lại sai bắn thử lần nữa xem làm sao, thì bắn phát nào tin phát ấy, mười phát đậu chục. Việc ấy lên đến tai chúa Trịnh, mới tha tội, cho theo đi đánh giặc.

Bấy giờ chúa Trịnh đang chống nhau với chúa Nguyễn ở trong Nam hà. Một bữa quân Bắc đóng ở trên núi, quân Nam đột nhiên đến vây đánh, quân Bắc bị thua tan chạy mất cả, chỉ còn một mình Đinh-văn-Tả phục trong bụi rậm, chờ khi quân Nam đuổi theo, ở trong bụi bắn ra, quân Nam tưởng có nhiều quân mai phục phải lui về; quân Bắc thừa thế quay lại đánh, quân Nam phải chạy. Từ bấy giờ nổi tiếng. Về sau, lại lập được

nhiều công chiến trận, chúa Trịnh phong cho làm quận-công. Văn-Tả nộp trả bằng sắc không nhận, chỉ xin rút trong số án-tử ra mà thôi, nhưng chúa Trịnh cũng cứ phong cho.

Đến thời vua Hí-tôn, dư đảng nhà Mạc là Mạc-kính-Vũ, vẫn còn chiếm giữ trên xứ Cao-bình. Vua sai Văn-Tả thống lĩnh đại binh đi đánh, phá vỡ quân nhà Mạc. Kính-Vũ phải chạy sang Long-châu, mới trừ hết được đảng nhà Mạc. Từ đấy làm quan đến cực phẩm hàng võ.

Đến năm 80 tuổi, phải bệnh nặng, Chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng:

— Như người thì trong bụng còn muôn ao ước điều gì nữa không?

Thưa rằng:

— Tôi nhờ ơn nhà chúa, làm quan vinh hiển đến thế này; mà lại được thọ đến 80 tuổi, thì trong bụng cũng đã mãn nguyện rồi: nhưng chỉ còn ao ước một chút, giá thử dang lúc tôi chưa chết, mà chúa phong cho tôi làm phúc-thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì hối hận nữa.

Chúa Trịnh lập tức sai người thảo sắc, phong ngay tại trước chỗ giường nằm. Văn-Tả tạ ơn chúa rồi mất.

Con cháu nhà ấy, về sau ai cũng có tài làm tướng, kể thế 18 đời được phong quận-công, đến mãi về đời Đinh-tích-Nhưỡng về cuối nhà Lê, vẫn còn lùng lẫy. Tục-ngữ có câu: « Đánh giặc họ Đinh », tức là chỉ họ ấy.

35. — Võ-Tinh

Võ-Tinh tổ tiên thủa trước là người Phúc-an, thuộc tỉnh Biên-hòa, sau đời đến Bình-dương.

Tinh là người khảng khái, trí dũng hơn người, nhà giàu, không chịu thần phục Tây-sơn; mới xin với mẹ bỏ của ra chiêu dụ hào-kiệt, khởi nghĩa-binh ở Phù-viên (thuộc Gia Định); rồi kéo đến Định-tường chiếm giữ Khồng-tước-nuyễn (thuộc Tân-hòa), tụ đồ-dảng đến hàng vạn người, hiệu là đạo quân Kiến-hòa, tự xưng làm Tống-nhung, hễ quân giặc di qua đất ấy, thì đánh giết sạch. Quân giặc thường bảo nhau rằng: « Gia Định tam hùng ⁽¹⁾, Võ-Tinh là một, chờ có phạm vào mà chết. »

Năm Mậu-thân, Tinh đem cả bộ-thuộc đến bái yết đức Thế-

(1) Đỗ-thanh-Nhân, Chu-văn-Tiếp và Võ-Tinh là ba kê hùng trong Gia Định.

tồ ở dưới hành-tại⁽¹⁾. Đức Thế-tồ cả mừng, cho Tỉnh làm Tiêu-phong doanh khâm-sai Tông-nhung chưởng-cơ ; rồi lại gả em là Trường công-chúa Ngọc-Du (con gái đức Hưng-tồ, em đức Thế-tồ) cho.

Khi ấy tướng Tây-sơn là Thái-bảo Phạ m-văn-Tham giữ thành Sài-gòn, Tỉnh đem quân vây đánh. Tham cùng quân xin hàng, dẹp yên được vùng Gia-dịnh.

Năm Quý-sửu, Tỉnh được thăng làm Khâm-sai chưởng Hậu-quân doanh Bình-sơn tham-thắng tướng-quân, theo đức Thế-tồ ra đánh thu phục được Phú-an.

Năm Giáp-dần, Tỉnh phụng mệnh trấn thủ thành Diên-khánh (bây giờ là Khánh-hòa). Trần-quang-Diệu (tướng Tây-sơn) đem hết cả quân vào vây. Tỉnh kiên thành cố thủ, khi ấy trong thành thiếu lương, quân-sĩ rất kham-khổ, Tỉnh lấy lời trung nghĩa khích-khuyến, tướng sỹ đều cỗ súc đánh, giặc không thể nào phá được. Mùa hạ, năm Ất-mão, đức Thế-tồ đại cử quân-thủy, bộ ra cứu viện. Tỉnh nghe tin có viện-binh đến, bèn thân đốc tướng-sĩ đương đêm mở cửa thành ra đánh, quân giặc tan chạy. Đức Thế-tồ úy lạo khen Tỉnh rằng : « Tên Diệu là kền-dịch, mà ngươi hay giữ vững được thành này, có gặp gió to mới biết được cỏ cứng thật ! » Bèn phong cho Tỉnh tước Quận-công.

Tỉnh tuổi trẻ, mà lại là bậc thân-quí, lập được nhiều công chiến-trận, vậy nên có ý kiêu căng. Tiền-quân tôn-thất Hội thường chê Tỉnh là người thiền-hiệp, và bảo rằng : « Cậy mình qui mà không xét đến kẻ sĩ, là lỗi quan Phiêu-Kỵ họ Hoắc⁽²⁾, nay ngươi có bớt kiêu đi, thì mới giữ trọn được tiếng hay. » Tỉnh nghe lời cảm tạ, từ đấy nén bớt kiêu-khí, đều được lòng tướng-sĩ.

Năm Kỷ-mùi, Tỉnh hộ giá đức Thế-tồ ra thân chinh, hạ được thành Quý-nhão. Đức Thế-tồ vào thành úy lạo, đổi tên là thành Bình-dịnh, lưu Tỉnh cùng Lê-bộ Ngô-tùng-Chu ở lại trấn thủ.

Mùa đông năm ấy, Trần-quang-Diệu, Vũ-văn-Dũng lại đem hai đạo quân vào vây Bình-dịnh, Tỉnh nghe tin biết thế giặc đương mạnh, chưa có thể đánh được, bèn thu quân giữ thành. Đức Thế-tồ nghe tin báo, đại cử thủy, bộ chư quân ra cứu viện.

Tỉnh kiên thành cố thủ, tùy phương chống chẽ, quân lính nghiêm minh, khích lệ tướng-sĩ đều liều chết mà đánh, nhỡn nhỏ cả thảy hơn và mươi trận, không thua trận nào.

(1) Là nơi vua đi đóng quân ở đó.

(2) Là võ-tướng đời nhà Hán.

Hoặc có kẻ khuyên Tinh vượt vòng vây mà lén ra. Tinh không nghe, bảo rằng : Ta phụng mệnh giữ thành này, thì ta nên thề cùng với thành cùng sống thác. Nếu bỏ thành mà lẩn trốn lấy một mình, thì còn mặt mũi nào trông thấy chúa-thượng nữa ? »

Khi ấy quan quân đến cứu viện đã non hai năm giờ, đánh mãi không tài nào giải vây được. Đức Thế-tồ sai người lặn nước từ cửa bể lén vào, bảo Tinh bỏ thành mà ra hội với quan quân. Tinh nhất định xin cố thủ, sai người cầm tờ mật-biều ra lầu rằng : « Nay quân giặc tụ vây cả ở thành này, thì ngoài Phú-xuân hẳn không-hư, xin đem quân thừa hư ra đánh lấy Phú-xuân, chẳng khác gì dồi ngói lấy vàng ; dẫu chết một mạng tôi, mà dồi lấy được Phú-xuân, cũng phải. »

Đức Thế-tồ được tờ mật-biều, ngài mới quyết ý đem quân do đường thủy kéo ra. Đêm hôm ấy đốt lửa ở núi Độc-son làm hiệu, Tinh thấy hỏa hiệu, lại mở cửa thành ra đánh, giết được và tên tướng giặc.

Khi ấy trong thành hết cả lương thực, quân-sĩ phải giết voi, ngựa mà ăn, mà cũng không ai có lòng phản bội gì cả. Tinh sợ rằng thành hảm, thì tướng sĩ chết hại nhiều, bèn đưa thư ra bảo Diệu rằng : « Phận sự ta làm chủ-tướng, thì dành liều chết ở dưới cờ. Còn như các tướng-sĩ không có tội gì, không nên giết hại. » Lại bảo các tướng rằng : « Ta uống thuốc độc, nhảy vào lửa, chàng nào cũng chết. Nhưng ta không muốn cho giặc trông thấy mặt, ta dành chết vào lửa mà thôi. » Mới sai quân lấy củi khô chất đầy ở dưới lầu Bát-giác, và đê thuốc súng vào giữa.

Một hôm buồm sớm, Hiệp-trấn Ngô-tùng-Chu sang hỏi Tinh xem định kế gì ? Tinh trả lầu Bát-giác mà rằng : « Kế tôi dành chịu thác ở đó mà thôi ! » Lại bảo Tùng-Chu rằng : « Tôi là võ-tướng, không lẽ cùng sống với giặc được ; ông là văn-quan, giặc nó không nỡ giết nào, nên liệu mà tự toàn lấy mình. »

Tùng-Chu cười mà rằng : « Dù văn, dù võ, ai cũng một lòng trung ái cả, chờ có phân biệt chi ? Tướng quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay tận trung với vua hay sao ? » Nói rồi lui về dinh, uống thuốc độc mà chết.

Tinh than rằng : « Ông này lại hơn ta một chục l » Liền thân đến liệm táng cho Tùng-Chu tử tế. Cách hai hôm sau, Tinh mặc triều-phục lên lầu hội các tướng bảo rằng : « Ta nhờ có các tướng đồng tâm mới giữ được thành mà chống nhau với

giặc. Nhưng nay lương cạn, lực cùng, giữ cũng không được nữa, thôi thì ta liều mình chịu tháp, chờ không làm khồ tướng sĩ mãi nữa. » Các tướng nghe nói, ai cũng thương xót, đứng chung quanh lầu mà khóc. Tinh khoa tay bảo các tướng lui ra, rồi sai Phó-tướng Nguyễn-văn-Biện châm lửa. Biện cũng khóc mà chạy. Tinh bấy giờ đang hút thuốc lá, lấy tàn ném xuống đống thuốc súng. Lửa tức thì bốc lên mà tháp. Thống-binh Nguyễn-tấn-Huyễn ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa mà chết theo, hôm ấy là ngày 27 tháng 5 năm Tân-dậu.

Điệu đem quân vào thành, trông thấy cũng rõ nực mắt, sai làm lễ niệm tang tử tế. Còn các tướng-sĩ trong thành, không giết hai người nào cả. Nhưng bọn tướng-sĩ sau đều lén về, không có một người nào chịu ở theo giặc.

Đức Thế-tồ nghe tin Võ-Tinh, Ngô-tùng-Chu tử tiết, thương khóc than rằng : « Toàn tiết như thế, dẫu Trương-Tuấn, Hứa-Viễn ngày xưa, cũng không hon được ! »

Gia-long nguyễn niên, sai lập đền thờ ở nền cũ lầu Bát-giác, truy tặng Tinh làm Đức-vận công-thần Thái-úy Quốc-công; Chu làm Tân-trị công-thần Thái-tử thái-sư Quận-công; Huyên được tặng làm Chưởng-co. Năm Minh-mệnh thứ 12, truy phong Tinh làm Hoài Quốc-công; Chu làm Ninh-hòa Quận-công, đều được phổi hưởng ở nhà Thái-miếu.

36.— Nguyễn-văn-Thành

Nguyễn-văn-Thành trạng mạo khôi ngô, tính thâm trầm, cương nghị. Chăm đọc sách, giỏi võ nghệ. Tồ-tiên trước ở Thừa-thien; cha là Hiền dời vào ở Gia-dịnh.

Đời vua Duệ-tôn triều Nguyễn. Tây-sơn Nguyễn-văn-Nhạc khởi binh cướp Bình-thuận. Hiền mộ quân hương-dũng theo di đánh giặc, khi ấy Thành cũng ứng mộ theo cha, đóng quân ở Cầu-giang. Tống-phúc-Hợp sai Hiền đem và nghìn quân đi tải lương, Thành cũng theo di. Lúc đang đi nửa đường, quân lính già nửa mắc đội thóe, không kịp phòng bị, thì có quân giặc đồ ra đánh chẹn ngang đường. Hiền thấy quân giặc kéo ập đến, liền vẫy Thành lui tránh đi. Thành lén ra đằng sau trận, sai những quân đội thóe, giò sào lên làm giáo, treo áo lên làm cờ, vòng ra đằng trên Sa-đồng, vừa đánh trống vừa reo mà kéo lên. Giặc ngỡ là có viện-binh kéo đến, phải tháo lui dần. Quan quân thừa cơ lại đánh được toàn thắng. Phúc-Hợp khen Thành

còn trẻ tuổi mà có trí khôn, thường cho 10 lạng bạc, và một cặp áo sa.

Đến sau, Hiền bị tử trận. Đức Duệ-tôn cho Thành làm cai đội, Thành đi chiêu tập được hơn 800 quân tráng dũng, theo Đỗ-thanh-Nhân thu phục được Sài-gon.

Năm Ất-tị, Thành theo đức Thế-tô sang Xiêm ở thành Vọng-các, lại giúp Xiêm đánh phá được Diển-diện, khi ấy vua Xiêm muốn giúp binh, Đức Thế-tô họp các tướng lại bàn. Thành tâu, rằng: « Quân Xiêm tàn ngược, không nên nhờ họ giúp nữa; nếu nhờ binh-lực của họ mà được thành sự, rồi tất có lo về sau. Không gì bằng hãy tĩnh đê đợi thời. »

Năm Đinh-mùi, Thành phụng mệnh đi đón Hà-hỉ-Văn, bị bạt phong giật vào Hà tiên, tuyệt lương, Thành giả làm thuyền giặc đi tuần, vào cửa bể cướp lương. Khi về đến nơi hành-tại ở Cù-lao Cồ-cốt, đức Thế-tô biết truyện cướp lương, quở trách Thành, truyền tổng giam, sau cho tung chinh. Khi quan quân thất lợi trận đánh ở Mỹ-tho, có kẻ xui Thành trốn về làng mà ở. Thành bảo rằng: « Vua, tôi nghĩa cả, dù sống, chết cũng phải giữ lấy; còn như sự thành, bại là tại giờ, ta liệu trước sao được. Vả lại nhân phải khiễn trách mà đi, nhân lúc bại-trận mà trốn, đó là kẻ tiêu-nhân phản phúc, ta không thèm làm. » Bèn cùng với lũ Hỷ-Văn 17 người, vượt bể di theo đức Thế-tô. Một hôm gặp bão to, gãy cả cột buồm, bạt phong giật vào cửa Bán-phố. Thành chạy vào trong làng, mượn được thuyền, nhờ được lương, lại vượt bể vào Long-xuyên, sau nghe tin đức Thế-tô đóng ở Ba-lai, bèn theo đến nơi xin đi chiêu tập quân nghĩa-dũng đê đánh giặc.

Năm Quý-sửu, đức Thế-tô ra thân chinh Qui-nhân, cho Thành làm Khâm-sai Bình-sou Tiền tướng quân đem bộ binh đi trước, đến đâu giặc đều tan vỡ cả. Khi ấy nghe tin Thái-úy giặc là Nguyễn-văn-Hưng đem quân tự Phú-xuân vào cứu viện Qui-nhân Thành bèn đem quân đến Thạch-tân án ngũ, năm trận đánh, quân giặc đều phải lui cả. Thành lại do đường bộ kéo đến họp với thủy-quân ở cửa Thi-nại, rồi phụng mệnh rút quân đến đóng ở Phú-an. Bấy giờ ai cũng sợ rằng quân giặc đuổi theo, Thành nói rằng: « Trong Qui-nhân, ngoài Thuận-hóa, đâu là thân thích, mà thực là cừu thù, chẳng qua mượn tiếng vào cứu-viện, mà kỳ thực là định nuốt nhau. Nhạc còn tự cứu không xong, nứa là đi đuổi theo người. »

Sau Nhạc quā nhiên phải lũ Hưng bức tử, lời Thành nói không sai.

Năm Đinh-tị, Thành phụng mệnh trấn thủ Diên-khánh, khi ấy có bọn giặc khách tàu-ô thường làm trở ngạnh ngoài bờ, Thành dụng mèo bắt được, đường bờ mới yên.

Năm Kỷ-mùi, Võ-Tinh trấn thủ Qui-nhân, bị quân giặc vây, Thành phụng mệnh điều khiển các đạo bộ-binh ra cứu viện, phá tan các đồn giặc. Quân giặc phải lui giữ Chủ-sơn, Thành đánh mãi không vỡ, sau Thành dò được con đường tây, nam, có thể đánh tập hậu được, bèn vẽ hình thế dâng biểu xin thêm quân.

Đức Thế-tồ sai Tống-viết-Phúc, Lê-văn-Duyệt đem thêm quân đến Thị-dã, đều theo tiết chế Thành. Thành bèn lưu Duyệt đóng quân án ngữ ở Thị-dã, mà Thành thì đem quân qua núi Bột-khê, hơn hai trăm dặm đường, cứ rấn cơn mưa mà đi, vòng qua Đăng-trại đến sau lưng đồn giặc phóng hỏa đốt trại. Mặt trước Lê-văn-Duyệt thừa thắng đánh ập vào. Quân giặc tan chạy.

Trận này, Thành và Duyệt cùng làm đại-tướng, cưỡi voi cẩn cờ, trả bảo các tướng. Thành tinh hay rượu, lúc sắp vào trận, cầm hổ rót uống, lại rót một chén đưa cho Duyệt, bảo rằng : « Uống chén này lại càng hăng hái thêm lên. » Duyệt cười mà rằng : « Có nhất, thì mới phải mượn rượu, chờ như trong con mắt tôi chẳng cho quân giặc vào đâu, cần gì phải mượn rượu. » Thành có ý thiện, bởi thế căm giận Duyệt.

Khi ấy, Thế-tồ sắp khởi trận hỏa-công ở cửa bờ Thi-nại, bèn mật báo Thành đem bộ-binh đêm đánh trận giặc, để cho quân giặc mải chống giữ; thì mặt quân-thủy đánh xông vào. Võ-văn-Dũng phải bỏ thủy-dồn mà chạy.

Khi Thế-tồ đem thủy-quân ra đánh Phú-xuân, lưu Thành đóng quân ở Vân-son, để chống nhau với giặc. Lại sai đem ấn sắc đến nơi quân-thủy phong cho Thành trước Quận-công.

Thành cùng Duyệt hội quân hai mặt đánh thành Bình-định. Diệu, Dũng hết lương ăn, đương đêm bỏ thành lén qua đường rừng trốn chạy. Thành chiêu hàng dư-dâng được 3000 người, phụng mệnh ở lại trấn thủ.

Thành học sách vở thông thái, am hiểu chính-thể, trong hàng chư-tướng, đức Thế-tồ trọng Thành hơn cả; không cứ việc nhón, việc nhỏ, thường hỏi đến Thành để quyết định.

Tháng bảy năm Nhâm-tuất đức Thế-tồ định xong Bắc-thành, triệu Thành cho làm Tống-trấn, cả thảy 11 trấn đều thuộc về cả.

Năm Gia-long thứ bảy, Bắc-thành bốn trấn nồi giặc, giả danh tôn Lê. Thành làm khúc hát « Điem-mê » để hiều dụ. Dân gian có người làm khúc « Tố-khuất », đồ tội quan-lại nhũng nhiễu, cho nên nồi giặc. Thành sức các địa-phương quan đi hiều dụ khắp mọi nơi, và sai các tướng tiễn tiễn, đều dẹp yên cả.

Năm thứ mười, Thành phụng mệnh sung chức Tống-tài sửa lại luật lệ, định thành 20 quyển, 398 điều, tâu xin in cả đề thi hành.

Năm thứ mười ba, gặp tang đức Thừa-thiên hoàng-hậu (sinh ra ông hoàng-tử Cảnh), đức Thế-tồ muốn để ông hoàng-tử đệ tử (đức Minh-mệnh) làm thừa tự, vào chủ tế. Thành ngại rằng lòng văn tế khó xưng hô, đức Thế-tồ bảo rằng : « Con phụng mệnh cha, để mà tế mẹ, danh chính ngôn thuận, can gì mà không nên. » Nhưng Thành vẫn có ý bất mãn. Sau có khi đương buồ triều, đức Thế-tồ hỏi Thành rằng : « Nay hoàng-tôn Đán (con ông hoàng-tử Cảnh) còn nhỏ, trong hàng các con, nên lập ai là phải ? » Thành thưa rằng : « Địch-tôn thừa trọng, mới là chính lễ. Nay bệ-hạ muốn chọn người khác, biết con chẳng ai bằng cha, chúng tôi không dám dự đến việc đó, »

Từ đấy Thành vào triều kiến, thường tâu xin lập ngôi chư-nhị⁽¹⁾, đức Thế-tồ nín nręng. Thành lại càng nghi sợ.

Con Thành là Thuyên đồ Cử-nhân khoa Quý-dậu, hay làm văn thơ, giao thông tân khách, nghe thấy Nguyễn-văn-Khuê, Nguyễn-đức-Nhuận là người Thành-hóa, hay chữ có tiếng, mới làm một bài thơ sai tên môn-hạ Nguyễn-trương-Hiệu cầm ra mời vào chơi. Hiệu đem bài thơ ấy đưa cho Hình-bộ Thiêm-sự Nguyễn-hựu-Nghi. Nghi vốn oán Thành, xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê-văn-Duyệt. Duyệt với Thành hai người vốn không hòa với nhau, mới cầm bài thơ vào triều mật tâu : « Thuyên làm thơ có ý bội nghịch⁽²⁾. » Đức Thế-tồ cũng không hỏi chi. Sau Hiệu cứ giữ bài thơ ấy làm chứng, đón Thành đi chầu về, nắm áo đòi tiền hối-lộ. Thành bất đắc dĩ phải bắt Hiệu và Thuyên tổng ngục, liền vào chầu tâu vua, đức Thế-tồ

(1) Là ngôi Thái-tử.

(2) Trong bài thơ có câu kẽ : « Thủ hồi nhược đắc son trung Tề, tá ngã kinh luân chuyền hóa ky. » Nghĩa là : Hồi này nếu được Tề tướng trong núi, giúp ta kinh luân chuyền động cơ trời.

cho là chứng có chưa rõ, tha tội cho Thuyên, mà Thành vẫn tại chức như cũ.

Sau lại có kẻ hạch Thành bắt pháp, Lê-bộ bác hành không lược dự tể Nam-giao. Đức Thế-tồ lại sai Lê-văn-Duyệt xét lại án người Thuyên. Thuyên phải thú phục. Thành sợ hãi xin chịu tội. Quần thần đều xin đem Thành tống ngục. Đức Thế-tồ nói rằng: « Thành dẫu có tội, nhưng cứ lẽ đãi kẻ đại-thần, phải nên xử một cách riêng. » Bèn sai thu cả ấn sắc của Thành, cho về ở nhà. Quần-thần lại tâu: « Cha con Thành, cứ phép nên xử tử. » Gặp khi ấy ngoài Bắc-thành kết án Lê-duy-Hoán mưu phản, đệ vào kinh để Hình-bộ xét lại. Duy-Hoán lại chiêu xưng là tự Thuyên xui làm phản. Đinh-thần xin bắt Thành và cả các con giam ở nhà Thị-trung quân-xá. Các đinh-thần họp lại tra hỏi Thành có làm phản không? Thành thưa rằng: Không. Khi Thành trở ra, bảo quan Thống-chế Hoàng-công-Lý rằng: « Thế là thành áu rồi, vua bắt tội chết, tôi không chết, không phải là trung-thần. » Rồi liền uống thuốc độc mà chết, thọ 60 tuổi. Khi ấy có tên lính thư-lại nhặt được tờ biếu trần-tình của Thành để lại, Hoàng-công-Lý đem dâng lên, trong tờ biếu có câu rằng: « Sớm rèn tối luyện, kết thành tội cực ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ có chết mà thôi. » Đức Thế-tồ xem tờ biếu, thương tình, sa hai hàng lụy, rồi phán Lê-bộ xuất tiền kho làm ma túy.

Thành có tài lược kiêm cả văn, võ, làm trận dùng binh, định mưu trước rồi mới đánh, cho nên ít khi thua, huân lao rất to. Còn như mưu mò việc miếu đường, Thành điều trần được nhiều việc, đều thử đệ thi hành cả, thực là có mưu xa kinh lý việc nước.

Năm Minh-mệnh thứ mười bốn, nghịch Ngôi khởi loạn ở thành Phiên-an, vì có tên Hàm (con Thành) tung ngụy, xuống chiêu bắt cả lũ con Thành giết sạch. Đến năm Tự-đức mới lại được truy phục chúc trước.

37. — Lê-văn-Duyệt

Lê-văn-Duyệt tổ-tích nguyên người Quảng-nghĩa, cha là Toại, thiền cư vào ở Định-tường, sinh được 4 giai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn người ái-uữ, hình thể ngắn ngủi, nhưng

có tài tinh nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14 15 tuổi, thường than rằng : « Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ gióng trống làm đại-tướng, để lưu công danh ở sử sách, thì không phải là tài giai. »

Năm Canh-tí, đức Thế-tồ lên ngôi vua tại Gia-định, Duyệt mới 17 tuổi, được suy vào làm Thái-giám nội-dinh, sau được thăng làm cai-cơ, quản hai đội quân thuộc-nội, theo hầu đức Thế-tồ sang Xiêm-la.

Năm Đinh-mùi, đức Thế-tồ về thu phục Gia-định, Duyệt thường theo đi chiến trận, cùng chư-tướng bàn-luận việc binh, đức Thế-tồ thấy vậy lấy làm trọng, thung dung hỏi rằng : « Người cũng biết việc binh à ? » Duyệt thưa rằng : « Biết ». Đức Thế-tồ nói : « Binh-cơ là việc lớn, người sao nói khinh dại làm vậy ? » Duyệt thưa : « Sơn-tặc là quân vô-dạo không bao lâu nữa cũng tự-diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không cho gì làm khó cả ».

Nhân xin mỗ binh theo về cánh Tả-quân, rồi phụng mệnh ra đánh Qui-nhơn, được thăng làm thuộc-nội vệ-úy, theo về quân Thân-sách.

Năm Kỷ-mùi, đức Thế-tồ sai Duyệt và Tống-viết-Phúc đem quân ra án ngữ Bình-dề. Khi ấy đức Thế-tồ nghe tin có mấy vạn quân Tây-sơn kéo vào đánh, ngài sai Trung-sứ ra hỏi tình trạng. Duyệt cùng Viết-Phúc tâu rằng : « Có hai chúng tôi ở đây, chẳng lo sợ gì giặc. » Lại trả núi trước mặt nói rằng : « Đây là chốn hai chúng tôi cùng liều sống thác với giặc đó. » Trận ấy quả nhiên thu phục được Qui-nhơn.

Năm sau, tướng Tây-sơn lại vào vây Qui-nhân, quan quân ra cứu viện chỉ lệnh đánh ngoài bờ, không đánh vào được cửa bờ Thi-nại. đức Thế-tồ muốn dùng chước hỏa-công, bèn sai Duyệt cùng Võ-di-Nguy đem thủy-quân xông vào đánh, quân giặc ở trên đồn bắn xuống như mưa, Di-Nguy bị đạn ngã lăn xuống nước. Duyệt cũng không doái lại nhìn chi, chỉ gác súng xông vào mà đánh. Đức Thế-tồ thấy tướng-sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiều-sai truyền dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất định xin liều chết mà đánh, bảo tên tiều-sai rằng : « Tôi xin cứ tiến vào, chờ không lui. » Liền thúc quân xông vào cửa bờ, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này ở sử cho là một trận *võ-công đê-nhất*, khi ấy là 19 tháng riêng năm Tân-dậu.

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế-tồ đem quân ra đánh ấp Phú-xuân, nhưng ngài còn dùng dũng chưa quyết, Duyệt

tâu rằng : « Việc binh qui hồ thắn **tốc**, mưu mô cốt phải quả quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mỏi mệt mà vô công ; tiến ra lấy được Phú-xuân, thời thành Bình-dịnh này không phải đánh mà túc khắc giải vây ; đó là một trước đánh cờ thí xe vây ». Đức Thế-tò nghe lời, quả nhiên thu phục được Phú-xuân.

Năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên niên, Duyệt được thăng làm Khâm-sai chưởng Tả-quân doanh Bình-sơn lướng quân, tước quận-công, cùng Lê-chất đem binh-bộ đi tiên phong, dẹp yên Bắc-hà.

Khi ấy có vua Chân-lạp là Nặc-chân phải Xiêm-la đánh duỗi, chạy sang Gia-dinh. Đức Thế-tò cho Duyệt vào làm Tông-chấn Gia-dinh, để điều đình xử chí việc Xiêm, Lạp, và đưa Nặc-chân về nước. Duyệt tâu xin dắp thành Nam-vang (Pnom-Penh), thành Lur-yêm để lưu quân bảo hộ Chân-lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tì-tướng, thường phải theo tiết chế Nguyễn-văn-Thành. Lúc lâm trận, tính Thành hay trì trọng, mà Duyệt thì quả cảm hăng hái, thường lập được công to, uy danh lừng lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành ghét Duyệt là người quyến giới, bởi thế hai người không hòa với nhau.

Khi ấy có người Thành-hóa là Nguyễn-bựu-Nghi trước làm môn-khanh Nguyễn-văn-Thành, vì phải quở trách, trốn sang làm môn-hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn-trương-Hiệu sang theo hầu Thuyên là con Thành, để rình xem Thuyên làm chừng điều gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ đem đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng : « Con Thành là Thuyên làm thơ chiêu dụ người đồng quận, lời rất bội nghịch. » Duyệt tin lời Nghi, mật đem bài thơ ấy tâu vua ; việc án Thuyên gây ra từ đó.

Năm Minh-mệnh nguyên niên, Duyệt lại vào trấn thủ Gia-dinh, dẹp yên giặc sứ Kế ở Chân-lạp.

Năm Minh-mệnh thứ 13, Duyệt thấy ngoài Bắc-thành, chia thành tỉnh, bãi chức Tông-trấn ; chỉ duy Thành Gia-dinh còn có Duyệt cho nên chưa bãi. Duyệt ngãm mình già yếu, dâng sớ xin từ chức, vua không cho.

Ngày 30 tháng 7 năm ấy, (1832) Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự chuyên, dụng binh bay quá lạm. Nhưng một

lòng bão quốc, phần chấu chẳng nghĩ chi đến mìn, vậy nên được lòng kẻ tướng-sĩ, đem quân đi đánh, không thua trận nào.

Thủy chung bốn lần đi dẹp giặc mán Vách-đá ở Quảng-nghĩa, quân mán rợ đều khiếp sợ uy phong, bẽ kéo quân đến thì giặc mán đều tan trối cả.

Khi ra kinh lược Thanh, Nghệ, những kẻ đào-phạm ở Bắc-thành cùng kẻ thồ-tù ở mặt thượng-dao đều về đầu thú.

Hai lần trọng trấn Gia-dịnh, hưng lợi, trừ bại, dẹp giặc, yên dân, uy danh lừng lẫy, người Xiêm khiếp sợ, hễ khi nào có sứ bộ sang, thì người Xiêm lại hỏi thăm rằng : « Lê-công có được mạnh khỏe không ? »

Duyệt mất rồi, thành Gia-dịnh đổi tên là Phiên-an, đặt ra Tông-đốc, Bố-chính, Án-sát, Lãnh-binh. Khi ấy Bố-chính là Bạch-xuân-Nguyên sách nhiều tham lam, tự xưng là phụng mật-chỉ truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lũ Lê-văn-Khôi⁽¹⁾ là bộ-hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản ; đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh-mệnh thứ 14, Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc-thuận⁽²⁾ 27 người vào thành giết Bố-chính Bạch-xuân-Nguyên, và Tông-đốc Nguyễn-văn-Quế, chiếm giữ thành Phiên-an. Quan quâ đánh mãi không phá được, đến năm Minh-mệnh thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh-mệnh truy trách là tại Duyệt nuôi lũ phỉ-dảng để gây nén vạ. Các quan nội-các đều dâng sớ kê tội Duyệt. Đinh-thần nghĩ xử kết án Duyệt đáng tội chém 7 diều, tội giảo 2 diều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan tuộc, cuốc phẳng mộ-địa, dựng bia để tám cao : « Quyền yểm Lê-văn-Duyệt thụ pháp xứ. » Con nuôi và cháu là Hán, Yên Tề đều phải xử tử.

Mộ Duyệt ở Gia-dịnh, từ đấy thường khi giờ tối, đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng quỉ khóc, hoặc tiếng người, tiếng ngựa ồn ào, nhân dân ở đấy không ai dám đến gần. Đến sau sai quan địa-phương bỏ cái bia dựng ngày trước đi, và cho con cháu được xây mộ lại, thì tiếng khóc ban đêm mới thôi.

(1) Là thồ-mục Cao-binb, mộ binh theo Duyệt vào Gia-dịnh, làm Phó-vệ-úy.

(2) Là những thủ-đinh ngoài Bắc, Duyệt mua làm lính cờ ở Bắc-thuận.

CHƯƠNG THỨ VI

Các vị thần linh-úng

38. — Sứ-dồng-Tử

Về đời vua Hùng-vương thứ ba. Vua có một người con gái tên là Tiên-Dong, mới 18 tuổi, nhan sắc xinh đẹp, không muốn lấy chồng, chỉ thường hay đi chơi các sông núi xem phong cảnh. Vua yêu nàng ấy, mặc ý cho đi chơi không cấm. Mỗi năm trong tuần tháng hai tháng ba, bơi thuyền chơi ở mạn sông làng Chử-xá, (tức là làng Chử-xá, huyện Văn-giang bây giờ).

Ở làng ấy có một người tên là Sứ-cù-Vân và người con là Sứ-dồng-tử. Hai cha con thiên linh từ biếu, gặp khi nhà phải hỏa tai, của cải hết sạch cả, chỉ còn một cái khố vải, cha con thay đổi nhau, ai đi đâu thì đóng. Đến khi Cù-Vân phải bệnh, dặn con rằng :

— Tao mà chết đi rồi, thì cứ táng trần cho tao, còn cái khố đấy để cho mày.

Cù-Vân mất, Sứ-dồng-tử không nỡ để cha chết truồng, lấy khố quàng cho cha rồi mới chôn. Còn mình thì trần truồng, đói rét khóc sobs, ngày ngày đứng nán hình bên sông, chờ có thuyền buôn qua lại thì xin, hoặc là câu cá bán để độ thân.

Một hôm, nàng Tiên-Dong bơi thuyền đến chơi bến làng Chử-xá, chiêng trống om thòm, đàn sáo rầm rĩ, cờ tàn rợp đất, linh tráng rất đồng. Sứ-dồng-tử trông thấy sợ hãi ẩn vào trong bãi lau sậy, cào cát lên nép mình xuống dưới, rồi lại lấy cát trùm lên trên.

Tiên-Dong bơi thuyền đến bến ấy, nhìn trông phong cảnh vui đẹp, mới lên bãi cát đứng xem, thấy chỗ ấy sạch sẽ, giăng màn từ vi trên bãi cát để tắm, Tiên-Dong vào màn, cởi áo xiêm tắm lấp một hồi lâu, giội nước trôi cát, Sứ-dồng-tử chồi lên. Tiên-Dong trông thấy giật mình, nhìn ra biết là người con gái, mới gọi hỏi cớ làm sao, thì Đồng-tử cũng thú thật cả đầu đuôi làm vậy.

Tiên-Dong bảo rằng :

— Ta nguyên không muốn lấy chồng, nay sự đã thế này, tất là Nguyệt-lão xe duyên đây

Mới sai Đồng-tử tắm táp, ban cho quần áo, đem xuống thuyền ăn yến vui vẻ. Người trong thuyền ai cũng cho là sự kỳ dị.

Đồng-tử nhất định xin từ, không giám lấy, Tiên-Dong bảo rằng :

— Thiếp với chàng là tự giời xe duyên, can gì mà từ.

Đồng-tử từ mãi không được phái nghe. Từ bữa ấy hai người kết làm vợ chồng.

Có người về tâu với vua Hùng-vương, vua nồi dận nói rằng :

— Tiên-Dong không biết tiếc danh giá, chơi bời đường-xá, lấy kẻ nghèo hèn, còn mă mũi nào mà nhìn đến ta!

Tiên Dong vì thế sợ hãi không dám về, mới cùng với Đồng-tử lập ra phố xá buôn bán với dân. Buôn bán mỗi ngày một thịnh, dần dần thành ra một làng. Các khách buôn bán ngoại-quốc qua lại, ai cũng coi bà Tiên-Dong làm chủ cả vùng ấy.

Có một người lái buôn bảo với Tiên-Dong rằng :

— Nếu được trăm cân vàng, cho người đi với tôi ra ngoài bể, buôn những cồ quí sang năm tất được lãi gấp mười.

Tiên Dong mừng rỡ, bảo với Sứ-dồng-tử rằng :

— Vợ chồng ta là tự giời dắt lại, cơm ăn áo mặc cũng là tự giời cho, vậy thì chàng nên đem vàng ra bể mà buôn.

Sứ-dồng tử đem vàng đi với người lái buôn ra ngoài bể, đến núi Quinh-lăng, trông lên trên núi có một am nhỏ. Đồng-tử trèo lên xem phong cảnh. Trong am có một nhà sư còn trẻ, tên là Phật-Quang, thấy Đồng-tử có cách diệu thần tiên, muốn truyền phép cho Đồng-tử. Đồng-tử ở liền ngay dậy học đạo. Được hơn một năm, Đồng-tử trở về, Phật-Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón, và dặn rằng :

— Phép linh thông ở cả cái gậy và cái nón này.

Đồng-tử vắng lánh từ về, đem đạo Phật về dậy Tiên Dong, Tiên-Dong tỉnh ra, mới bỏ cửa hàng buôn, hai vợ chồng rủ nhau đi học đạo. Một hôm đi xa, giờ đã tối mà chưa đến chỗ dân cư, mới tạm cõng gậy và che cái nón ở đoc đường để nghỉ. Cảnh ba đêm hôm ấy, bỗng dung hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện cát, kho, tàng, dinh, phủ, vàng bạc, châu báu, giường sập, màn, trướng, lại có tiểu-dồng, ngọc-nữ tướng-sĩ thị vệ, hầu hạ xung quanh.

Sáng ngày mai, ai ai trông thấy cũng lấy làm lạ lùng kinh hãi, tranh nhau mang hương hoa ngọc-thực dến dâng. Lại có đủ văn-quan, võ-tướng, chia quân canh giữ các cửa thành, tựa hồ một nước.

Vua Hùng-vương thấy truyện làm vậy, cho là làm loạn, sai quan quân đến đánh. Khi quan quân sắp đến nơi, chúng tâu xin đem binh ra cự.

Tiên-Dong cười nói rằng :

— Việc này không phải tại ta làm ra, bởi tự giờ xui nên thế. Ta dù sống chết đã có giờ, dám đâu cự nhau với cha ? Ta chỉ thuận theo lẽ phải, mặc ý cha ta giết chết cũng cam tâm.

Khi quan quân tiến đến, đóng ở châu Tự-nhiên, (bây giờ gọi là Khoái-châu-phủ), còn cách bên này một con sông. Giờ đã tối, quân chưa kịp sang sông. Đến nửa đêm, bỗng nhiên giờ nồi đồng gió, bay cát đồ cây, rồi thì cả một khu bà Tiên-Dong ở, cửa nhà, người, giống súc vật, trong một lúc bay cả lên giờ ; chỉ còn bãi đất không ở lại trong đầm mà thôi. Bởi thế bấy giờ là bãi Tự-nhiên, đầm ấy gọi là đầm Nhất-dạ (một đầm).

Dân ở đây thấy sự lạ lùng, mới lập miếu để thờ. Về sau, vua Triệu-việt-vương đóng binh trong đầm, cự nhau với quân nhà Lương. Tướng nhà Lương là Trần-bá-Tiên đánh mãi không được. Đến lúc Bá-Tiên trở về, ủy cho lí-tướng là Dương-Sàn vây đánh. Triệu-việt-vương thiết đòn trong đầm cầu khẩn, xin thần giúp cho. Bỗng thấy một ông thần (tức là Sứ-dồng-tử) cuối rồng xuống đòn, bảo rằng :

— Ta tuy đã lên giờ, nhưng uy linh vẫn còn ở đây, ngươi có lòng thành cầu đến ta, vậy ta xuống giúp.

Nói đoạn, nồm một cái vuốt chân rồng, trao cho Triệu-việt-vương và dặn rằng :

— Người lấy cái vuốt rồng này, cầm lên chỏm mũ đâu-mâu, thì đi đến đâu, giặc phải tan đến đấy.

Nói vừa rút nhòi, rồng bay vụt lên giờ biến mất. Triệu-việt-vương nghe nhòi, cầm vuốt rồng lên trên chỏm mũ, tự bấy giờ sức khỏe mạnh hơn trước, thanh thế mỗi ngày một to, mới đem quân ra đánh nhau với Dương-Sàn, chém được Dương-Sàn tại trước trận, quân nhà Lương phải tan chạy hết về Tàu.

39. — Phù-dồng thiên-vương

Về đời vua Hùng-vương thứ sáu, thiên-hạ thái-bình, dân-gian giàu có; vua không triều cống với nhà Ân bêu Tàu. Vua nhà Ân thấy vậy, giả tiếng đi tuần thú, muốn đem quân sang cướp nước Nam.

Vua Hùng-vương lo sợ, vời quan-thần vào hỏi mèo đánh
giữ, có người phuơng-sĩ thưa rằng :

— Bệ-hạ nên kêu khẩn với Long-quân, thì ngài sai thiền-tướng xuống giúp mới xong.

Vua nghe nhời, lập dàn làm chay, cúng cấp ba ngày cầu khẩn. Bỗng đâu giờ nồi cơn dông, sấm sét àm àm, mưa như trút nước. Rồi có một ông cụ già, cao lớn 9 thước, mặt mũi to nhơn, đầu bạc râu trắng, ngồi ở ngã ba đường cái, vừa cười vừa nói, ngợi hát múa mènh.

Ai trông thấy cũng cho làm lạ, mời vào tâu vua. Vua thân hành ra mời ông cụ ấy đến chỗ dàn làm chay, dâng cơm rượu thiết đãi. Ông cụ ấy không ăn uống và cũng không nói năng câu gì.

Vua hỏi rằng :

— Sắp có giặc Bắc xâm phạm nước Nam, được thua thế nào, xin cụ bảo cho.

Ông cụ lâu mãi mới nói rằng :

— Sau ba năm nữa, giặc Bắc tất kéo đến đây. Nhà vua nên tìm khắp cả thiên-hạ, mà cầu lấy người kỳ-tài, phá được giặc, thì nên chia đất phong tước cho người ta, truyền mãi vô cùng. Nếu được người giỏi phá giặc không khó gì nữa.

Nói đoạn, bay vụt lên giờ biến mất.

Vua lấy làm lạ, mời tuân nhời ấy, sai sứ đi khắp trong nước cầu người tài. Bấy giờ ở làng Phù-đồng, huyện Võ-ninh, (bây giờ là Võ-giàng) có một ông nhà giàu, ngoại 60 tuổi, chỉ sinh được một người con gai, lên ba tuổi chưa biết nói, mà chỉ nằm ngửa, không ngồi đứng lên được. Khi sứ-giả đi cầu người tài, đến làng ấy, người mẹ cười mà nói bỗn con rằng :

— Đέ được một chút con gai, chỉ biết ăn uống, ngồi đứng không được, thì đánh thế nào được giặc, đέ mà lĩnh thưởng của vua, đền công sinh dưỡng cho cha mẹ.

Người con nghe vậy, bỗng nhiên biết nói, bảo mẹ gọi sứ-giả lại đây. Mẹ lấy làm lạ lùng, bảo với người láng giềng. Người láng giềng thấy lạ truyện, xui người nhà thử gọi sứ-giả xem ra làm sao.

Khi sứ-giả đến, trông thấy người con bé, hỏi rằng :

— Tiều-nhi kia, gọi ta đến làm gì ?

Tiều-nhi ngồi ngay dậy, bảo với sứ-giả rằng :

— Sứ-giả trả về cho mẹ, tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa sắt, cao 18 thước ; một thanh kiếm dài 7 thước ; và một

cái nón sắt, đem lại đây cho ta. Giặc đến trông thấy ta, tự nhiên phải sợ mà chạy, vua can gì phải lo ?

Sứ-giả mừng lầm, về tâu với vua.

Vua mừng rõ bảo quần-thần rằng :

— Đây là Long-vương cứu ta đây ! Năm ngoái ông cụ già nói truyện, quả nhiên không sai, các ngươi chờ hổ nghĩ gì nữa !

Vua lập tức sai thợ rèn đúc ngựa sắt, kiếm sắt đến, sai người đem lại đưa cho Tiêu-nhi, Sứ-giả sắp đến, mẹ ở nhà lo lầm, chỉ sợ con nói xằng thì vạ lây đến cả nhà.

Tiêu-nhi cười ầm lên nói rằng :

— Mẹ cứ kiếm rượu thịt cho nhiều, cho tôi ăn uống, còn việc đánh giặc, mẹ không phải lo.

Tiêu-nhi tự bấy giờ mỗi ngày một nhỡn, cơm ăn áo mặc lốn lazel, mẹ tuy nhà giàu mà cũng không đủ nuôi cho con ăn, hàng xóm láng-diềng, phải tu cắp giúp thêm ; nào kẻ đỗ tiền thóc, người dâng rượu thịt, mà ăn vẫn không được no ; vải lụa nhiều thế nào cũng mặc không đủ ; cửa nhà ở cũng không vừa, phải ken cổ lau lợp một cái nhà to để ngài ở.

Khi giặc Ân kéo đến núi Châu-sơn, (thuộc về huyện Tiên-du), thì sứ-giả đem ngựa kiếm đến nhà giao cho ngài. Ngài vươn vai đứng lên, cao hơn 2 trượng, ngang mặt lên giờ, gầm lên vài mươi tiếng, rồi rút thanh kiếm cầm trên tay quát lên rằng :

— Ta là thiên-tướng nhà giờ đây !

Lập tức đội nón nhảy lên ngựa, quất ngựa tể đi. Ngựa hét ra lửa mà chạy như bay, chỉ chớp mắt đã đến chỗ quân đóng. Ngài trỏ gươm đi trước, quan quân kéo theo sau, tiễn sát đến trại giặc. Giặc bày trận ở dưới chân núi Châu-sơn, ngài xông vào trận đánh giết một hồi lâu, gãy mất cả kiếm, mới vò lấy tre ở bên cạnh đường, cầm cả láng tre mà quật vào đám giặc. Quân giặc tan nát bồ đất lở ngói tan, tranh nhau lạy phục xuống đất, kêu rằng :

— Lạy ngài, ngài là thần tướng trên giờ, chúng tôi xin chịu hàng cả.

Khi đánh đến núi Ninh-sóc, thì giặc đã tan hết cả rồi, ngài mới cởi áo bỏ dãy, rồi cưỡi ngựa bay lên giờ. Đến bây giờ vẫn còn dấu người, ngựa ở trên núi.

Vua nhớ công, không biết lấy gì báo được, mới phong ngài làm Phù-dồng thiên-vương lập miếu thờ ngay ở vườn nhà ngài

khi trước, ban cho dân một trăm mẫu ruộng tự-diễn bắt phải bốn mùa cúng tế.

Từ đấy, giặc Bắc không dám sang xâm phạm nữa. Bốn phương nghe truyện làm vậy, đâu đâu cũng hòa hiếu với nước Nam.

Đến đời nhà Lý, gia phong làm Sung-thiên thần-vương. Nay giờ vẫn còn thờ ở làng gióng, mà tượng thì tó ở trên núi Vệ-linh, mỗi năm đến tháng tư, dân làng ấy mở hội to lǎm.

Những tre ngài nhô lên đánh giặc, nay giờ thành rừng ở huyện Gia-bình, gọi là tre Đắng-ngà.

Chỗ con ngựa thét ra lửa, cháy mất một làng, cho nên bây giờ làng chỗ ấy gọi là làng Cháy.

40. — Tân-viên sơn-thần

Núi Tân-viên thuộc về huyện Phúc-lộc (nay giờ là huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây), có ba tầng cao chót vót, hình như cái táo, cho nên gọi là núi Tân-viên.

Tục truyền thần núi ấy khi xưa là dòng dõi vua Lạc-long. Nhà nghèo, vào rừng kiếm củi, chặt một cây cồ-thụ, hôm sau lại có sao Thái-bạch xuống cùi cây ấy sống lại, rồi cho ngài một cái gậy, và dặn rắng : « *Gậy này có phép cứu được bách bệnh cho người ta, hễ ai ốm đau, chỉ cầm gậy gỗ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người đê cứu dân độ thế.* » Ông ấy nhận cái gậy, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua bờ sông thấy lũ trẻ chăn trâu, đánh chết một con rắn. Ông ấy trong trên đầu con rắn có chữ vương, biết là rắn lạ, mới cầm gậy gỗ vào đầu rắn, thì con rắn ấy sống lại, bỏ xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con gái, đem đồ vàng, ngọc, châu báu đến nói rắng :

— Thưa ông, tôi là Tiêu-long-hầu, con vua Long-vương bắc Nam. Bữa trước, tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết, nhờ có ông cứu cho mới được sống, vậy tôi có cửa này đến tạ ơn ông.

Ông ấy nhất định không lấy, Tiêu-long-hầu mời cố mời ông ấy xuống chơi dưới bè, đưa ra một cái ống linh tè, để ông ấy về nước đi xuống. Long-vương thấy ngoài xuống chơi, lấy làm mừng lắm, mò tiệc thật dài ba ngày, rồi đưa tiền những của quý

lạ, ông ấy cũng nhất định không lấy gì cả, Long-vương mời biếu một quyền sách ước, ông ấy nhận sách đem về, giờ ra xem, muôn ước phép nào cũng được. Từ bấy giờ cứu được cho dân nhiều lăm, mà các phép thần thông biến hóa, không thần thánh nào theo kịp.

Khi ngài đã thành thần rồi, đi qua cửa bờ Thần-phù lên mạn ngược, lùm chồm cao ráo phong quang, và được thói dân thuần hậu thì mới ở. Khi đến Thăng-long, xem dân tình ăn ở phù hoa, không bằng lòng mới bỏ mà lên huyện Phúc-lộc, thấy chỗ ấy có núi Tản-viên, ba tùng núi xòe xòe, hình như cái lán, phong cảnh vui vẻ, thần mới hóa phép làm một con đường về phía Nam núi, thẳng tự bến Phan-tần đến Tản-viên. Đường qua cánh đồng làng Vệ-đồng và làng Nham-toàn, hóa phép hiện ra lâu dài để nghỉ ngơi. Lại qua cánh đồng Thạch-bạn, Vân-mộng, rồi lên mãi tùng núi cao nhất để ở.

Thần tự khi ở núi ấy, thường thường ra chơi sông. Tiêu-hoàng xem cá. Chỗ nào có phong cảnh đẹp cũng đến chơi. Chơi đến đâu lại hiện ra đền dài đền dãy để nghỉ ngơi. Các làng trông thấy chỗ nào có dấu đền dài, thì lại lập đình miếu để thờ.

Bấy giờ vua Hùng-vương có người con gái tên là Mị-nương, nhan sắc rất đẹp, thần núi và vua thủy cùng hỏi xin lấy làm vợ, Vua Hùng-vương nói rằng :

— Một thuyền-quyên không có lề sánh được hai anh-hùng, vậy thì ngày mai, ai đem được dù đồ lề đến trước thì ta gả cho.

Sáng ngày mai, thần Tản-viên đem những đồ vàng bạc châu báu, cùng là các giống chim qui thù lạ lại dâng.⁽¹⁾ Vua Hùng-vương y ước gả cho, thần mới đón nàng Mị-nương về ở trên đỉnh núi Tản-viên.

Vua thủy đem đồ lề đến sau, thấy thần núi đã rước dâu về rồi, tức giận lắm, mới làm ra mưa to gió lớn, và dâng nước lên để đuổi theo cướp về.

Thần núi thấy vậy, làm ra lưỡi sắt, chắn ngang đường thương-lưu huyện Từ-liêm. Vua thủy lại đi đường khác, tự sông Lý-nhân vào sát chân núi Quảng-oai, men bờ lên cửa sông Hát-giang, rồi ra sông Lư, vào sông Đà để đánh mé sau núi Tản-viên. Lại mở ra các sông nhỏ, để đem nước vào đánh

(1) Tục truyền đồ lề: Voi 9 ngà, gà 9 cửa, ngựa 9 hổng mao, và một cùi bò vàng cẩm.

mè trước núi. Đi qua các làng Cam-giá, Đông-lân, Cò-nhạc, My-xá, đi đến đâu xoáy nước xuống thành vực, để làm cho các giống thủy-tộc ở, rồi tiễn nước lên đánh nhau với thần núi. Thần núi thì bảo dân xung quanh đấy dân phen chấn nước và dùng cung nỏ bắn xuống; lại sai các loài hùm, béo, voi, gấu, bê, cây cối vận đá ném xuống sông. Mỗi phen đánh nhau, mưa gió sấm chớp ầm ầm, giời đất mù mịt. Đánh nhau xong rồi, thì thấy những loài cà, ba-ba, thuồng-luồng, chết nồi cả lên mặt sông. Từ đấy hai thần thù nhau, mỗi năm đánh nhau một chuyến.

Thần núi linh ứng lắm. Phèm khi nào đảo mưa cầu tạnh, cũng thường ứng nghiệm. Ai nhỡ nhỡ đến thì có tai nạn ngay. Mỗi khi tạnh giời, thần thường hiện hình chơi các noi khe suối, có đám mây phủ như hình tán quạt.

Khi nước Nam nội-thuộc nhà Đường, Cao-Biền sang làm Đô-hô, muôn trấn yểm các nơi linh-tích; bắt đưa con gái 17, 18 tuổi chưa có chồng, cho ăn đồ hoa quả, mặc áo xiêm lịch sự, đặt lên ngồi trên ngai, giết trâu bò tế bái để cho thần phụ vào người con gái ấy, rồi rình khi cất nhac chân tay, thốt nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn áp bách thần. Khi Biền dùng mèo ấy cùng thần Tân-viên, thì thần cuối ngựa trắng ngồi trên đám mây nhỏ vào cõi tè mà đi.

Cao-Biền than rằng :

— Linh khí nước Nam còn thịnh vượng lắm, không tài nào mà trừ được!

Thần có phép lật biến hóa không biết đâu mà lường. Quan Hán-lâm là Nguyên-sĩ-Cố về thời nhà Trần phải đi dẹp giặc, đi qua đền ngài, đem lẽ vào khấn, rồi để một bài thơ rằng :

Non ngắt, thần thiêng, lâm liệt thay!

Đông lồng đã thau tối cao dày,

Mị-nương cũng hiền oai linh lắm,

Xin giúp thư-sinh một chuyến này.

41 — Lý-Ông-Trọng

Về cuối thời vua Hùng-vương, ở làng Thụy-hương (tục gọi là làng Chèm), huyện Tứ-Lê-m, có một người họ Lý tên Thành, hiệu là Ông-Trọng. Cao 2 trượng 6 thước, khỏe mạnh tuyệt trần. Thủa còn hàn vi, nhẫn có sự giết người, đáng phai tội chết. Vua

thấy người cao nhón lực lưỡng, không nỡ giết. Đến đời vua An-dương-vương, vua Thủy-hoàng nhà Tần đem binh sang xâm nước Nam. An-dương-vương xin hàng, rồi đem Lý-ông-Trọng sang cống bên Tàu. Thủy-hoàng được Ông-Trọng mừng lắm coi như của rất quý trong đời, dùng ngay làm Tư-vệ hiệu úy.

Đến khi Thủy-hoàng đem binh đi đánh dẹp thiên-hạ, thì sai Ông-Trọng trấn thủ đất Lâm-thao, để phòng-quân rợ vào quấy nhiễu. Ông-Trọng hùng-dũng, tiếng lừng lẫy một vùng, rợ Hung-nô không dám bén mảng đến cửa ải. Thủy-hoàng mời phong thêm cho Ông-Trọng làm Phụ-tín hầu.

Về sau, Ông-Trọng cáo lão về nước nhà hưu dưỡng. Không được bao lâu, rợ Hung-aô thấy vắng Ông-Trọng lại vào quấy nhiễu các sứ biên-thùy. Thủy-hoàng nhớ đến Ông-Trọng, sai người sang vời, thì bấy giờ người đã mất rồi.

Sứ-giả về tâu-lại, Thủy-hoàng phàn nàn thương tiếc vô cùng, mời đúc tượng Ông-Trọng bằng đồng, đặt ở ngoài cửa Tư-mã cung Hán-dương. Trong bụng đẽ rõng, có máy vận cho chân tay động dậy được. Thường khi sai vài chục người chui vào trong tượng đồng vặn máy cho rung động, người rợ Hung-nô qua lại, tưởng là Ông-Trọng còn sống, không dám vào quấy nhiễu nữa.

Đến đời nhà Đường, Triệu-Xương sang làm Đô-hộ, năm mươi thấy một người to tát cao nhón, đến chơi bàn giảng nghĩa sách Xuân-thu, Lả-truyện. Hỏi tên họ thì nói là Lý-ông-Trọng ở làng Thụy-hương. Triệu-Xương tinh dậy, ngày mai hỏi thăm đến chơi tận làng ấy, tra hỏi sự tích, rõ lập miếu ngay tại khu nhà cũ ông ấy để thờ. Khi sau Cao-Biền sang đánh nước Nam-chiểu, Ông-Trọng hiền linh giúp Cao-Biền, phá giặc thành công. Cao-Biền mới sai sửa sang lại dinh dài, tạc gỗ tô tượng, gọi là đền « Lý-hiệu-uy ».

Từ bấy giờ giờ đi, thường linh ứng lắm, dân xã có việc gì cầu dǎo đều cung nghiệm. Lịch-triều cũng phong tặng làm linh ứng thượng-dâng-thần. Vì ở làng Chèm cho nên tục gọi là Thành Chèm.

42. — Tô-Lịch giang-thần

Khi xưa có người tên là Tô-Lịch, làm quan Lịch ở huyện Long-đỗ, nhà ở cạnh con sông nhỏ. Nhà ấy ba đời nhân-nhượong ở chung với nhau, được cất lên đỗ khoa Hiếu-liêm, và được tinh hiếu của nhà, vì thế ở làng ấy cũng đặt là làng Tô-Lịch.

Đến thời vua Mục-tôn nhà Đường, Lý-Nguyên-Gia sang làm Đô-hộ, lập dinh phủ ở trong thành Long-biên. Nguyên-Gia thấy cửa bắc thành ấy, có con sông chảy ngược, sợ người ta sinh ra bụng làm phản, muốn cắm phủ chô khác, mà dắp ra thành La-thành.

Khi sắp xây thành, lập dinh ở cảnh sông Tô-lịch, rót rượu dâng khấn, xin ông Tô-lịch làm thành-hoàng ở thành ấy.

Đêm nằm mơ thấy thần bảo rằng :

— Sứ-quán sai tôi làm chủ thành này, ví dụ tôi dạy dỗ được dân, để cho biết giữ đạo trung hiếu, thì phải lập miếu mà thờ tôi.

Nguyên-Gia xin vâng nhời. Từ đấy dân gian an nghiệp, không ai sinh ra bụng phản nghịch. Nguyên-Gia mới dắp ra thành nhỏ đê ở, và lập miếu để thờ Tô-lịch.

Khi Nguyên-Gia mới dắp thành có thầy-tướng bảo rằng :

— Tôi xem tướng ông không dắp nổi thành to đâu, sau năm mươi năm nữa, tất có một người họ Cao, đóng đô-lập phủ ở đây, mới dắp nổi được.

Đến thời vua Ý-tôn nhà Đường, nước Nam-chiển làm phản. vua Đường sai Cao-Biền sang đánh, đẹp yết được giặc, mới đặt ra Tĩnh-hải-quận, mà phong cho Cao Biền làm Tiết-đô-sứ. Cao-Biền nhẫn thẽ giữ phủ Giao-châu, tự xưng là Cao-vương.

Cao-Biền thông hiểu thiên-văn, địa-lý, xen xét hình thế, nhân chô thành nhỏ của Nguyên-Gia, dắp rộng thêm ra gọi là Đại-la-thanh, chu vi 8.000 bộ.

Mé bắc thành ấy có con sông tự sông Lư (sông cái) vào mé tây-bắc, rồi chảy xuống phía nam, vòng quanh La-thành, rồi lại đổ vào sông Cái. Mỗi năm đến tháng sáu mùa mưa, nước sông tràn lên mông mênh. Có một khi Cao-Biền ngồi thuyền chơi trong sông, bỗng thấy một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, râu mày trắng xóa, hình dung kì di, đang bơi tắm ở trong sông, cười nói vui vẻ. Biền lấy làm lạ, hỏi tên họ, thì nói là họ Tô tên Lịch; hỏi chô ở thì nói là ở trong sông. Nói đoạn, vỗ tay cười ầm cả lên, rồi tự nhiên giờ đất tối xầm, ông cụ ấy biến mất.

Cao-Biền biết là thần, nhân thẽ gọi sông ấy là sông Tô-lịch.

Lại một buổi sớm, Cao-Biền đứng ở cửa đông nam La-thành, trông ra sông Tô-lịch, thấy trong sông nồi cơn gió to, sóng đánh bồn cồn, mây kéo mù mịt, rồi có một người dị dạng, đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng; minh mạc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm một cái hốp vàng, có bóng thấp thoáng như mây

phủ, mãi đến lúc mặt giờ mọc cao bá trượng mà chưa tan Cao-Biền lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn áp, đêm hôm ấy, chiêm bao thấy ông thần bảo rằng: «Ta là tinh đất Long đỗ, thần linh xứ này, ở đây đã lâu. Nay thấy người đến đây, cho nên ta mừng mà hiện ra, can gì phải trấn áp ta?» Biền tinh dạy sơ hãi, lập tức đặt dàn cúng cấp, rồi dùng những vàng bạc đồng sắt làm bùa, cúng ba đêm ngày, rồi mời chôn bùa để yểm.

Đêm hôm ấy mưa gió sấm sét, có tiếng quỉ thần hô hép quát tháo kinh thiêng động-dịa. Một lát, những bùa vàng, bạc, đồng, sắt, bật cả lên trên mặt đất, tan ra như gio, rồi bay tản vào trong không-khí mất cả.

Cao-Biền lấy làm lạ lẫm, than rằng:

— Ở xứ này có thần thiêng như thế ta nên về Tàu, chờ có ở đây mà sinh và về sau.

Tự dấy, Cao-Biền có ý muốn về, mời tôn thần Tô-lịch làm Đô-phủ thành-hoàng thần-quân.

Đến thời vua Thái-tô nhà Lý, thiên đô lên thành Thăng-long. Thần Tô-lịch có thác mông vào lạy mừng. Vua lấy làm lạ, hỏi họ tên, thì cũng nói rõ họ tên là thế. Vua lại hỏi rằng: «Thần có giúp cho trăm giữ mãi cơ nghiệp trăm nghìn năm không?» Thần thưa rằng: «Xin bệ hạ hưởng phúc nghìn muôn năm, thì tôi cũng được hưởng trăm năm hương hỏa». Vua tinh dậy, ngày mai sai sứ đến tế ở đền ấy, tôn làm Đô-quốc thành-hoàng đại-vương. Đến thời nhà Trần, lại phong «Bảo quốc định bang đại vương». Đến thờ ở làng Đông-tác, huyện Thọ-xương. (Bây giờ thuộc về thành phố Hà-nội).

43. — Bạch-mã-thần

Khi Cao-Biền ở trấn nước Nam, giữ phủ xưng vương, đắp rộng thêm thành La-thành. Đắp xong, một buổi trưa, đứng ngoài cửa động ngóng xem, bỗng nhiên mèo gió ầm ầm, rồi có một đám mây ngũ sắc, tự dưới đất bốc lên, khí sáng ánh ra từ phía. Lại thấy có một người ăn mặc đường bệ, cưỡi con cầu-long, (rồng chưa có xứng) nửa vàng nửa đỏ, tay cầm hổt vàng, đứng trong đám mây, có bóng thấp thoáng lên xuống, lâu lâu thì tan mất.

Cao-Biền lấy làm lạ lùng, nghi là ma quỉ, muốn thiết dàn cúng cấp, dùng phép trấn áp.

Đêm hôm ấy, năm mờ thấy thần lại bảo rằng :

— Xin ông chờ nghỉ tôi, tôi là thần chính khí ở đất Long-dỗ này, chờ không phải ma quái nào. Tôi thấy ông mới dắp xong cái thành, cho nên mừng mà hiện ra dấy thôi.

Cao-Biền tinh dạy, hội các quan lại bảo rằng :

— Ta không trị nổi được xứ này hay sao ? sao mà lâm ma quỷ hiện ra thế, hoặc là điểm gõ gì dây chăng ?

Chúng xin thiết bàn, bày bình tượng thần ấy, rồi dùng nghìn cân sắt, làm bùa trấn yểm.

Cao-Biền nghe phòi lập đàn cúng bái, rồi chôn nghìn cân sát đẽ yểm. Hôm sau, giờ đất tối tăm mù mịt, mưa gió ầm ầm, rồi có tiếng sét đánh vào chỗ yểm bùa, sắt tan vụn bay đi mất cả. Biền thấy vậy sợ hãi, mới lập đèn ở trong phố để thờ thần ấy. Về sau, vua Lý Thái-tô thiên đô lên Thăng-long, mờ thấy thần lại mừng. Vua tinh dậy, sai các quan đem lễ đến tế, phong làm Thăng-long thành-hoàng đại-vương.

Bấy giờ vua mở ra chợ cửa đông, cho dân buôn bán, miếu thờ ngài ở bên cạnh đường, thường có hỏa-tai, cháy láy cả một dãy phố, chỉ miếu của ngài là không động gì đến. Mỗi khi nhà vua làm lễ nghênh-xuân, thường vẫn cúng trong miếu ấy.

Triều nhà Trần, ở phố ấy, ba lần có hỏa-tai, mà không lần nào động đến miếu : và một lần có sét đánh cũng không việc gì.

Thái-sư là Trần-qnang-Khai có đề một bài thơ rằng :

Xưa nghe lừng lẫy tiếng anh linh,
Ma cũng ghê mà quỷ cũng kinh.
Ngựa lửa bá phen thiêu chưởng tới,
Roi lôi một trận đánh không chênh,
Chỉ tay đè nén trăm loài quỷ,
Quát tiếng trừ tan mấy vạn binh.
Nhờ đội oai thần xưa giặc Bắc,
Khiến cho non nước lại thanh bình.

Trần-triều phong là : « Thuận-du-phu-ứng đại-vương » Đến ở phường Hà-khầu huyện Thọ-xương, gọi là thần Bạch-mã. (Bây giờ tức là đền Bạch-mã ở phố Hàng-buồm).

44. — Sóc-thiên-vương

Về thời vua Đại-hành nhà Lê, quan Khuông-việt Thái-sư là Ngô-cảnh-Chân thường hay chơi ở làng Bình-lỗ, ưa phong cảnh chỗ ấy vui đẹp, mới làm một cái am để ở. Một đêm đến canh ba, mơ thấy một ông thần mặc áo vàng giát sắt, tay tâ cầm một ngọn thương vàng, tay hữu cầm một hòn ngọc, có vài mươi người linh hồn, mặt mũi hung tợn, trông như quỷ sứ.

Ông thần ấy bảo với Thái-sư rằng:

— Ta là Côn-sa môn thiên-vương dây, đây-tớ ta là thần Daxoa cả đấy. Thương-dế sai ta sang xứ bắc, coi giữ nhân-dân. Người có duyên với ta, cho nên ta lại dây nói chuyện với ngươi.

Thái-sư giật mình đứng dậy, nghe trong núi có tiếng quát tháo ầm ầm, trong bụng lấy làm sợ hãi. Hôm sau vào núi xem, thì thấy một cây cổ thụ, cành lá ruồm rà, và có đám mây đẹp phủ trên ngọn cây. Thái-sư sai thợ đốn cây ấy, đem về tạc tượng ông thần như hình dáng trong mộng, rồi lập đền ở trên núi đê thờ.

Trong năm Thiên-phúc thứ nhất (980), có quân nhà Tống vào cướp nước. Vua Đại-hành sai Thái-sư cầu khấn ở đền thần Côn-sa-môn. Bấy giờ quân nhà Tống đóng ở làng Tây-kết, chưa kịp đánh nhau với quân nhà Lê. Quân Tống bỗng thấy một người ở dưới sông Bạch-dằng nhảy lên đứng trên mặt nước, cao hơn 10 trượng, xõa tóc trùng mắt, quân Tống khiếp sợ tan chạy, phải lui về giữ trên thượng-lưu. Lại gấp cơn phong ba to, thuyền bè chìm đắm mãi nhiều, vua Đại-hành thừa thế đốc quân lên đánh, bắt được Chuyển-vận-sứ là Nhàn-bảo, vì thế quân Tống phải tan.

Vua thấy thần Côn-sa-môn anh linh làm vậy, sai sửa sang thêm đền dài cho đẹp, rồi phong làm Sóc-thiên-vương, đê trấn phương bắc. Đền ấy ở núi Vạn-linh, huyện Kim-hoa tỉnh Bắc-ninh.

Đến thời nhà Lý, lại lập đền-thờ ở mé đông hồ Tây, phong làm phúc-thần, đê trấn phương bắc, và đê có việc kì đáo cho tiện, tức là đền ở làng Nhật-tảo bây giờ).

45. — Liễu-Hạnh tiên-chúa

Về thời vua Anh-tôn nhà Lê (1557) ở về thôn Văn-cát, xã Yên-thái, huyện Vũ-bản, tỉnh Nam-định, có một người gọi là

Lê Thái công tiên tổ tích đức đã ba đời, đến đời Lê Thái-công cũng hay làm phúc. Ngoài 40 tuổi, sinh được một người con gái. Các năm sau, Thái-bà có mang được vài tháng thì phải bệnh, ra những đồ hương hoa, người nhà cho là ma làm, mời thầy phù-thúy cúng cấp mà bệnh lại nặng thêm.

Đến đêm hôm trung-thu có người xin vào chữa bệnh cho Thái-bà. Thái-công mời vào, người ấy cầm cái búa ngọc, lên đàm niêm câu thần-trú, rồi ném búa xuống đất. Thái-công ngồi cạnh ngã ngay xuống mờ mờ màng màng, thấy có hai người lực-sĩ đưa đi Đường đi khuất khúc, đến một noi nhà vàng cửa ngọc, lực-sĩ đưa đi qua chín từng cửa, rồi đến chốn cung đường, thì đứng lại ở dưới hè. Trong lêa trên thấy có một vỉ áo mũ đường hoàng, hai bên vân vồ cầm bốt đứng chầu, ngài vệ rất thịnh. Sực có một người con gái mặc áo đỏ, bâng chén ngọc dâng rượu thọ, nhỡ tay rơi chén, sứt mất một góc. Tả-ban có một viên mỏ ngay sô ra biển vài chữ, rồi thấy hai người sứ-giả và vài chục người thị nữ xúm lại dắt nàng mặc áo đỏ tự cửa nam đi ra. Mè trước có một cái biển vàng, trên có hai chữ « Sắc-giáng », giữa có hai chữ « Nam-nam », còn các khoản dưới thì mập mờ không rõ.

Thái-công hỏi người lực sĩ rằng :

— Đó là việc gì thế ?

Lực-sĩ nói :

— Đây là bà tiên-chúa thứ hai tên là Quỳnh-hoa, chuyến này chắc là phải đây xuống trần.

Nói đoạn, lực-sĩ đưa Thái-công về đến nhà thì tinh dậy, mà Thái-bà đã sinh ra một người con gái, nhân thế đặt tên là Giáng-tiên.

Khi nàng Giáng-tiên nhởn lên, nhau sắc lạ thường, Thái-công cho ở tinh một nhà học hành. Nàng ấy thông minh, mà lại tài nghệ âm-nhạc. Thường làm ra ca từ bốn mùa, lựa vào khúc đàn để chơi.

1º XUÂN TỬ. (ĐIỆU XUÂN QUANG HẢO)

Cánh như vẽ, khéo ai bày ? Hoa đào mềm miệng liêu giương mày. Buồm nhởn bay, oanh vàng lưu lo trong bụi, én đỏ riu rit trên cây. Buồng xuân diu dặt mối tình ngây, đề thơ này !

2º HẠ TỬ. (ĐIỆU CÁCH PHỐ LIÊN)

Giời dắt nhiều phần nóng nẫu. Đầu cánh rít giọng ve, bối cỏ vang tiếng chầu ; vò vồ ngực kêu sầu, eo eo cánh hót ngẫu,

Dường bảo nhau : « Chúa xuân về rồi thôi cũng hão ! » Cảnh sắc đường kia, ngao ngán cầm lòng khôn đậu. May đâu, thản Chúc đồng gảy một khúc nam-huân, hương sen thoảng đáo, một trận gió bay, sạch lòng phiền não.

3º THU TÙ. (ĐIỆU BỘ BỘ-THIỀM)

Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dặm trắng phau phau, cây cối vê hồng pha vê lục. Cung thiềm sáng quắc ả Hằng ngù, dạo bước thăm giao tình rạo rạc. Chi bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm, thảnh thoι dạo đàn gảy một khúc.

4º ĐÔNG-TÙ. (ĐIỆU NHẤT TIỄN-MAI)

Khi đèn mờ mịt tỏa non sông, hồng về nam-xong ! nhạn về nam xong ! Gió bắc căm căm tuyêt mít mùng ! tựa triện ngồi trông, tựa triện đứng trông. Sưởi lò mặt vẫn già như đồng, ngồi chẳng yên lòng, nằm chẳng yên lòng ! Dậy xem phong cảnh lúc giờ đông, hoa quên lạnh lung ! người quên lạnh lung !

Một khi Thái-công dạo chơi sau vườn, nghe thấy đàn ẩy, trong bụng buồn rầu, nhân có ông bạn quen họ Trần ở cùng một làng, mới cho làm con nuôi ông ấy, và làm riêng một nhà lầu ở sau vườn Trần-công cho con gái ở.

Cạnh nhà Trần-công có một nhà quan, tuổi già chưa có con gai, nhân đêm giăng ra chơi vườn đào, bắt được đứa con gai ở dưới gốc đào, vì thế đặt tên là Đào-lang. Đào-lang mặt mũi tuấn tú. Trần-công thấy Giáng-tiên tư chất khác phàm và lại nết na, có ý muốn kết duyên cho Đào-lang. Hai bên cha mẹ thuận lòng, mà hai người cũng tốt duyên phải lứa, mới gả cho nhau. Từ khi cưới về, Giáng-tiên một lòng hiếu thuận. Năm sau, sinh được một mụn con gai, cửa nhà thêm vui vẻ.

Ngày tháng thấm thoát, chợt đã ba năm. Hôm mồng ba tháng ba, Giáng-tiên tự nhiên vô bệnh mà mất, bấy giờ mới hai mươi một tuổi. Ba-nhà sầu thảm vô cùng.

Thái-bà đau xót đêm ngày khóc lóc. Một bữa đang khóc thì thấy con về ôm lấy mẹ nói rằng :

— Mẹ ơi ! con ở đây, mẹ khóc gì thế ?

Thái-bà mở choàng mắt ra trông quả là con, cả nhà xúm lại hỏi han.

Tiên-chúa nói rằng :

— Con là Đệ-nhị-tiên-cung phải đầy xuống trần, nay đã hết hạn, lại phải lên chầu Thượng-dế. Cha mẹ có âm-công, đã vào sô tiên, mai sau cũng được đoàn tụ, không can gì phải lo sầu.

Nói đoạn thì lại biến mất.

Chàng Đào-lang tự khi uyên bay, trăm phần sầu não. Một đêm đang ngồi ngâm thơ giải phiền, sực thấy Tiên-chúa đến, chàng kia nín lấy kẽ lẽ nói đoạn sầu khổ. Tiên-chúa khuyên giải hết điều rồi lại biến mất.

Tự bấy giờ đi mây về gió, chơi xem phong cảnh các nơi. Một hôm, đến tỉnh Lạng-sơn, trông thấy có ngọn chùa trên núi, mới lên xem cảnh, rồi ra nghỉ mát dưới gốc cây thông, gảy đàn ngợi hát. Xảy có Phùng-khắc-Khoan (Trạng Bùng) đi sứ về qua, hai bên đối đáp với nhau.

Phùng-công đọc trước một câu rằng :

— Tam mộc sâm đình ; tọa chưc hảo hèle nữ tử.

(三木森庭坐著好兮女子)

Tiên chúa ứng thanh đối rằng :

— Trùng sơn xuất lộ ; tàu lai sứ giả lại nhân.

重山出路走來使者吏人.

Phùng-công lại đọc rằng :

— Sơn-nhân bằng nhất kí ; mạc phi tiên nữ làm phàm.

(山人憑一几莫非仙女臨凡).

Tiên chúa lại đọc rằng :

— Văn-tử dài tràng côn ; tất thi học-sinh thị trường.

(文子帶長巾必是學生侍帳).

Phùng-công thấy vậy, muốn hỏi lại lịch thi đã biến mất rồi, chỉ thấy gỗ nằm ngordon ngang, hình ra bốn chữ : « Mão khâu công chúa » (卯口公主)⁽¹⁾, và có một cây gỗ dựng viết bốn chữ « Thủy mã dĩ tàu » (水馬已走)⁽²⁾. Phùng-công đoán ý từ các chữ ấy, biết là Liêu-hạnh công chúa nhờ mình khởi công sửa sang chùa ấy, mới xuất tiền cho dân sửa sang.

(1) Gỗ ngordon ngang là hình chữ mộc 木. Chữ mão 卯 chữ khâu 口 giàn tiêm elix mộc, là chữ Liêu 柳 hạnh 杏

(2) Thủy 水 mã là chữ Phùng 馮; 已 走 là chữ khởi 起, ý là bảo họ phùng khởi công.

Lại một khi Phùng-cộng đem ban lèn chơi hồ Tây, cũng gặp Tiên-chúa, xiróng hoa liên ngần với nhau. Về sau Tiên-chúa biến thành ố đèo Ngang phố Cát, tỉnh Thanh-hoa, hiện ra làm con gái đẹp báu nước những kẻ đưa bồn chết hại rất nhiều. Triều-dinh nghĩ là yêu quái, sai thầy phù-thủy và Trịnh hoàng-thúc đem quân đi tiêu. Quan quân hấn vào trong núi, tan phá đền đài. Được vài tháng, dân xít ấy dịch tê, lập đàn cầu khấn, thì mới biết là Tiên-chúa biến thành tâu lên triều-dinh, vua sai sứ sang lại dền miếu, phong làm Mă-vàng công chúa. Sau lại có công giúp nước phá giặc Mán, được phong làm Chế-thắng bảo hòadiệt đại vương, lập đền trên núi Sùng-sơn đến giờ vẫn còn, anh linh.

CHƯƠNG THỨ VII

Các vị tiên tích

46. — Tử-Thức

Tử-Thức người ở Hòa-châu (Thanh-hoa). Trong thời Quang-thái, đời vua Thành-tông nhà Trần, nhân có chân ấm-sinh, được làm Tri-huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Cảnh huyện có ngọn chùa to, trong chùa có một cây mẫu-đơn, mỗi khi mùa xuân hoa nở khach bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội nhân thế gọi là hội xem hoa.

Tháng hai năm Đinh-tị (1396), chính giữa hôm hội, có một cô ú nhân sắc mĩ miêu, mới độ 15, 16 tuổi, son phấn điềm nhạt, mặt mũi tươi dòn. Đến xem hoa, nhô tay vịn gậy mất một cánh, bị nhà chùa bắt giữ lại. Tử-Thức xấy đi qua trông thấy, hỏi con cò đầu đuôi, rồi cởi áo cầm-bào chuộc cho ả ấy. ải.

Tử-thức giờ ai cũng khen là quan huyện nhẫn-đức, nhưng chỉ vì tính hay uống rượu ngâm thơ, tờ bối việc quan bỏ đong cá, lại, lầm phen bị quan trên quở mắng.

Tử-Thức than rằng:

— Ta không thể nào vì vài dấu thóe lương mà buộc mình vào trong đám danh lợi được mãi, thôi thì một mai chèo bơi về tìm nơi nước biếc non xanh, cho thỏa chí ta còn hơn.

Lập tức cõi ẩn giao trả quan trên rồi đi. Tính Từ-Thức ưa chơi những chốn khe đỗng trong huyện Tống-son, mới yề làm nhà ở huyện ấy, mỗi khi nhàn đi chơi, sai một thằng nhỏ đeo một bẫu rượu, cắp một cái đàn và mang một quyền thơ. Đi đến chỗ nào thích ý, thì ngồi chơi đánh chén, hoặc gảy đàn. Phàm chỗ nào có nước non lá lủng, như núi Chính-trợ, đỗng Lục-vân, sông Lãi, cửa Nga, thì tất tìm đến chơi và có thơ đề vịnh.

Một khi dậy sớm, trông ra cửa Thần-phù, cách vài mươi dặm, có khí mây năm vẻ, kết lại như hình cái hoa xen. Mới sai bơi thuyền đến tận chỗ ấy, thì thấy có núi rất đẹp. Đỗ thuyền trèo lên núi thì thấy khỉ núi xanh biếc, cao vò vò trước nghìn trượng.

Nhân dề một bài thơ rằng :

*Đầu cảnh thấp thoáng bóng kim ô,
Hoa đồng vui mừng đón khách vò.
Cạnh suối nào là người hải thuốc?
Quanh ngọn chỉ có gã bơi đò.
Xênh xang ghế mát cầm ba khúc.
Đứng đỉnh thuyền câu rượu một vò.
Uốn hỏi Võ-lăng chàng đánh cá,
Làng lào đâu đó cách chừng mò?*

Đề xong bài thơ nhìn xem phong cảnh một hồi, bỗng thấy trong sườn núi đá, có một cái hang, cửa hang tròn và rộng độ một trượng, thử vào hang xem ra làm sao, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bỗng dung đóng sập lại, trong hang tối mù mịt, không còn biết đường nào mà đi. Từ-Thức chắc là chết ở chỗ ấy, nhưng cũng cứ đi liều xem ra làm sao, mới quờ tay sờ sét vào sườn đá mà đi, trước còn loanh quanh đi trong khe nhỏ, dần dần thấy có bóng sáng, trông lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm, mới cõi leo vụn lên thì đường đi đã hơi rộng.

Khi lên đến đỉnh núi, thì lại thấy mặt giờ sáng sủa, trông ra bốn bề, cùng có lâu dài cung điện, cửa nhà trang hoàng, cây cối tươi tốt, tựa hồ một cảnh chùa chiền.

Từ-Thức lấy làm lạ lùng, ngắm nhìn phong cảnh, rồi thấy hai á con gái nhỏ, mặc áo xanh, bảo với nhau rằng :

— Chú rể mời nhà ta đã đến kia kia!

Nói thế đoạn, trở vào trong nhà báo tin, rồi lại ra bảo với Tù-Thức rằng :

— Phu-nhân cho chúng tôi ra mời người vào chơi.

Tù-Thức theo hai đứa con gái đi vào, qua một dãy tường gác, vào cửa sơn son, thấy đôi bên cung cầm, vàng bạc sáng quắc, có chữ đề rằng: « Quỳnh-hư chi điện, Giao-quang chi các ». ⁽¹⁾ Khi leo lên gác thì thấy một bà tiên mặc áo lụa trắng, ngồi trên giường thắt-bảo. Cảnh giường có đôi kỉ gỗ đàn-hương, bà tiên mời Tù-Thức ngồi trên kỷ và bảo rằng :

— Người vốn hay chơi cảnh lâ, có biết đây là chốn nào không?

Tù-Thức thưa :

— Tôi tuy đóng chơi giang hồ đã nhiều, nhưng không biết ở đây lại có tiên cảnh, xin bảo cho tôi được rõ.

Bà tiên cười nói rằng :

— Người biết đâu được chỗ này! Đây tức là hang thứ sáu trong 36 đỗng núi Phi-lai; núi ấy đi khắp các mặt bờ, chân không bén đến đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thối. Ta tức là Địa-tiên núi Nam-nhạc, gọi là Ngụy phu-nhân đây. Vì thấy người có cao nghĩa, họ nên mời đến chơi.

Nhân bảo con hầu gọi một người con gái ra. Tù-Thức trông ra thì chính là người con gái đánh gãy cành hoa mẫu đơn khi trước.

Bà tiên trở vào con gái bảo với Tù-Thức rằng :

— Con em tên nó là Giáng-Hương, khi trước xem hoa phải cãi nhau nặn, nhờ người cứu cho, ta vẫn còn hận cái ăn ấy, nay muốn cho nó kết duyên với người để bảo ân.

Lập tức đêm hôm ấy, truyền sai dốt đèn mờ phụng, giải chiếu vầy rồng, cho làm lễ thành thân.

Hôm sau các tiên đến ăn mừng, kẻ cưỡi lì, vàng (tự rồng mà không sùng), người cưỡi câu đỏ (loài rồng) đến hội. Bà tiên mở tiệc trên gác Giao-quang, nào là rèm ngọc trường điệu, nào là đệm hoa ghế bạc. Các tiên ngồi riêng một bên tả, còn mé hữu thì Tù-Thức ngồi.

Trong khi ăn yến, đủ thứ sơn hào hảo vị, chả phụng nem công, thơm tho ngào ngọt, toàn những vị dưới trần không có bao giờ. Lại có đàn sáo bát âm rất là vui vẻ.

Chiều tối tiệc tan, các tiên dàn về đây. Tù-Thức ở lại đây được một năm, có ý nhớ nhà, nhân một khi thông thả bảo với nàng Giáng-Hương rằng :

(1) Nghĩa là đèn Quỳnh-hư, gác Giao-quang.

— Tôi vốn đi chơi, xa xôi đã lâu, khó dễ nén được bụng trán, lại tưởng nhớ đến quê cũ, xin chờ tôi hãy về thăm nhà một chút.

Giáng-Huống có ý ngần-ngù, không nói li-biết.

Tử-Thức lại nói rằng:

— Cho tôi về chơi ít ngày tháng, bảo với anh em cho biết, rồi sẽ lại lên đây.

Giáng-Huống khóc mà nói rằng:

— Thiếp không dám vị tình vợ chồng mà ngăn trở bụng quân-tử; chỉ vì cõi trán bé nhỏ, ngày tháng ít ỏi, nếu eó về chăng nữa, chỉ sợ cây cối cửa nhà không được còn như trước nữa đâu.

Nàng ấy mới nói với phu-nhân. Phu-nhân than rằng:

— Không ngờ gã ấy còn vuông viu trong đám bụi hồng, làm chi mà phải ngâm ngùi như thế?

Phu-nhân mới cho một cô xe cẩm-vân, sai ngồi lên xe ấy mà về. Giáng-Huống cũng viết một phong-thư buồm kĩ đưa cho, dặn về nhà hãy mở ra mà xem.

Tử-Thức cáo biệt, ngồi lên trên xe, đi-vừa chớp mắt đã đến nhà. Về đến nơi thì phong cảnh đã khác xưa, nhân-dân thành quách, không còn gì là giống khi trước, chỉ còn hai bên khe núi thiêng còn nguyên.

— Tử-Thức đến họ tên ai-nhì, hỏi thăm các cụ già trong làng, thì có một người nói rằng:

— Tôi từ lúc còn nhỏ, có nghe cụ sô ba đời nhà tôi cung tên họ như thế, sa vào hang núi đã hơn 80 năm nay rồi.

Tử-Thức buồn rầu lắm, muốn lại ngồi xe đi-lèn, thì xe đã hóa lâm chim loạn bay đi mất rồi. Mở bức thư ra xem, thì có câu rằng: « Trong mây kẽ bụi loạn hoàng, duyên xưa đã hết; trên bờ tim người tiên-tử, hội khác khôn cầu. » Mọi biết là nhời li-biết. Về sau, Tử-Thức mặc áo khinh-cùu, đội cái nón nhỏ, vào núi Hoàng-sơn ở huyện Nông-công (Thanh-hoa), không biết tên tiên bay là đi mất.

47. — Tú-Uyên

Thời nhà Lê, ở làng Bích-câu, (tức là làng Yên-trạch bây giờ, Hà-nội) có một người họ-trò, tên là Tú-Uyên, vốn người tài mạo, cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, chỉ chăm việc học hành.

Có một hôm, chùa Ngọc-hồ mở hội, Tú Uyên đi xem. Đến chiều trở về qua chùa Tiên-tích (ở phố cửa Nam) trông thấy một người con gái đẹp tăm, đang đứng ở dưới gốc cây đu. Tú-Uyên lại gần hỏi truyện, rồi hai người vừa đi vừa đối đáp với nhau, đến chỗ đình Quang-minh thì người con gái ấy biến mất, mới biết là tiên.

Tú-Uyên đứng ngẩn ra một lúc, mới giờ về nhà. Từ đấy đêm ngày tưởng nhớ, phải bệnh tương tư-thuốc nào chưa cũng không khỏi. Một hôm, nhớ đến sự bói thẻ, mới đến đền Bạch-mã xin thẻ, rồi nằm mộng ở đấy. Đêm thần báo mộng rằng : « Sáng sớm mai, ra cống cầu Đông sông Tô-lịch thi gặp » Tú-Uyên mừng lắm, sực tỉnh giật thi giờ đã rạng đông ; vội vàng chạy ra đấy, đứng thơ thẩn độ một vài giờ, không thấy gì, toan trở về, thì gặp một ông cụ bán bức tranh. Tú-Uyên cầm mỏ ra xem, thấy người tố-nữ vẽ trong tranh, giống như người mình gặp khi trước. Mua đem về, treo ở cạnh buồng học, từ đấy giờ mới giải phiền.

Tú-Uyên mỗi khi đến bữa cơm ăn, cũng đặt hai cái bát hai đũa dưa; mời người tố-nữ trong tranh, như hai vợ chồng thực. Một hôm, mời thì hình như tủm tỉm cười muốn nói. Hôm sau, đi học về, thấy mâm cơm đòn sẵn, nghĩ không biết thế nào, ăn thì toàn những mùi ngon vật lạ cả. Hai ba hôm sau, giả cách đi học, đứng rình dòm vào trong nhà, thấy người trong tranh hiện ra đang điểm trang, Tú-Uyên rón rén bước vào, hỏi rằng :

Duyên sự làm sao, thì nói cho tôi được biết.

Nàng ấy mới nói rằng :

— Thiếp ở trên cung tiên, tên là Giáng-kiều, vì nhà chàng có phúc-đức nhón, nên gặp nhau từ khi ấy. Sau lại thấy chàng thương nhớ, cho nên chúa tiên cho thiếp xuống kết duyên với chàng.

Nói vừa xong, rút trâm trên mái đầu, hóa phép hiện ra cửa nhà, lâu-dài, đầy-tớ, đồ-đạc, rồi làm cỗ bàn, mời các bạn tiên xuống ăn cưới. Từ đấy kết duyên làm vợ chồng.

Tú-Uyên tự bấy giờ ham-mê về tảo sắc, cả ngày chỉ uống rượu say sưa, bỏ sự học-hành. Trong ba năm giờ, nàng ấy khuyên ngăn mãi mà vẫn không nghe. Mỗi khi say rượu rồi thì lại chửi mắng ồm tối. Nàng ấy giận lắm mới biến đi. Tú-Uyên tinh rượu, thấy vợ bỏ mình mà đi, mới hối lại, biết là lỗi tại mình. Bi tìm đâu cũng không thấy, bức mình-muốn tự vẫn Bỗng

thấy nàng ấy ở đâu lại về. Tú-Uyên nửa mừng nửa thận, lấy nhời từ-tạ, hai vợ chồng lại vui vẻ tử tế như xưa.

Không bao lâu, sinh được một người con gái, đặt tên là Trần-nhi. Đến sau, con học hành thông minh, đã sắp nên người, nàng ấy bảo với chồng rằng :

— Ở hạ-giới này, một đời người chỉ được bảy tám mươi tuổi mà thôi, kể ra không được là bao nhiêu. Vả lại trong số tiên cũng có tên chàng, thì ta đưa nhau lên ở trên cung tiên là hơn.

Liền đưa cho Tú-Uyên một viên thuốc và một đao bùa. Một lát thì có hai con hạc xuống đón, hai vợ chồng mỗi người cưỡi một con, nganh lại dặn con rằng :

— Con hãy ở đây, bao giờ thi đỗ thì tao xuống đón.

Nói đoạn, bay cả lên giờ.

Dân làng ấy vì thế lập miếu ngay chỗ nhà cũ ông ấy để thờ, gọi là đền Tú-Uyên.

48. — Phạm-Viên

Phạm-Viên người làng An-bài huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an. Đời ông tổ Phạm-Viên hiền lành phúc hậu, gặp được người Tàu để cho ngôi mộ, đoán rằng : « Ngôi này phát một đời Tiển-sĩ, một đời thành tiên ».

Đời con ông cụ ấy là Phạm-Chất đỗ Tiến-sĩ về thời vua Thành-tôn nhà Lê, làm đến Tả-thị-lang. Phạm-Chất sinh ra hai con, con cả là Phạm-Tán, con thứ là Phạm-Viên.

Phạm-Viên nhơn lên, 18 tuổi mà vẫn biếng học, chỉ ham sự chơi bời. Ông bố chửi mắng thì Phạm-Viên nói rằng :

— Người ta qui thích chi là hơn, phú-quí 80 năm, chẳng qua cũng là một giấc mộng hoàng-lương mà thôi. (1)

Từ đấy bỏ nhà đi, vào núi Hồng-lĩnh hái thuốc. Đi cùng kiệt 3 ngày, vào đến rừng sâu, gặp một cụ già chống cái gậy trúc, mặc áo thây tu. Viên biết là người lạ, quì xuống trước mặt, kề lề sự mình. Cụ già đem Phạm-Viên về, đi nửa thời đường, thấy có vài gian nhà gianh cụ già đặt vào trong nhà ấy. Vào đấy thì chỉ thấy trên bàn có một quyển sách con, bên cạnh có một

(1) Hoàng-lương là kê vàng. Xưa có người nambi mộng làm quan phú-quí hơn 20 năm giờ, lúc tỉnh dậy, nhà chợ vẫn chưa thổi chín nổi kê.

vò nước, còn thì không có gì cả, và cũng không có một người đầy-tó nào.

Phạm-Viên ở đấy, cụ già thỉnh thoảng múc cho một gáo nước, bảo phải uống hết, lại cho một cái túi, bảo rằng :

— Về cứ mở túi ra mà xem, tự khắc biết.

Nói xong, cụ già và cửa nhà biến mất cả, Phạm-Viên trở ra tìm lối về, cứ trông về phía mặt trời mọc mà đi. Một lát đến đầu làng, về đến nhà thì đã được 12 năm rồi.

Bấy giờ Phạm-Viên đã 30 tuổi, họ hàng làng mạc ai cũng lấy làm kì, nhưng không ai biết Phạm-Viên đã thành tiên. Phạm-Viên ở nhà, có khi ngủ đến 10 ngày mới dậy, có khi 2, 3 tháng mới ăn một thia cháo. Quan Thị-lang vẫn gọi Phạm-Viên là thằng dồ.

Phạm-Viên có bà cô ngoài 70 tuổi, không có con cái, Phạm-Viên cho bà cụ 21 đồng tiền, và dặn rằng :

— Nếu có mua gì, chỉ mua 20 đồng, còn để dành lại một đồng, tự nhiên lại có 20 đồng khác, có thể đủ dùng được trọn đời.

Bà cụ nghe lời ấy, quả nhiên cứ mua buổi sáng thì buổi chiều lại đủ 21 đồng tiền. Được một năm, bà ấy mất, món tiền ấy cũng biến di.

Thường một khi đến chơi núi Ngọc-sơn, nằm trọ trong nhà hàng, bảo với mụ già nhà hàng rằng :

— Ở gần đây sau tất có hỏa-tai, ta cho mụ kia một lọ rượu này, khi nào thấy cháy, thì lấy rượu mà vẩy vào, kéo gió to thì cháy lây mất cả.

Tháng năm, quả nhiên có hỏa-tai, bấy giờ đương mùa gió nồm, không tài nào cứu được. Mụ già nhớ đến lời Phạm-Viên, cầm lọ rượu rẩy vào đám lửa, tự nhiên giờ mưa xuống như trút nước, lửa phải tắt ngay, nước mưa sắc những mùi rượu ba ngày chưa tan mùi.

Lại một khi Phạm-Viên đi qua huyện Hoằng-hóa thấy một người già ngoài 70 tuổi còn phải đi ăn xin, Phạm-Viên thương tình, cho một cái gậy dặn rằng :

— Hễ đi đến chợ nào thì cầm cái gậy ấy bên cạnh đường, không phải van gì, tự nhiên người ta phải lấy tiền cầm vào đầu gậy, cứ đủ 100 đồng thì nhổ đem đi chỗ khác.

Ông già kia y như ấy, quả được dư ăn thừa mặc, khi ông già ấy chết thì cái gậy cũng biến mất.

Phạm-Viên thường dạy một người học trò, chỉ học hai chữ « cát cao » nghĩa là cái gầu múc nước. Người học trò xin học chữ khác, Phạm-Viên bảo rằng :

— Ngày sau phú quý, chỉ hai chữ ấy đủ rồi, can gì phải học nhiều cho mệt ?

Về sau, người ấy phải đi lính, canh thuyền, xảy khi chúa Trịnh đi chơi, bắt khai các đồ trong thuyền, đến cái gầu múc nước, không ai biết biện chữ gì. Bấy giờ cả quan Tham-tụng là Hà Tôn-Mục ở đấy, cũng không nhớ chữ gì là cái gầu.

Người ấy nhàn canh ở đấy mới nói rằng :

— Khi trước tôi đi học, còn nhớ được hai chữ cát cao là cái gầu múc nước. Quan Tham-tụng cho là người học rộng, tâu với chúa Trịnh, vì thế được cất lên làm quan lục phẩm.

Đến năm Phạm-Viên 40 tuổi, ông thân-sinh đang được vua chúa yêu dùng, làm quan tại kinh. Phạm-Viên ở nhà, một hôm bỗng dung sai người nhà sắm sửa đồ thờ, may áo chẽ, sắm gậy chúc. Được vài ngày, quả nhiên có tin quan Thị-lang mất tại kinh.

Phu-nhân làm ma, toan đem xuống thuyền, để đi đường hải-đạo về Nghệ. Phạm-Viên không nghe, sắm đủ minh tinh nhà táng, áo quan vỗng vi, và đủ các đồ nghi vệ đi đường, xin đến gà gáy thì rước ma đi bộ từ Thăng-long về Nghệ. Ai cũng cười là người già. Không ngờ đi tự gà gáy, mới đến lúc mặt giòi mọc, đã về đến đầu làng An-bài chúng bấy giờ mới tin Phạm-Viên có phép tiên.

Tổng táng đâu đấy, Phạm Viên từ mẹ lại đi. Được năm năm thì phu-nhân mất. Chiều hôm cất ma xong, Phạm-Viên về khóc ở trước mồ, rồi để một hòm ở lại đấy mà đi. Sáng hôm sau, người nhà trông thấy mở hòm ra xem, thì thấy đủ cá trâu bò lợn gà, và các thứ giò nem bánh trái, không biết bao nhiêu mà kể. Lại có 500 quan tiền, 100 cân bạc. Trên mặt hòm đẽ rằng : « Của cô ai tử là Phạm-Viên kinh-tế ».

« Từ đấy trở đi, hoặc khi có người gặp ở Thăng-long, hoặc khi có người gặp ở cửa bể Thần-phù. Trong năm Bảo-thái, có ông Trương-hữu-Điền mở tràng học ở Hà-nội, có người ăn mặc lam lũ vào làm văn, chỉ chớp mắt song bài văn rồi biến mất. Ông kia xem văn rồi nói rằng . « Văn chương này cách cục nhà tiên, lại ông Phạm-Viên đưa ta đây ! » Biển hóa không biết đâu mà lường được.

49.—Tử-đạo-Hạnh

Tử-Lô tự là Đạo-Hạnh, người làng An-lãng, (tức là làng Láng) huyện Vĩnh-thuận (Hoàn-long), làm thầy cúng ở chùa Tiên-phúc, núi Phật-tích, (tức là chùa Thầy ở Sơn-tây). Khi xưa thân-phụ Tử-đạo-Hạnh là Tử-Vinh làm Tăng-quan đô-sát triều nhà Lý, thường vào chơi làng An-lãng, mới làm nhà ở đấy, lấy con gái họ Lăng, sinh ra Đạo-Hạnh.

Đạo-Hạnh lúc bé hay chơi bời, nhưng vẫn có chí, cùng với Phí-Sĩ, Phan-Ất, Lê Hoàn kết bạn, đêm thì cỗ công đọc sách, ngày thì đàn sáo đánh bạc làm vui. Cha thường vẫn trách mắng là biếng học, nhưng sau biết cứ đến đêm thì chăm học lắm, từ bấy giờ mới không nói gì nữa.

Về sau Đạo-Hạnh thi khoa Bách-liên đỗ Tăng-quan. Không bao lâu cha là Tử-Vinh dùng tà-thuật phản ông Diên-thanh hầu, Diên-thanh hầu nhờ thầy phù-thủy là Đại-Điên dùng phép đánh chết, quẳng xuống sông Tô-lịch. Thầy ông Tử-Vinh trôi qua cầu Yên-quyết, đến bến nhà ông Diên-thanh hầu, bỗng nhiên đứng lên trả tay vào trong nhà, suốt ngày hôm ấy không đi. Diên-thanh hầu mời Đại-Điên đến. Đại-Điên đến nói quát rằng :

— Thầy chùa giận không để cách đêm, dù sống dù chết, cũng là một giấc mộng mà thôi.

Nói dứt nhời thì thầy ngã xuống trôi đi. Tử-Đạo-Hạnh muốn báo thù cho cha, rình khi Đại-Điên đi chơi, muốn đón đường đánh, bỗng nghe trên không có tiếng ngăn rắng : « Chó ! Chó ! » Vì thế bỏ gậy mà chạy về.

Đạo-Hạnh nghĩ lấy làm tức giận lắm muốn sang nước Ấn-dô học phép, nhưng đi qua núi Kim-sỉ, hiểm trở lắm phải trở về, Đạo-Hạnh mới vào trong hang núi Phật-tích, kết thành hội Bách-liên, để học phép Ngũ-giáo. Ngày nào cũng tụng kinh « Đại-bi-tâm » và niệm câu thần chú, « Bà-la-ni », cứ tụng 18 vạn lần mới thôi.

Một hôm thấy thần báo mộng rắng :

— Đề-tử tức là Tứ-trấn thiên-vương đây, cảm công đức của thầy tụng kinh, cho nên lại hầu, tùy thầy muốn sai khiến gì, tôi xin vâng lệnh.

Đạo-Hạnh biết là đạo pháp mình đã thành rồi, có thể phục thù được cho cha, mới đến đầu bến sông Yên-quyết, cầm cái gậy ném xuống sông. Nước sông chảy xuôi mà gậy thì chói ngược, trông tựa con rồng, đi mãi đến cầu Tây-dương mới thôi.

Đạo-Hạnh mừng nói rằng :

— Phép ta hơn Đại-Điên nhiều rồi !

Đạo-Hạnh mới dùng phép tàng-hình đến thẳng chỗ Đại-Điên
ngồi chơi, bảo rằng :

— Mày còn nhớ việc ngày trước không ?

Đại-Điên ngắt đầu lên trông, không thấy gì, Đạo-Hạnh cầm
gậy đánh, Đại-Điên vì thế thành bệnh mà chết.

Đạo-Hạnh báo xong thù rồi, từ bấy giờ tan hết oán cũ, sạch
nhẵn lòng trăn, mới đi chơi khắp nơi rừng núi, hồi tim rắn chứng.
Nghe có Kiều-tri-Huyền tinh thông đạo phép, đến hầu tận nơi,
hồi thế nào là chân-tâm.

Có câu kệ rằng :

Lâu nay vẫn đám hồng trần,

Vàng còn chẳng biết, biết chân-tâm nào !

Xin cho trả bảo làm sao ?

Cho tìm thấy rõ kẽo nao lòng người.

Kiều-tri-Huyền cũng đọc một câu kệ đáp lại rằng :

Năm-âm bi quyết là vàng,

Trông ra đây mắt rõ ràng thuyền-tâm.

Bồ-dề đạo phật u-thâm,

Muốn tìm tới đó muôn tần chẳng xa !

Đạo-Hạnh thấy câu kệ như vậy, chưa hiểu ý tú ra làm sao,
mới đến hỏi ông Pháp-Phạm Sùng-Vân rằng :

— Thưa ông thế nào gọi là chân-tâm ?

Sùng-Vân nói :

— Cái gì chẳng phải là chân-tâm ?

Đạo-Hạnh bấy giờ mới tỉnh ra, lạy từ ông ấy rồi trở về. Từ
bấy giờ pháp lực lại càng tẩn tối, nội là rắn độc trong núi, hùm
dữ trên rừng, cũng có phép sai khiến được cả.

Có một thầy tăng nói rằng :

— Khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, đó là phật-tâm.

Đạo-Hạnh đọc câu kệ rằng :

Có thì có tự mảy may,

Không thì cả thế gian này cũng không.

Thử xem bóng nguyệt dòng sông.

Ai hay không có, có không là gì ?

Bấy giờ vua Lý Nhân-tôn chưa có con, có người ở Thanh-hóa ra tâu rằng :

— Ở ngoài bãi bể, có đứa con gái lên 3 tuổi, tự xưng là Hoàng-tử, gọi là Giác-hoàng. Nhà vua có những sự gì, y cũng biết cả.

Vua sai sứ đến xem tận nơi, quả nhiên có đứa trẻ ấy, mới đem về kinh, cho ở trong chùa Bảo-thiên. Vua thấy đứa trẻ ấy thông minh thần dị lắm, muốn nuôi làm con.

Các quan can rằng :

— Nó tuy linh dị, nhưng tất phải thác sinh vào trong cung cấm mới được.

Vua nghe nhời, thiết tuần chay to bảy đêm ngày, để cho nó làm phép đầu thai.

Đạo-Hạnh nghe chuyện làm vậy, bảo riêng với chí rằng :

— Đây tất là Đại-Điên, muốn đầu sinh vào cửa nhà vua để báo thù đây, kẻ kia dùng tà thuật, lầm hoặc người ta đã nhiều, tôi sao nỡ ngồi nhìn mà không cứu, để nó làm cản hay sao ?

Mới bảo chí ăn mặc giả nhà sư, cầm giấu vài quả ấn pháp-sư, giắt lên mái nhà chồ đàn chay. Cúng được ba hôm, Giác-hoàng phải bệnh, bảo với người ta rằng :

— Khắp cả thế giới, chồ nào cũng chăng lưới sắt, không có đường nào mà đầu thai được.

Nói xong thì mất. Vua sai tìm các nơi có bùa bèn gì không, thì bắt được mấy quả ấn kết lại, có tên Từ-đạo-Hạnh. Vua giận lắm, sai bắt Đạo-Hạnh vào lầu Hưng-khanh đánh trượng, rồi hội các quan lại nghị án.

Xảy có Sùng-hiền hầu đi qua, Đạo-Hạnh kêu rằng :

— Xin ngài rủ lòng thương mà cứu cho tôi, tôi sẽ xin đầu thai vào cung để báo ơn ấy.

Sùng-hiền hầu gật đầu. Đến lúc hội nghị, Kim-hầu xin đem Đạo-Hạnh chính-pháp. Sùng-hiền hầu cười nói rằng :

— Giác-hoàng nếu có thần lực, thì dù Từ-Lộ giải chú thế nào cũng không việc gì. Nay vì thế mà phải chết, thi Giác-Hoàng còn kém Từ-Lộ xa lắm. Tôi thiết tưởng bắt tội hắn, thà rằng cho hắn thác sinh còn hơn, xin bê-hạ nghĩ cho.

Vua nghe nhời, tha tội cho Đạo-Hạnh, Đạo-Hạnh trở ra, vào hầu nhà riêng Sùng-hiền hầu, nhận thấy phu-nhân đang tắm, đến sát tận nơi đứng xem. Phu-nhân giận lắm, bỗng thấy một đứa trẻ con chạy vào trong thùng tắm, phu-nhân kinh hãi, nói truyện với chồng. Sùng-hiền hầu đã biết rồi, không trách hỏi gì đến. Từ đấy phu-nhân có mang.

Đạo-Hạnh dặn Sùng-hiền hầu rằng :

— Khi nào phu-nhân sắp ở cữ, thì phải bảo cho tôi biết trước.

Đến khi phu-nhân ở cữ, giờ dạ đã lâu mà chưa sinh được, Sùng-hiền hầu sai người ruồi mau đến báo Đạo Hạnh.

Đạo-Hạnh vội vàng tăm gội thay áo, dặn học trò rằng :

— Bụng ao ước của ta vẫn chưa thỏa, nay lại thác sinh vào cửa đế-vương, tạm làm thiên-tử 23 năm. Nếu khi nào thận kiếp sau ta thác đi, thì mới thực là chìm vào bể sâu, không bao giờ sinh diệt được nữa.

Học trò nghe câu ấy, ai nấy cùng rỗ nước mắt. Đạo-Hạnh nói an ủy học trò vài câu, rồi lột xác ra mà hóa. Người làng lấy làm lạ, để cái xác ấy vào trong khám phụng thờ.

Giờ ngọ Đạo Hạnh nhập tịch, đến giờ mùi thi phu-nhân sinh ra đứa con trai, đặt tên là Dương Hoán, bấy giờ là tháng sáu năm Bính-thân niên hiệu Hội-trường-đại-khánh thứ bảy (1116).

Dương Hoán lên hai tuổi, thông minh lăm, vua yêu mến nuôi ở trong cung cho làm con, rồi lập lên làm Hoàng-thái-tử. Khi vua mất, thái-tử lên ngôi, tức là vua Thần-tôn, đó là kiếp sau ông Từ-đạo-Hạnh.

Khi xưa Đạo-Hạnh mới vào chùa Thiên-phúc, thấy có một vết chân người ở trong hang đá, Đạo Hạnh lấy bàn chân in vào thi vữa bằng nhau, tục truyền hang ấy tức là chỗ Đạo-Hạnh lột xác.

Mỗi năm mồng bảy tháng ba, thiên hạ đến chùa ấy lễ bái dâng như hội. Thây Đạo Hạnh đến mãi lúc nhà Minh sang cướp, quân sĩ đốt mất, về sau dân đây lại tôn tượng để thờ như xưa.

50. — Nguyễn-minh-không

Người làng Đàm-xá phủ Tràng-an (Nam-định) tên là Nguyễn-chi-Thành. Lúc nhỏ đi học, xẩy gặp Từ-Đạo-Hạnh, mời theo học Đạo-Hạnh hơn 40 năm, (1) Đạo-Hạnh khen là người có chí cho ấn quyết và đổi tên gọi là Minh-Không thiền-sư cho ở riêng một chùa Quốc-thanh.

(1) Tục truyền hai ông sang Tây-trúc học đạo, một hôm ông Đạo-Hạnh dội lốt hổ để lừa ông Minh-Không. Ông Minh-Không biết ý, nói rằng ; « Cầu được ước thấy có khó gì.» Cho nên kiếp sau phải bệnh hóa hổ.

Khi Đạo-Hạnh sấp hóa, bảo Minh-Không rằng :

— Ngày xưa phật Thệ-tôn ta, đạo quả đã trou tiễn, mà còn có báu kim-tảo, huống chi lâu nay phép đạo suy mòn, thì ta giữ mình làm sao cho xiết được. Kiếp sau ta ở thế-gian, giữ ngôi nhân-chủ, chắc là không khỏi được bệnh nọ, người nên nghĩ nghĩa thầy trò, đến bấy giờ phải cứu cho ta. (1)

Đến khi Đạo-Hạnh hóa rồi, Minh-Không trở về quê nhà, cầy cấy làm ăn, trụ trì hơn 20 năm, không cầu tiếng tăm với đời.

Năm Thiên-chương-bảo-tự thứ tư đời vua Thần-tôn (1136), vua bỗng sinh ra một bệnh kỳ-dị, thuốc chữa thế nào cũng không khỏi. Tình thần phiền loạn, tiếng gào hét kinh người, (tục truyền vua hóa ra hổ). Các thầy thuốc, có hàng nghìn muôn người, nhưng không ai biết chữa ra cách làm sao.

Minh-Không nghe tin làm vậy, mới chống gậy đến chỗ trẻ con chọi, cho chúng nó ăn quà và dạy chúng nó hát rằng :

— « Tấp tách vông, có ông Nguyễn-minh-Không, chữa được Hoàng-thái-tử. »

Dần dần đám trẻ nào cũng hát câu ấy, tiếng đến tại triều-dinh, Triều-dinh sai sứ đi hỏi thăm mà tìm được Minh-Không. Minh-Không thấy sứ-giả đến triệu mình, mới thổi một nồi cơm con, cho bọn chở thuyền cùng ăn.

Sứ-giả nói rằng :

— Bọn chở thuyền đông lăm, có một nồi cơm con thế kia, thì ăn làm sao ?

Minh-Không nói :

— Hãy cứ ăn đi, lúc nào thiếu sẽ hay.

Minh-Không mới sai dỗ cơm ra rá, thì càng dỗ càng nhiều, hàng mấy trăm người ăn mà vẫn không hết. Chúng cùng ngạc nhiên lấy làm lạ. Đến lúc ăn xong, Minh-Không bảo các quân chở thuyền rằng :

— Các anh hãy ngủ đi một lát, đợi lúc nào có nước thủy-triều lên sẽ đi.

Chúng nghe nhời, nằm ngủ cả trong thuyền, một lát tỉnh dậy thì thuyền đã ngược đến Kinh-đô rồi, ai nấy mừng rỡ cho là phép tài.

Minh-Không đến Kinh, các thầy thuốc cùng các thầy phù-thủy đang túc chực cả trên điện, mỗi người dùng một cách

(1) Sứ chở là Đạo-Hạnh để thuốc lại giao cho Minh-Không.

chữa bệnh cho vua, mà vẫn chưa thấy nào kiến hiệu. Trông thấy Minh-Không đến, ăn mặc què mùa cộc kệch, chúng ai cũng khinh bỉ, không thèm chào hỏi đến. Minh-Không lấy một cái đanh dài 5, 6 tấc, đóng lên trên cột, nói to lên rằng :

— Hễ ai rút được cái đanh này ra, thì mới chữa được bệnh hoàng đế.

Nói hai ba câu, không ai thèm trả lời, Minh-Không mới lấy hai ngón tay trái sờ nhô ra, cái đanh ấy bật ngay ra ngoài.

Minh-Không đến tận trước mặt vua, thét to lên rằng :

— Đại-trương-phu đã phú quý mà làm đến thiên tử, sao lại còn cuồng loạn như thế?

Vua sợ hãi run lật đật, Minh-Không sai lấy cái vạc to, đổ nước hòa thuốc vào đun lên, đun sôi một trăm giọt, Minh-Không lấy tay khoắng vào trong vạc thuốc hai ba lượt rồi múc ra tắm cho vua, tắm xong thì vua khỏi bệnh. (1)

Vua khỏi rồi, phong Minh-Không làm quốc sư, thưởng cho vài trăm nóc nhà, cho lấy thuế mà ăn.

Đến năm Đại-dịnh thứ hai Minh-Không mất, bấy giờ đã bảy mươi sáu tuổi. Minh-Không mất rồi thiêng lăm, nhiều sự hiển linh. Phàm dân xã cầu mưa đảo nắng rất nghiêm. Các chùa ở huyện Giao-thủy, huyện Phả-lại, có tò tượng Minh-Không để thờ cả.

51. — Trần-Lộc

Lúc nhà Lê trung-hưng, việc binh cách mới yên, sinh lâm yêu quái, dân gian khổ sở. Bấy giờ có người làng An - động, huyện Quảng-xương, tỉnh Thanh-hóa, tên là Trần-Lộc, có phép phù-thủy. Một bữa Trần-Lộc đi qua trái núi Na-son, đang lúc mùa hè nắng nực mới nghỉ mát ở dưới rặng tre. Sức ngang đầu tròng lên trên núi, thấy có một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, đang đứng dựa cạnh sườn đá ngóng xem rừng rú, rồi cầm nón vẩy Trần-Lộc lên.

Trần-Lộc sẵn áo trèo lên, chiều tối mới đến đỉnh núi, cú đầu lạy ông cụ ấy.

Ông cụ ấy bảo rằng :

— Bụng thầy mến đạo lăm, giờ cũng chứng cho rồi, sai ta xuống cho thầy mấy bài quyết đây.

(1) Tục truyền vua tắm xong thì bao nhiêu lông lốt hổ tuốt cả ra, vì thế mới khỏi bệnh.

Nói đoạn, giao cho ấn quyết, rồi lại ghé vào tai dặn rằng:

— Đây là phép phật Thượng-phuong dây, nên nhận lấy mà phải siêng năn tẽ độ cho đời.

Nói xong thì biến. Trần-Lộc ngang lên giờ lạy tạ rồi trở về. Từ đấy thí nghiệm phù phép nổi tiếng cao tay bùa bèn. Mới tự xưng mình là Phật-tổ-như-lai; hai con gọi là tá-hữu-tôn-thánh; học-trò nhơn gọi là tiền-quân-tôn-thánh; học-trò khác gọi là bồ-tát, kim-cương, minh-sư, chia làm ba hạng; thượng-thừa, trung-thừa, hạ-thừa.

Trần-Lộc nghe tin ở núi Mỏ diều (thuộc về Ninh-bình), có con yêu-tinh, thường hại những người đi đường, mới đến núi ấy để trừ nó. Con yêu ăn mặc ra dáng con gái trong cung, giữ trên đầu núi đ𝐞 cự nhau với Tồ-sư ba ngày. Tồ-sư giận lắm bắt một cái quyết Bài-sơn, sạt một góc núi. Con yêu hóa ra con quạ, bay lên trên giờ, Tồ-sư lại bắt luôn mấy cái quyết bắn theo, con yêu tin phải quyết, sa xuống đất chết.

Lại ở nước ta về mặt tây-nam có 12 cửa bể, mỗi cửa bể có một thần sóng, chỗ nước cồn như núi rỗi đồ xuống, thuyền bè đi qua hại nhiều. Tồ-sư sai học-trò bắn chết chín thần sóng, còn sót ba thần chưa trừ xong, xảy cò việc phải vào coi Sùng-sơn, mới bỏ sót lại.

Bấy giờ vua Thần-ton phải bệnh kì quái, có người cho là nhân quả kiếp sau vua Lý Thần-ton, các quan lầy làm lo lắng. Đại-nghuyên-súy là Thành-vương đã phải xin ngài nhường ngôi cho thái-tử, đ𝐞 ở riêng một cung mà trị bệnh. Vài năm không thuốc nào khỏi. Nghe tin Tồ-sư cao tay phù chú, sai xứ dón ra đ𝐞 trị bệnh. Tồ-sư vì tây nam có nhiều yêu khí, không thể đi được, sai học-trò là Pháp-bộ kim-cương đi thay. Kim-cương vào cung, vô ngực niệm chú, hơn một tháng thì Thượng-hoàng khỏi bệnh, mới cho lập riêng một trường nội-đạo, đ𝐞 cho vinh hiển.

Kim-cương trở về, đi qua làng Bố-yệ trong làng đang họp uống rượu. Kim-cương vô ý, đứng tiều-tiện ngay trước cửa đình, bị tuần làng ấy bắt trói lại, van vỉ mãi mới được tha. Kim-cương trở đi, nghành lại bắt một cái phộc-quyết, tự dựng già trẻ ở trong đình, ôm cả vào cột, như người bị trói, giằng gỗ ra thế nào cũng không được. Cả làng kinh hãi, đuổi theo tìm Kim-cương thì không thấy đâu.

Việc ấy đến tai vua, vua biết là tự Kim-cương, sai người vào nói với Tồ-sư. Tồ-sư bắt Kim-cương phải giải cái quyết ấy rồi thu cả lấy các pháp bảo của Kim-cương học được, chỉ cho vài quyết trừ tà mà thôi.

Đạo-nội-trường mới có từ đấy.

CHƯƠNG THỨ VII

Các người có danh tiếng

52. — Ngô-Soạn

Ngô-Soạn tự là Tử-Văn, người huyện An-dũng, phủ Lạng-thượng, có khí khai cương trực ghét kẻ gian phi, người ta thường khen là người có thẳng tính.

Cạnh làng ấy có một cái đèn, xưa nay linh ứng lắm. Từ khi cuối nhà Hồ, quân Tầu sang xâm chiếm, ở xứ ấy làm nơi chiến-trường. Có tên bộ-tướng của Mộc-Thanh là Thời-bách-hộ, chết trận ở đấy thành ra yêu quái, dân gian làm người khuynh gia bại sản đê cầu cúng mà không yên.

Ngô Tử-Văn thấy vậy tức lắm, tẩm gội khăn trời mà đốt cái đèn ấy, Tử-Văn đốt xong trở về, nghe trong mình hơi khác, rồi thì dùng minh rức đầu, nỗi cơn sốt rét mà người thì mê mẫn bàng hoàng. Trông thấy một người to lớn lực lưỡng, đội mũ mặc áo, ra dáng người lầu, tự xưng là Cư-sĩ, bắt phải làm đèn lại miếu khác, không có thì sinh và.

Tử-Văn không nói làm sao, cứ ngồi nghiêm nhiên như không.

Người Tàu nói rằng :

— Phong-đô (âm-ti-địa-ngục) chẳng xa gì đâu, nếu không làm lại đèn cho ta, ta sẽ lôi ngươi đến ngục ấy.

Nói đoạn đứng phắt đi ra.

Chiều hôm ấy Tử-Văn lại thấy một người áo vải mũ thảm; cách điệu khoan hòa, đi từ từ vào trong thềm, chào nói rằng :

— Tôi là Cư-sĩ đây, nghe ông làm được việc sướng quá, nên tôi đến mừng.

Tử Văn ngạc nhiên nói rằng :

— Mới rồi người mặc áo khách, tự xưng là Cư-sĩ, có phải là thần thổ địa này không ? Sao bây giờ cụ lại xưng là Cư-sĩ

Ông cụ ấy nói rằng :

— Hắn là tướng bại trận ở bên Tầu, hắn nhờ gửi bên nước Nam ta, chiếm lấy dền miếu của tôi mạo tên họ tôi, gian giảo độc ác, trên thì man cả giờ, dưới ngược với dân, phạm các sự yêu quái, là tự hắn cả, chờ không phải tôi làm điều gì. Tôi là Ngự-sử thời vua Lý Nam-dế, chết vì việc nước, được phong ở đây, giúp dân hộ chúng, đã hơn nghìn năm nay, có điều gì hung dữ như nó đâu. Vì tôi hờ cơ không giữ gìn, bị nó đánh đuổi đi, hiện tôi phải nương nhờ ở dền thần Tân-viên đã mấy năm nay rồi.

Tử-văn nói :

— Nếu như thế sao không kêu với Thiên-dinh, mà chịu bỏ chức vị đi nhờ chỗ khác ?

Ông già nói :

— Thế lực nó lai làng, khó lòng lay động được nó. Tôi muốn kêu, thì nó dùng trăm chiêu ngăn trở lại. Các thần-tử bên cạnh, tham của đùi-lót, tranh nhau di nhậm cho nó, bụng tôi không tò giải được lên, cho nên phải nhịn nhục thế này.

Tử-Văn hỏi :

— Nó hung dữ như thế, có hại được tôi không ?

Ông già nói :

— Nó đang muốn cam tâm với ông, thế nào nó cũng kiện ở dưới âm-ti. Tôi xin dò truyện nó, lại bảo cho ông biết để mà tìm phương lo liệu, kéo mà chết oan. Khi nào âm-ti có tra hỏi, thì ông cứ lấy nhời tôi làm chứng, nó có không chịu, thì xin hỏi dền dền Tân-viên, như thế thì không cãi được nữa.

Tử-Văn vâng nhời. Đến đêm, bệnh lại nặng thêm; mơ thấy hai tên quỉ-sứ, bắt diệu dem đi đến một dinh phủ nhỏ, ngoài có tường sắt cao chừng vài mươi trượng. Hai tên quỉ-sứ vào bẩm, rồi ra báo rằng : « Tôi anh nặng lắm, không có phép nào tha được. » Nói xong, vẩy tay xua sang mặt bắc. Mặt ấy, có con sông to, trên sông bắc một dãy cầu dài, ước hơn nghìn dặm, sông đen như mực, mùi gió tanh hôi, khí lạnh buốt đến tận xương. Hai bên cầu có vài vạn quân da-xoa, mắt xanh tóc đỏ, mặt mũi dữ dội. Hai tên quỉ-sứ lấy trạc to trời Tử-Văn, diệu ra đường ấy.

Tử-Văn kêu to lên rằng :

— Tôi là người thẳng tính trên dương-gian, có tội lỗi gì, xin bảo cho biết, không nên bắt oan ủng thế này.

Sức nghe trên điện có tiếng truyền rằng :

— Thắng ấy nó cũng cõi lăm, nếu không phân đoán cho rõ tội, thì sao nó chịu? Vậy thì hãy đem nó vào đây.

Hai tên quí-sứ mới dẫn Tử-Văn vào cửa phủ, thì đã thấy người mặc áo khách đang kêu ở ngoài sân.

Diêm-vương quở mắng Tử-Văn rằng:

— Cư sĩ kia hắn là người trung-thần đời trước, có công với nước, Thượng-dế phong cho hắn được hưởng cung tế ở một phuong. Mày là thằng học-trò, sao dám ngược mà đốt đèn của hắn? Thế là mày làm nên tội, còn cãi được nữa không?

Tử-Văn kê rõ lại sự đầu đuôi như nhời ông già nói trước, rạch ròi minh bạch, không lúng túng câu nào.

Người khách đứng nguyên đơn kêu rằng:

— Nó ở trốn vương-phủ này, mà còn nỏ mồm cãi cọ, gây sự phao vu, huống chi một cái đèn hoang của tôi, thì nó còn sợ gì mà chẳng đốt?

Tử-Văn lại kêu rằng:

— Đại-vương nếu không tin nhời tôi, xin hỏi đến thần Tân-viên thì dù biết hư thực. Tôi nhược bằng nói sai, xin cam chịu tội.

Người khách thấy viễn chừng đã có ý sợ, mới quí xuống tâu rằng:

— Thủ-sinh kia thực là ngây dai, tội là đáng lăm, nhưng diện-hạ đã quở mắng nó, cũng đủ dǎn nő rồi, vậy xin ngài rộng lòng cho nó, để tỏ cái lương nhân từ của ngài, bất tất phải tra cứu cung kiệt làm gì nữa.

Diêm-vương nghe nói, biết ý, mới quát lên rằng:

— Nếu như thế thì tội tại mày rồi đó, luật gian dối còn đủ cả đây, sao mày dám xuất nhập nhân tội?

Lập tức sai người đến núi Tân-viên, xét hỏi tường tận, quả hợp bết cả nhời Tử-Văn.

Diêm-vương giận lăm, bảo các phán-quan rằng:

— Các người chia giữ các tòa, mỗi người coi một việc, nếu phải cầm lồng công bình, thường phạt cho đích đáng. Thế mà sao còn dễ cho bọn gian giảo nó khi trả được? Ấy là ở đây còn thế, huống chi đời Hán, Đường, bán quan mua tước, cái tệ còn nói làm sao cho xiết!

Lập tức sai lấy gông sắt đóng gông và lấy miếng gỗ tròn nhét vào miệng người khách, áp diệu vào ngực cửu-u, mà Tử-Văn thì sai tha cho về.

Diêm-vương bảo với Cư-sĩ rằng:

— Tử-Văn kia nô có công trừ được hại cho dân, phàm các đồ cúng tế mồng năm ngày tết, người nên xé một nửa mà chia cho hăn.

Tử-Văn về đến nhà, thì chết đã hai ngày rồi mới hồi lại. Tử-Văn kể truyện ấy cho người làng biết, người làng mua gỗ chừa lại dền Cư-sĩ. Mà ngôi mả của người khách, tự nhiên trụt đất, xương cốt bật cả lên trên

Sau một tháng nữa, Tử-Vân lại mơ thấy Cư-sĩ bảo rằng :

— Lão phu được về miếu cũ, là công của ông cả, không biết lấy gì mà báo được ơn ấy. Hiện nay dền Tân-viên có khuyết một viên phán-quan, tôi hết sức đề bầu cử ông vào chức ấy. Diêm-vương đã ưng cho rồi, xin đem việc ấy đề báo cái ơn trước. Người ở đời xưa nay ai chẳng chết, nhưng chết mà tỏ được cái tiếng là hơn, vậy xin ông đề lòng cho, nếu chậm nữa tháng nữa thì có người tranh mất đấy.

Tử-Văn mừng rõ nhận nhời, dặn hết công việc cửa nhà, rồi tự nhiên vô bệnh mà mất.

Về sau, người huyện Đông-quan biết Tử-Văn, một buổi sớm gặp khi mưa rầm, trông thấy quân quan trầy đi đông lấm, mà có tiếng quát tháo dẹp đường để quan phán quan đi. Trông lên trên xe, thì là Tử-Văn, Tử-Văn cũng chắp tay cờ ý chào hỏi, nhưng không nói câu gì, cứ đi ào ào như gió.

Đến giờ con cháu nhà ấy, vẫn còn sự tích truyền lại.

53.— Nhị-Khanh

Tử-Đạt người ở Khoái-châu (Hưng-yên), làm quan ở huyện Đông-quan. Gần dãy có quan Thiêm-thư là Phùng-lập-Ngôn. Hai người đi lại chơi bời với nhau thâu thiết lầm. Phùng có con gái tên là Trọng-Qui, Tử có con gái tên là Nhị-Khanh, hai bên giai tài gái sắc, tốt lứa đẹp duyên, mới kết duyên Châu Trần với nhau.

Nhị-Khanh tuy còn ít tuổi, nhưng về làm dâu nhà họ Phùng, hiền hậu hòa thuận, ai cũng khen là người nết na. Trọng-Qui tính hay chơi bời, nàng kia khuyên ngăn mãi không được.

Năm sau, gặp khi ở tỉnh Nghệ-lâm giặc cướp, triều-dinh cần một quan cai-trị giỏi để bồ vào. Các đình-thần ghét Phùng-lập-Ngôn là người thẳng tính, có ý muốn hại ngầm, mới cử Lập-Ngôn vào chức ấy.

Lập-Ngôn sắp đáo lị, bảo với Nhị-Khanh rằng :

— Đường dài xa xôi, ta không muốn cho con đi theo, vậy thì con hãy tạm ở nhà, đợi khi nào giờ đất bình tĩnh, thì sẽ cho con về với chồng con.

Trọng-Quí thấy vợ không đi, có ý ngăn ngại, cũng muốn ở nhà, Nhị-Khanh bảo rằng:

Nay nghiêm-đường vì nói thẳng mà người ta ghét, tuy cất vào chỗ quan sang, mà kì thực đưa vào nơi đất chết. Muôn dặm ba đào, hai thân mưa nắng, chàng không đi thì ai là kẻ sớm trưa hầu hạ? Vậy thì chàng phải đi theo, chờ có vì tội mà bỏ mất đạo hiếu.

Trọng-Quí bất-dắc-dĩ phải theo cha mẹ về Nghệ, để Nhị-Khanh ở tại Đông-quan. Không được bao lâu, cha mẹ đẻ nàng Nhị-Khanh mất cả. Nhị-Khanh đem mả về táng ở phủ Khoái, rồi thi ở nương nhờ với người bà cô họ là Lưu-thị.

Bấy giờ có người quan võ họ Bạch, nguyên là cháu ngoại Lưu-thị, thấy nàng Nhị-Khanh có nhan sắc, muốn lấy làm vợ nói với Lưu-thị để dỗ hỏi nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh nghe tình sự hãi lâm, bảo riêng người vú già rằng:

— Ta còn nhẫn nhục đến giờ, là vì vướng có chàng họ Phùng còn đó, nếu không còn thì ta chết theo rồi, chứ không khi nào ta mặc áo xiêm của chồng ta, mà đi lèm đóm cho người khác, mụ ở nhà ta đã lâu, nên nhớ ăn tiệc chủ cũ, vào Nghệ hỏi thăm gọi về cho ta.

Người vú vâng nhời. Bấy giờ đang lúc loạn lạc đường sá khó khăn, mụ ấy cố sức tìm vào đến Nghệ, hỏi thăm thì ai cũng nói rằng: « Quan Tuyên-phủ Lập-Ngôn đã mất rồi, gấp phải con gai chơi bời, cửa nhà sa sút mất cả ». Người vú di đường, gặp Trọng-Quí ở trong chợ. Trọng-Quí đem về chỗ ở, thì chỉ còn một túp nhà gianh, bốn bề bỏ trống, mà đồ đạc chỉ có cái bàn cờ, bộ ấm chén uống rượu, và con gà chơi con chó săn mà thôi.

Trọng-Quí bảo người vú rằng:

— Ta vì đường xa xa xôi không sao về được, tuy ở chỗ này, nhưng lúc nào cũng nhớ đến nhà.

Người vú cũng nói cả truyện đầu đuôi ở nhà. Trọng-Quí mới định ngày về. Khi về đến nhà, hai vợ chồng lì biệt lâu ngày, nay lại xum họp, ân ái biết là đường nào. Nhưng Trọng-Quí đã qua thời chơi bời với người lái buôn là Đỗ-Tam. Trọng-Quí thì tham của nhà Đỗ-Tam. Đỗ-Tam thì tham nhan sắc của vợ Trọng-Quí, mới rủ nhau rượu chè cờ bạc, định lừa lẫn nhau.

Trọng-Qui đánh bạc thường thường hay được. Nhị-Khanh can rằng :

— Lái buôn tính hay lừa lọc, chờ nêu chơi bời với hắn nữa, bảy giờ tuy được của nó, rồi sau cũng thua hết với nó mà thôi.

Trọng-Qui không nghe. Một hôm, Đỗ-Tam họp bạn đánh bạc, bỏ ra trăm vạn quan tiền. Trọng-Qui muốn vay. Đỗ-Tam bắt phải viết giấy lấy nàng Nhị-Khanh làm cuộc. Trọng-Qui quen muối hay được, tưởng chừng chẳng đến nỗi thua nào, mới viết giấy cam-kết với Đỗ-Tam. Uống rượu rồi đánh bạc. Trọng-Qui thua luôn ba tiếng, hết sạch cả tiền, gọi vợ đến bảo rằng :

— Tôi vì nghèo ngặt, phải lụy đến nàng, nay đã trót nhỡ thế này, dù hối lại cũng không kịp. Thôi nàng hãy ở lại đây với ông ấy, không mấy bữa tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nhị-Khanh biết thân không khỏi được về tay nó, mới nói rằng :

Bố chồ nghèo theo chồ giàu, thiếp còn ngại gì, mà cũng là duyên giờ tiền định, ví dù chàng mà có bụng yêu đến thiếp, thì thiếp cũng xin hầu hạ chàng đệm như ở với chồng trước. Nhưng thiếp hãy xin một chén rượu, để biệt chồng cũ, và về nhà từ giã với con một đôi nhời.

Đỗ-Tam mừng lắm, sai rót vài chén rượu đưa cho uống, rồi về nhà ôm hai con ra vỗ vào lưng mà bảo rằng :

— Cha con bạc tình, không nương tựa được vào đâu, thôi thì các con ở lại với cha con, mẹ không mặt mũi nào bỏ con mà đi với người khác nữa.

Nói rồi tự vẫn. Đỗ-Tam chờ mãi không thấy đến, cho người gọi thì nàng ấy đã chết rồi. Trọng-Qui thương tiếc vô cùng, từ bấy giờ mới ăn năn, chừa chơi bời, nhưng sinh lý mỗi ngày một kém, sớm tối nhớ người, nhân có người bạn cũ làm quan ở Qui-hoa, mới đêm con sang đấy để nương nhờ. Đi đến nửa đường, mỏi mệt lắm, nghỉ ở dưới gốc cây bàng, bỗng nghe có tiếng trên không gọi rằng :

— Có phải chàng Phùng đấy không? Nếu chàng còn nhớ ân tình cũ, thì đến ngày ấy tháng ấy chờ tôi ở trong đèn bà Trưng-vương chờ coi u minh là khác.

Trọng-Qui nghe rõ ràng tiếng nàng Nhị-Khanh, ngẩng lên trông thì chỉ thấy đám mây đen bay về phương bắc. Trọng Qui nghĩ lấy làm lạ, y hẹn đến ngày vào đèn. Khi đến nơi thì bóng chiều đã xế, phong cảnh điều hiếu, chỉ có tiếng chim kêu ríu rít trên cây cổ thụ, tĩnh cảnh buồn rầu, muộn về thì giờ đã tối, mới

năm nghỉ ở trong nhà tả-mạc. Cuối cảnh ba; nghe tí tí có tiếng khóc, trước còn xa sau đến gần, trông mập mờ thấy rõ mặt, thì chính là nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh bảo Trọng-Qui rằng:

— Từ khi thiếp mất đi, Thượng đế thương tình, cho giữ riêng một đèn, coi về việc tấu sớ, không lúc nào rời mà thăm được chàng. Bữa trước nhân có việc đi làm mưa, xảy gặp chàng cho nên gọi lại mà hẹn, nếu không có dịp ấy thì không bao giờ được gặp nhau.

Trọng-Qui hỏi:

Nàng hẹn tôi đến đây có việc gì vậy?

Nhị Khanh nói:

— Thiếp thường được hầu cạnh Ngọc-Hoàng có nghe các tiên nói chuyện rằng: « Vận nhà Hồ đã hết, đến năm Bính-tuất có việc binh dao, chết hại hơn 20 vạn người, ai mà không vua giồng cây đúc, thì sợ mắc vào nạn ấy. Bao giờ có chân nhân họ Lê khởi lên thì mới yên. » Vậy chàng cố dạy hai con, phải vững lòng mà theo ông ấy, thì thiếp chết cũng được cái tiếng về sau.

Hai vợ-chồng truyện trò đến gần sáng mới biết Trọng-Qui từ khi ấy hết sức dạy bảo hai con, cho đến lúc thành người. Đến khi vua Thái-tô khởi nghĩa trong Lam-sơn, hai con mộ quân vào theo, về sau cùng làm đến Thị-nội, bây giờ ở phủ Khoái, con cháu nhà ấy vẫn còn thịnh.

45. — Tả-Ao

Người làng Tả-Ao, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, tên là Nguyên-đức-Huyễn, (có bản nói là Hoàng-Chỉ). Nhân tên làng, cho nên tục gọi là Tả-Ao. Lúc còn trẻ nhà nghèo lầm, mẹ phải bệnh lòã mắt, Tả-Ao mới theo người khách buôn ở phố Phù-thạch về Tàu, để lấy thuốc chữa mắt cho mẹ. Thầy thuốc khen là người có hiếu, mời dạy cho phép làm thuốc. Học thành nghề mới trở về, xáy có một thày địa lý chính tông đau mắt, sai người mời thày thuốc đến chữa, thày thuốc già yếu không đi được, mời sai Tả Ao đi chữa thay. Thầy địa lý khỏi đau mắt, thấy Tả-Ao có ý tứ khôn dẽ dạy, và cảm cát ợn chữa khỏi cho mình, mời truyền cho Tả-Ao phép làm địa lý, Tả-Ao học hơn một năm đã giỏi, thày địa muôn thử xem sức học làm sao, đồ cát làm ra hình sòng núi, rồi yểm 100 đồng tiền xuống dưới cát, và cho Tả Ao 100 cái kim, sai tìm huyết mà cắm kim vào lỗ đồng tiền.

Tả-Ao ngắm xem các huyệt, cắm trúng 99 cái kim vào 99 lỗ đồng tiền, chỉ sai mất một cái cắm ra ngoài.

Thầy địa-lý nói rằng :

— Nghè ta sang phương Nam mất rồi !

Mới cho Tả-Ao một cái tróc long và các câu thần-trú hô thầm để cho về nước Nam. Tả-Ao vâng lời từ về; về đến nhà thì mẹ vẫn còn mạnh, mới chữa thuốc cho mẹ khỏi lòe.

Một khi, đi qua núi Hồng-lĩnh, trông lên xem, thấy có kiều đất « cửu-long tranh-châu », mừng mà nói rằng :

— Huyệt đế-vương ở đây rồi !

Lập tức nhổ ngôi mộ của cha, cất vào huyệt trên núi. Không bao lâu, sinh được một đứa con gái. Người Tàu xem thiên-văn, thấy các vì sao chầu cả về phương Nam, biết là người nước Nam được đất. Chính-phủ Tàu truyền cho các nhà địa-ly, ai dě dắt cho người An-nam, hoặc là dạy người An-nam, thì phải sang nước Nam dùng thuật mà pha di, nếu không thì chu di cả ba họ.

Thầy địa-lý trước, biết chắc là ông Tả-Ao được đất mới sai con sang tìm đến nhà Tả-Ao, lập mưu mà triệt di.

Người ấy tìm đến nơi, vào chơi nhà mà bảo rằng :

— Từ khi đại huynh ở Tàu về, đã cất được ngôi tiều phần nào chưa ?

Tả Ao nói thực cả truyện trước. Con thầy Tàu mới dùng mèo đào lấp ngôi mộ ấy, mà bắt đứa con của Tả-Ao đem về Tàu.

Được ít lâu, mẹ Tả Ao mất. Tả-Ao tìm một ngôi đất ở ngoài bãi bè, kén ngày kén giờ để hạ huyệt. Đến giờ sóng gió ầm ầm người anh Tả-Ao giữ áo quan của mẹ, không cho hạ xuống, một lát sóng gió yên thì ở đấy nổi lên thành bãi rồi.

Tả Ao than rằng :

— Đây là hòn rồng đây, cứ 500 năm mới há miệng ra một lần, nà há chỉ trong một lát mà thôi. Bây giờ đã ngâm lại rồi, còn táng làm sao được nữa. Giờ không cho thi chỉ uông mất công ta mà thôi !

Tự bấy giờ Tả-Ao không chịu làm ăn gì cả, chỉ lang thang đi làm đất cho người ta, một bữa đi xem đất đến làng Bút-sơn, huyện Hoằng-hoa, thấy có một huyệt đất hay, bèn bảo người ta rằng : « Có ngôi đất, táng giờ Dần đến giờ Mão thì phát, nếu ai táng ngôi ấy tất được của, hễ ai chịu nhường cho ta một phần chia mìn, thì ta cho ngôi đất ấy ». Có một người xin táng, Tả-Ao dẫn đến sang sớm mai thì cất. Táng xong, mặt giờ mới mọc.

Người ấy vác cuốc ra rùa chén ngoài sông, thấy một người chết trôi, nhẫn thè có cuốc, mới vớt lên chén cho xác ấy, thấy trong bọc người chết có hai túi bạc, mở ra đếm thì được 50 văn, mới biết Tả-Ao là tài, biếu Tả-Ao 5 nén, rồi Tả-Ao đi.

Khi đến huyện Thanh-liêm, lại tìm được một ngôi, bảo người ta rằng : « *Đây có ngôi đất, chỉ táng trong một tháng thì phát quật-công, nếu ai cho ta 100 quan tiền, thì ta táng cho* ». Có một ông nhà giàu xin táng. Bấy giờ chúa Trịnh đang đánh nhau với nhà Mạc. Tướng nhà Mạc là Mạc-kinh-Độ thua trận ở huyện Kim-bảng chạy chốn. Chúa Trịnh giao ai bắt được thì thưởng cho làm quận-công một đời. Ông nhà giàu ấy táng được 20 ngày rồi. Bỗng một hôm thấy có một người vào nhà bảo rằng : « *Ta là Mạc-kinh Độ đây, cho ta đánh một bữa chén, ta sẽ làm ơn mà cho đêm nopol lấy thưởng* ». Ông nhà giàu mừng rỡ, làm cơm thiết đãi. Mạc-kinh-Độ ăn uống xong, cho trói mình lại mà đem đến đồn Cầu-châu nộp cho chúa Trịnh. Chúa Trịnh lập tức thưởng cho làm quận-công. Người ấy được thưởng tạ Tả-Ao 100 quan tiền, Tả-Ao chỉ lấy 3 quan để ăn đường, rồi đi chỗ khác.

Từ bấy giờ danh tiếng đồn khắp thiên-hạ. Tả-Ao đi chu-du bốn phương, phàm 20 năm giờ. Đi qua các huyện Gia-bình, Từ-liêm, Đông-ngạo, Siêu-loai, Gia-lâm, láng cho nhà nào cũng được, nhớn thì làm đến Tiễn-sĩ, Thuợng-thư; nhỏ cũng làm nên giàu hùng trưởng. Kể ra nhiều lầm, không sao cho xiết.

Khi đi qua làng Thiên-mỗ, thấy có một ngôi đất to, muôn táng hộ cho nhà họ Trần. Vừa đặt tróc-long xuống đất, tróc-long đồ ba lượt. Tả-Ao niệm phù-chú gọi Thủ-thần lên hỏi, thì thủ-thần nói rằng : « *Đất này phát ba đời quốc-sư đại-vương, con cháu công hầu không bao giờ hết. Giời đã để dành cho nhà Nguyễn-quí-Đức; còn nhà họ Trần kia ít hồng phúc, không kham nổi được đất này; nếu ông làm cưỡng cửa giời thì tất có vạ. Vả lại ông đi khắp thiên-hạ, làm phúc cho người ta đã nhiều, mà không được ngôi nào để táng cho cha mẹ, ông nên nghĩ thế thi biết* ». Vì thế, Tả-Ao từ bấy giờ không dám khinh thường đền mà cho ai nữa.

Tả-Ao sinh được hai con trai, nhà thì nghèo mà làm đất không lấp tiền của ai, cho nên con cái thường không đủ bữa mà ăn. Khi đã già, tìm sẵn một ngôi đất sinh-phần cho mình, ở xứ đồng khoai, gọi là cách « *Nhất khuyễn trực quan dương* ». (Nghĩa là một con chó đuôi dài-dέ). Nếu táng được ngôi ấy, thì chỉ ba ngày thành địa-liên đến lúc phải bệnh, sai hai con khiêng mình

ra đáy, toan phản kim lấy rồi lầm xuống cho chôn; nhưng đến nứa đường thì đã gần chết, không kịp đến được chỗ kia, mới trỏ một cái gò bên cạnh đường, dặn con rằng: « Chỗ kia là ngõ huyệt-thực (nghĩa là được hưởng người ta cùng lẽ), bắt-dắt-dĩ tang ngay ở đáy cũng xong ».

Nói xong thì mất, bấy giờ mới 65 tuổi. Hai con đem tang vào gò ấy, quả nhiên về sau làm phúc-thần một làng.

Địa-lý xưa nay ở nước Nam, không ai giỏi bằng ông Tả-Ao, thế mà chỉ làm phúc cho người, đến mình thì không sao làm được, mà con cái vẫn nghèo khổ. Thế mới biết rằng câu tục-ngữ nói « Tiên-tích-phúc-nhi-hậu-tầm-long ».

55. — Nguyễn-thị-Điềm

Thị-Điềm người huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương (1) em gái ông Tiến-sĩ Nguyễn-Trác-Luân. Lúe lên 5, 6 tuổi, học sách Hán-cao-tô, anh có ra câu đối rằng:

« Bạch-xà dương đạo ; Quí bạt kiếm nhi trăm chi. »

Thị-Điềm đối rằng:

« Hoàng-long phủ chu ; Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết. » (2)

Anh chịu câu ấy là tài, tự bấy giờ cho chuyên tập về nghề nghiên bút. Đến năm 15 tuổi, văn chương đã giỏi lắm. Một khi ngồi trước cửa sổ soi gương, anh ra câu đối rằng:

« Đối kính họa mi ; nhất điểm phiến thành lưỡng điểm. » (3)

Thị-Điềm ứng khẩu đối rằng:

« Lâm trì ngoạn nguyệt ; chích luân chuyên tác song luân. » (4)

Thái-học-sinh là Đặng-trần-Côn nghe tiếng Thị-Điềm hay chữ, đưa thơ đến cõi ý muôn giờ.

Thị-Điềm xem thơ cười nói rằng :

— Trẻ thơ mới học, thơ từ chẳng bõ ngứa tai !

Đặng-trần Côn tức giận trở về, cố công đi học, mới thành danh-sĩ.

(1) Đăng-khoa-lục cho là người Bình-lao, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Tang-thuong-lục cho là người Bắc-giang, chưa biết đích nhđi nào là phải.

(2) Hai câu cùng chữ săn mà chơi nhau từng chữ, cho nên tài.

(3) Nghĩa là soi gương vẽ lông mày, một nét hóa ra hai nét. Điểm là nét vẽ, lại là tên bà ấy, có ý một nàng Điềm hóa ra hai nàng Điềm nữa.

(4) Nghĩa là cạnh sông xem bóng giăng, một vũng giống như hai vũng. Luân là vùng giăng, vừa là tên anh. Có ý một ông Luân thành ra hai ông Luân nữa.

Bấy giờ tiếng Thị-Điêm lùng lẫy chốn kiinh-thanh. Các học-trò bay chữ ai cũng muốn trêu ghẹo. Một hôm, có Nguyễn-huy-Ký ở Thụy-nghuyên, Trần-danh-Tân ở Cồ-am, Nguyễn-bá-Cử ở Cồ-dô, Võ-Toại ở Thiên-lộc, bốn người ấy có tiếng hay chữ, người ta thường gọi là « Tràng-an tứ-hồ » (nghĩa là bốn con hồ ở chỗ Tràng an). Bốn người đến chơi tận nhà Thị-Điêm, muốn thử làm thơ với nhau.

Thị-Điêm ra câu đối rằng :

« Định-tiền thiếu-nữ khuyển tần-lang. » (1)

Bốn người không đối được, phải xâu hò trả về.

Lại một khi Thị-Điêm đi thủng thẳng một mình, gặp quan Thượng-thư là Nguyễn-công-Hãng ở ngoài đường. Công-Hãng bắt Thị-Điêm vừa đi vừa ngâm một bài thơ. « Đi một mình. »

Thị-Điêm ngâm ngay rằng :

« Đàm đạo cõi kim tâm phúc hữu. » (2)

« Chu toàn tả hữu cõi quăng thần. » (3)

Công-Hãng khen hay hay, thưởng cho 10 quan tiền.

Trong thời Long-đức (dời vua Thần-tôn nhà Lê) có sứ Tầu sang phong vương. Hoàng-thượng sai Thị-Điêm đứng chực ở ngoài cửa Đoan-môn. Thị-Điêm có ý muốn trêu ghẹo sứ-giả. Sứ-giả nói đùa một câu rằng :

« An-nam nhất thốn thò ; bắt tri kỉ nhân canh ? »

Thị-Điêm đối rằng :

« Bắc-quốc đại trưởng-phu ; giai do thủ dò xuất ! »

Sứ-giả thẹn đỏ mặt rồi đi.

Thị-Điêm kể chồng kĩ lăm, không ai lấy được. Ngoài 20 tuổi, mới lấy lẽ quan Thượng-thư ở huyện Từ-liêm là Nguyễn-Kiều. Hai vợ chồng quý trọng nhau như vàng.

Thị-Điêm có làm ra bộ sách « Tục-truyền kỳ » lưu truyền ở đời.

(1) Thiếu-nữ một nghĩa là giò, một nghĩa là con gái nhỏ.

Tần-lang một nghĩa là cau, một nghĩa là rễ mồi. Câu này nghĩa là : Trước sân giò động cây cau vì có thêm ý con gái nhỏ mồi rễ mồi ăn giàu, cho nên khó đối.

(2) Bản bạc truyện xưa nay, có người lồng ruột.

(3) Chung quanh bên tả hữu, có bày tôi chán tay.

Hai câu chứng chạc, mà rõ là tình cảnh dì một mình.

MỤC LỤC

Tựa.....	Trang 3
----------	------------

CHƯƠNG THỨ I

Các bậc đại-anh-kiệt

1. — Trung-vương.....	5
2. — Bố-cái đại-vương.....	6
3. — Bình-Tiên-hoàng.....	8
4. — Lý-Thái-16.....	10
5. — Lê-Thái-tổ.....	12
6. — Bắc-Binh-vương.....	14
7. — Gia-Lồng-dé.....	16

CHƯƠNG THỨ II

Các bậc danh-thần

8. — Lý-thường-Kiệt.....	20
9. — Tô-hiện-thành.....	21
10. — Trần-Hưng-Đạo.....	23
11. — Nguyễn-Trãi.....	24
12. — Trịnh-Kiểm.....	29
13. — Lương-hữu-Khách.....	30
14. — Phạm-đinh-Trọng.....	35
15. — Đào-duy-Tử.....	42
16. — Trịnh-Ngô-Bắc.....	44

CHƯƠNG THỨ III

Các bậc danh-hiển

17. — Mạc-đinh-Chi.....	46
18. — Chu-Tứu-Án.....	51
19. — Nguyễn-bình-Kiểm.....	53
20. — Dặng-đinh-Tướng.....	57

— II —

CHƯƠNG THỨ IV

Các bậc văn tài

21.	— Nguyễn-Hiền	58
22.	— Lương-thể-Vinh	61
23.	— Vũ-công-Duê	64
24.	— Giáp-Hải	66
25.	— Phạm-Trấn, Đỗ-Uông	70
26.	— Lê-như-Hồ	72
27.	— Phùng-khắc-Khoan	75
28.	— Lê-quí-Đôn	76

CHƯƠNG THỨ V

Các bậc mưu-sử-đế

29.	— Lê-phụng-Hiền	81
30.	— Đoàn-Thượng	83
31.	— Phạm-ngũ-Lão	84
32.	— Nguyễn-Xí	86
33.	— Phạm-tử-Nghi	88
34.	— Đinh-văn-Tả	89
35.	— Võ-Tính	90
36.	— Nguyễn-văn-Thành	93
37.	— Lê-văn-Duyệt	97

CHƯƠNG THỨ VI

Các vị thần linh-Ứng

38.	— Sứ-đồng-Tử	101
39.	— Phù-đồng-thiên-vương	103
40.	— Tản viễn sơn-thần	106
41.	— Lý Hiệu-úy	108
42.	— Tô-lịch giang-thần	109
43.	— Bạch-mã thần	111

44. — Sóc-thiên-vương.	113
45. — Liêu-hạnh tiên-chúa.	113

CHƯƠNG THỨ VII

Các vị tiên-thích

46. — Tú-Thức.	117
47. — Tú-Uyên.	120
48. — Phạm-Viên.	122
49. — Tù-dạo-Hạnh.	125
50. — Nguyễn-minh-Không.	128
51. — Trần-Lộ.	130

CHƯƠNG THỨ VIII

Các người có danh-tiếng

52. — Ngô-Soạn.	132
53. — Tù-nhị-Khanh.	135
54. — Tả-ao.	138
55. — Nguyễn-thì-Điều.	141